

MỤC LỤC

NGƯỜI QUAY TƠ	2
GIẤC MỘNG TỪ LÂM.....	5
GIẾT CHỒNG BẢO THÙ CHỒNG	16
BÓNG NGƯỜI TRÊN SƯƠNG MÙ.....	23
THÁNG NGÀY QUA.....	28
ĐẦU ĐƯỜNG XÓ CHỢ	34
NƯỚC CHẢY ĐÔI DÒNG	39
NGHÈO.....	45
CHẾT DỞ.....	51
THẾ RỒI MỘT BUỔI CHIỀU	57
LÒNG TỬ TẾ.....	73
HAI CHỊ EM	78
CÁI TẮY.....	84
LAN RỪNG.....	91

NGƯỜI QUAY TƠ

Tử Nương là một người con gái thôn quê làm nghề chăn tằm, ươm tơ, ở làng Xuân Nghi huyện Hồng Lạc. Nhà nghèo, cha mẹ đã già, làm lụng để nuôi hai thân. Cô trông xinh lắm, người thanh thanh vừa tầm, hai con mắt êm đẹp, mỗi khi trời nắng, gió lạnh, cô ra sân hai tay ngọc xe sợi tơ vàng dẹt lụa là cho người trong làng mặc. Một hôm, đương ngồi quay tơ ngoài sân thời có một người học trò nho đi qua, thấy nàng đẹp quá mê đứt đi, ngày nào cũng hai lần trèo qua cái đồi cao, sang để gặp mặt nàng như thế, được gần một năm. Về sau nàng biết mà cảm thương, đem lòng mến. Mùa đông gió trên đồi thổi mạnh, lắm hôm rét quá mà nàng cũng chịu khó ra ngồi quay tơ ngoài sân cho người học trò được trông thấy mặt.

Tin đi mối lại rồi hai người lấy nhau, lúc ấy nàng mới có mười sáu tuổi. Nhà chồng nghèo nàng vẫn giữ nghề cũ nuôi chồng đi học, năm sau đỗ tú tài. Hai vợ chồng hòa hợp thương yêu nhau lắm, lấy nhau được trên hai năm cũng chưa có con cái gì. Một hôm ông tú gọi nàng đến, khóc và dặn rằng:

- Tôi đi phen này chưa biết bao giờ về, mà tôi cũng không mong đâu trở về nữa, không biết có còn thấy được mặt nhau nữa không?

Nàng nói:

- Thôi tôi hiểu cả rồi, việc của nhà tôi xin thay, chàng cứ yên tâm mà đi. Việc gì phải khóc lóc thế. Làm tài trai trong nước mà không được như người con gái quê mùa này ư?

Nhưng nàng nói thế rồi nàng cũng khóc theo. Ông tú lên Hà Nội, rồi đi đâu mất, họ đồn là theo bọn văn thân. Mấy tháng sau có mật thám về bắt bà cụ chánh là bà mẹ ông tú và từ đường lên tra hỏi. Lúc mới đến, nàng biết ngay, mặt tái ngắt, song gượng lại ngay mà nói:

- Các bác cứ để yên tự khắc bà tôi và tôi sẽ lên, chúng tôi không việc gì mà phải trốn, không cần phải xích tay, xích chân gì cả.

Các bác kia thấy người con gái nhà quê mà ăn nói cứng cáp, khẳng khái, bằng lòng để cho hai mẹ con được tự do.

Ông tú phải đi đầy Côn Lôn chung thân: nàng lại đem bà Huấn về quê giữ cái guồng tơ khung cửi để lấy tiền phụng dưỡng thay chồng. Như thế được bốn năm trời: từ mẹ chồng cho đến người trong họ ai ai cũng cho phép nàng cải giá, nàng nhất định không lấy ai cả, quyết giữ lời thề với người cũ. Ông tú ở Côn Lôn cũng mấy bận viết thư về khuyên nàng, bắt nàng lấy người khác, lời lẽ thảm thiết thương. Nàng xem thư chỉ khóc rồi có khi nào nhớ chồng, lên tít trên đỉnh đồi cao mà đứng trông, có khi về nhà bố mẹ đẻ ra ngồi quay tơ ngoài sân, tưởng tượng đến lúc gặp gỡ người thư sinh từ mấy năm về trước; những lúc ấy thời nàng lại đẹp lên bội phần, ai cũng thương mà ai cũng yêu, trong làng nhiều người rắp ranh bắn sỏ: một ông giáo có quen ông tú, góa vợ đã lâu cũng đem bụng yêu nàng, cho mối sang hỏi. Lúc mối sang, nàng biết ngay, than rằng:

- Ai ngờ bác giáo mà cũng đến như thế ư!

Nói xong mắng mối đuổi ra. Ai cũng giận mà ai cũng mến nàng hơn trước.

Bà cụ Huấn mất, nàng làm ma chay cho chu đáo, rồi lên tỉnh xin phép đi theo chồng. Xin mãi mới được phép, Nhà nước lại cho cả tiền tâu nữa.

Nàng về quê thu xếp, rồi một thân một mình ra đi, đất lạ quê người. Nàng ở bên ấy với chồng khổ sở trong ba năm, sinh được một đứa con trai thời ông tú bảo nàng về:

- Như tôi chiếc thân đầy đoạn đã đành chứ vợ con tôi thời có tội tình gì, nay đã được đứa con để nối dõi thời mợ đem con về nước, cố mà nuôi cho nên người khí khái, chứ ở đây với tôi mãi, thời chỉ thêm phí hai đời người nữa mà thôi. Còn tôi... tôi cũng không định sống lâu đâu, xin đừng tơ tưởng đến tôi nữa!

Nói xong, nắm tay vợ khóc mà từ biệt.

Hôm nghe tin nàng đem con về, cả làng Xuân Nghi ai ai cũng rủ nhau ra quán đón mừng. Lúc nàng bế con ở trên xe xuống

hai con mắt ngơ ngẩn đưa nhìn khắp hết người làng, trông nàng có cái vẻ thần tiên: nàng có vẻ cảm động quá ứa nước mắt mà khóc, người làng cũng nhiều người khóc theo.

Nàng thấy ai cũng có bụng kính mến, nên vui lòng mà làm ăn, tậu được cái nhà con ở chân đồi ngày ngày đi buôn hàng tẩm. Một hôm nàng đang ngồi chơi với con thoir có giấy về báo tin rằng ông tú tự tử mất đã được hơn một tháng rồi. Nàng ôm con vào lòng rồi ngã xuống ngất người đi. Mấy ngày hôm sau mới nhận được bức thư ông tú gửi về từ biệt.

Nàng cũng khuây dần: có lẽ nàng nghĩ mình đã có con cũng đủ, và một đằng sống một đằng chết, sống mà cũng như chết, thời thà chết còn hơn, linh hồn mới có thể về cùng vợ cùng con được.

Năm sau những người phải tội đi đầy chung thân với ông tú được tha cả. Nàng cũng biết tin ấy, thế có ai oán không? Đứa con nàng tự nhiên phải bệnh chết, nàng hóa điên từ đấy; bây giờ cứ đi lang thang, hát nghêu ngao, nhưng thường thường nàng hay về nhà bố mẹ đẻ, lấy cái guồng năm xưa ra quay tơ, quay cả ngày mà không biết mỏi, thỉnh thoảng có hát lên mấy câu.

Mới đầu cũng thương hại, song nghĩ cho kỹ thời thế lại hay cho nàng đấy, có lẽ thế mà lại xong, thật đấy nàng là người sung sướng nhất đời còn chúng mình đây không được như nàng phải đầy đọa chung thân.

Ừ, thử nghĩ xem sống mà đeo cái đau khổ suốt đời, cái đau khổ không bao giờ khuây được chỉ có một cách là tự diệt mình mới thoát ly, thời cái điên là chẳng nên ước lắm sao? Nàng không biết mình là khổ thời nàng là người tiên rồi. Ôi! Nhưng bây giờ Tử Nương còn biết gì nữa, nàng có nhớ đến chồng con nàng nữa đâu, ai đã yêu nàng, nàng có nhớ đâu mà nàng còn yêu ai nữa, nàng chỉ ngày ngày thơ thẩn một mình lên tới đỉnh đồi cao mà đứng trông... Nhưng nàng trông ai bây giờ?

Đường trần mới đến nửa chừng, Mà guồng tơ cũ đã ngừng bánh xưa.

*Rút từ tập truyện ngắn Người quay tơ,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1927*

GIẤC MỘNG TỪ LÂM

Tôi vừa ở Sở về, nghĩ đến thân mình lâm than mà buồn tình thế sự. Hai buổi đi về công việc càng làm càng thấy chán nản, đời mình thật là lạt lẽo vô cùng, lắm lúc muốn ẩn thân một nơi thôn dã, đối với đời không có tiếng tăm gì là đủ; nhà giàu, có công việc làm đây không chút gì bổ ích cho ai, ra luôn vào cúi mà vẫn không sao rút ra được.

Đương bữa khoản thời thấy một người đi vào trông hơi quen quen, đứng dậy nhìn kỹ thời té ra anh Trần Lưu, trước cùng học với tôi trường Luật. Năm nọ ăn mặc tây, bây giờ trông lạ hẳn đi: mình mặc cái áo the thâm, đầu đội nón dứa, tay xách cái khăn gói to như người ở phương xa đến, thấy tôi thì tươi cười mà cúi chào, chứ không bắt tay nhau như trước nữa.

Xưa nay tôi vẫn phục anh Trần Lưu là người trí: anh Lưu học cùng với tôi trong trường Luật, đến năm thứ hai, thời bỏ vì hai thân anh qua đời cả. Hôm về quê, anh có than vãn với tôi, không biết cuộc đời của anh sau này sẽ xoay ra làm sao:

- Tôi bây giờ một thân một bóng, về quê là để thăm chút phần mộ của hai thân tôi, rồi sau đây non nước bốn phương biết đâu là quê hương xứ sở, anh dẫu có nhớ đến tôi cũng không biết đâu mà tìm tôi nữa. Tôi định bây giờ đi khắp các vùng nhà quê, lần vào đám làm ăn, vừa để học vừa để dạy cho họ và xem xét dân tình, ăn mặc thời quần nâu áo nâu đi đất, đánh cái nón rách vừa đi vừa kiếm ăn, anh nghĩ sao?

Tôi khuyên anh cứ chịu khó, tuy đi như thế chưa chắc ăn thua gì song có ngày sẽ nảy ra một cái ý kiến hay, nói xong anh từ biệt. Thế là từ độ ấy tôi không thấy tin tức anh đâu cả. Năm sau tôi được bổ tham biện phủ thống sứ mà cũng không lần nào gặp anh nữa.

Hôm nay tình cờ anh đến, vui mừng quá, thấy anh ăn mặc thế cũng không lấy làm lạ, nhận ra ngay. Anh Trần vào, vừa cười vừa bảo tôi rằng:

- Anh còn nhớ tôi ư, tôi ăn mặc thế này, thật khác xưa lắm nhỉ?

Tôi bảo pha nước uống và hỏi chuyện:

- Tôi ở đây đi làm hai buổi buồn quá, thấy anh đến mà mừng, muốn hỏi anh trong hai năm nay anh ra làm sao và anh kể cho ít câu chuyện có cái hương vị nhà quê thời thích quá.

Bạn tôi nói đã lâu mới lên Hà Nội, muốn đi xem cảnh tượng và quan sát, mua sách vở, tối về thư thả sẽ nói.

Đêm ấy trăng cao mà sáng, chúng tôi bắc cái chõng ra nằm ngoài sân. Bạn tôi nói:

- Trước khi tôi nói cho anh biết những công việc của tôi trong hai năm nay, tôi hãy xin anh đừng vội trách tôi, mà tôi cũng không có gì đáng trách. Anh cũng biết cái thanh thoi trong lòng là ít người có, và nếu bao giờ cũng giữ được thanh thoi, thoi cứ như thế đời người ta sống cũng đã dễ chịu và chính đỉnh lắm rồi. Anh đừng cho tôi là một người có tài cán làm những việc ích quốc lợi dân, tôi không dám mong thế, có khi tôi muốn làm mà không làm được, tôi chỉ như một người thường khác mà thôi. Thân tôi không phải chỉ có hiện tại thôi đâu, tôi chính là ý muốn của ông cha tôi từ mấy đời trước mà trong óc tôi còn sót lại. Tôi cứ thật thà mà ngỏ lòng tôi cho anh biết, anh thương hay anh giận, anh trách hay anh khen tôi cũng thế, mà ai bình phẩm tôi thế nào, tôi cũng không cần.

Tôi bỏ học được mấy ngày thời thu xếp về quê thăm mộ thầy đẻ tôi, hôm sau ăn mặc quần nâu áo nâu, đi thẳng. Trong một năm trời đi được gần khắp trung châu, mới đầu về Hải Dương, xuống Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, vòng lên Hà Đông, Bắc Ninh, có khi một mình khăn gói lang thang, có khi đi lẫn vào bọn thợ, cũng làm lụng như họ, vất vả khổ sở quá, nói ra không thể nào tin được.

Có khi ngủ ở giữa cánh đồng, có khi ốm mà không ai chăm nom, song cái đó không làm tôi ngã chí. Tôi học cũng được nhiều và kiếm ăn cũng đủ tiêu dùng, tuy mồ hôi nước mắt mà thanh thoi không lụy ai. Thỉnh thoảng thấy cảnh đẹp, trời chiều man mác, điểm cỏ cầu sương mà tự nhiên bật miệng ngâm lên câu thơ chữ

tây, lại vội vàng nhìn quanh xem có ai nghe thấy không? Về sau phải tập luyện cho quen, bây giờ thật là An Nam rồi. Còn về phần dạy cho người khác thời tôi ngờ không biết có bổ ích gì không, mà bổ ích thế nào được. Tôi cứ ngờ như thế mãi, thành ra ý tưởng tôi đổi khác đi mà tôi không biết, cái tính tình vốn nặng hơn lý lẽ nhiều, vùng nào phong cảnh tiêu điều, thời tôi hay lánh đi, chỉ tìm những nơi nào có đồi, có sông, dân phong thuần hậu thời hay lẫn quất ở lại lâu.

Bây giờ đã đến cái thời kỳ tôi hơi ra ngoài đời mà đến gần cảnh vật rồi đó, tôi mới biết rằng tôi chưa từng yêu gì hơn yêu cảnh thiên nhiên, lắm khi có thể lấy đấy làm cái vui ở đời, khuây khỏa được lắm nỗi đắng cay sâu thẳm: có khi tôi ngắm cảnh mà quên cả mọi nỗi gian truân, quên cả thế sự, tưởng có thể bỏ cả vinh hoa phú quý để được hưởng một cái thú cón con với cây cỏ. ánh sáng hơi thu, gió lạnh, những lúc mùa nọ thay sang mùa kia thường đem cho tôi lắm cái cảm giác êm đềm man mác, tôi là người khác rồi, cái nguyên nhân ấy muốn tách bạch ra thời phải người nào giỏi về tâm lý học lắm mới làm nổi.

Tôi đương mang tấm lòng như thế, thời đến một nơi gọi là Từ Lâm; xa xa toàn là núi, ngọn nọ ngọn kia không dứt, sắc núi màu lam, buổi sáng buổi chiều mây bay sương phủ. Từ Lâm là một cái làng nhỏ ở chân đồi, vẻ đặc sắc nhất là tỉnh, có con sông con, sắc nước trong xanh chảy từ từ trong lòng cát trắng. Mảnh đất đó, đối với tôi là khách qua chơi một ngày, sao có liên cảm sâu xa như thế? Tuy không phải là nơi danh thắng, non không cao, nước không sâu, nhưng có vẻ đậm đà, điều độ, ân ái, dễ xiêu người. Tôi không ụy phục, tôi không say đắm, nhưng tôi dễ nhận, dễ yêu như một nơi quê hương xứ sở vậy, lòng tôi lúc đó băng khuâng, không nỡ rời đi nơi khác, định chỉ kiếm việc gì ở đấy để lưu liên lại ít lâu.

Tôi muốn vứt hết những ý nghĩ bần khoản phiền phức của đời quá ư văn minh này, cố giữ trong lòng được thanh thoi mà yên thân ở đấy. Cái lòng tôi yêu cảnh thiên nhiên thật đã tới đến cực điểm.

Tôi để ý đến dân tình thời thấy phong tục rất hay, rất thanh tú, đúng với óc tôi mơ tưởng bấy lâu. Tôi có xem xét cho kỹ lưỡng thời thấy mình biết thêm được nhiều điều đáng cho vào quyển sách sau này. Nhưng tôi lại tự hỏi: thời phong tục làng ấy hay, nhưng

hay ở thời này để làm gì mới được chứ? Có phải chỉ là để so sánh và lấy tiếng khen của người đời sau đâu? Điều đó tôi chưa giải quyết, chỉ riêng phần tôi bấy lâu chịu nỗi phát phơ, đến chốn đó có cái khí vị thanh nhàn, đời người đáng sống, đáng tôn trọng lắm. Nhưng họ có biết thế không? Nếu họ không biết thời cái mục đích của tôi đổ đen hết cả. Đến lúc tôi tìm thấy là lúc tôi lại muốn phá đi. Tôi thành ra hoài nghi, nhưng tự an ủi mình rằng: đời ta đáng sống, ta vui lòng mà sống là nhờ có một cái tuyệt đích, là tu trường là hay, cố công đeo đuổi cho suốt đời. Sự run rủ đã đưa ta đến chốn này, thời ta cứ tĩnh tâm xem xét phong tục rồi làm thành sách mà giúp đời.

Ta cứ yên tâm mà theo cái đường ta muốn đi, thời đời ta mới có nghĩa lý đôi chút, ta tin ở đấy thời ta sống mới có phần đầy đặn hơn.

Một hôm tôi ở dưới làng lên đồi chơi, đường đi men sườn đồi, thấy có cái vườn dâu cành lơ thơ như bức màn hồng lấm tấm lá xanh. Giữa vườn có nóc nhà lá; theo cái ngõ con đi vào thời thấy sáng sủa phong quang như nhà một người ẩn sĩ.

Hôm ấy về mùa đông mà trời nắng, gió thổi lá dâu phát phới, lòng tôi nhẹ nhàng, vui vẻ làm sao! Cái vui như chan chứa trong tâm can tưởng không bao giờ có thể hết vui được nữa.

Vừa vào đến sân thời tôi đứng ngẩn người ra: một cô con gái trạc độ mười sáu, mười bảy đương ngồi quay tơ ngoài hiên, thấy tôi vào đưa mắt trông lên. Tôi chưa từng thấy người nào đẹp đến thế, băng khuâng như mình lạc vào cảnh tiên. Nàng thấy tôi vào, không biết tại sao đứng dậy, tấm áo dịu dàng, mắt hoa ngơ ngẩn mà nhìn tôi: nàng nhìn tôi rồi lại nhìn quần áo, tôi mới sực nhớ ra mình ăn mặc như người thợ, cái tinh hoa ẩn vào trong sao lại cảm được nàng, làm sao nàng nhìn tôi mà lại hình như biết là tôi được. Tôi lấy làm ngượng, cái cử chỉ không được thật, như tỏ ra mình là người thế nào mà nàng đã biết hết. Nàng đột nhiên hỏi:

- Cậu vào đây muốn hỏi ai?

Tôi làm ra bộ ngơ ngẩn mà nói:

- Thưa cô, tôi làm ở trên đồi, xuống nhờ cô bát nước mưa uống đỡ khát.

Nàng nhìn tôi một lúc lâu, hai con mắt trông như ngọc nhiên muốn hỏi, rồi nói:

- Trời này uống nước mưa thời lạnh chết, để tôi vào xem có nước chè nóng, thời tôi cho một bát.

Tôi uống xong ngần ngừ không muốn đi ra, thấy nàng lại sắp ngồi vào quay tơ, liền nói:

- Cô cứ quay tơ đi cho tôi đứng xem học lấy cách thức thế nào.

- Mỗi người một việc, cái bác này người lạ quá, uống nước xong thời lên đồi mà làm việc lại còn ngần ngừ đứng lại, quay tơ thời có gì lạ mà xem.

Nàng nói thế là có ý đuổi, tôi cứ mê mẩn không đi. Nàng thấy tôi kỳ khôi lên tiếng gọi người nhà:

- Thầy ơi, có người thợ lười thôi quá người ta muốn hỏi thầy đấy.

Nhà trên một ông cụ đi ra trạc ngoại năm mươi tuổi, râu đã lấm tấm bạc, vừa đi vừa nói:

- À, có phải bác phó Nghi đó không? Sao lên chậm thế?

Nàng nhìn lại tôi, thấy tôi vẫn đứng ngậm ngùi với cái guồng tơ lấy làm lạ, liền nói:

- Thưa thầy cái người nào ấy, không phải bác phó Nghi đâu.

Ông cụ đến thì tôi vái chào, ông cụ không trả lời, mắt đắm đắm vào tôi như nhìn một vật gì lạ, rồi bỗng như nhớ ra, giơ hai tay lên mà nói:

- ... Ông giáo Lưu.

Lúc bấy giờ cô bé đến gần cũng giương hai con mắt mà nhìn tôi, rồi lại nhìn ông cụ, con tơ nàng cầm ở tay rời ra rơi xuống đất.

Tôi thốt nhiên nghĩ đến tứ cố vô thân, người trong nước như thờ ơ lạnh nhạt, bấy lâu gian truân khổ sở mà không ích lợi cho ai, nên không thiết gì nữa, muốn ghen với nghìn người khác được sung sướng hơn mình, liền ngả nón mà nói một câu, một câu ấy mà cuộc đời tôi xoay hẳn đi; bấy lâu vì xã hội, vì danh giá làm cho mình không phải là mình, nay đến trước cảnh thiên nhiên bao nhiêu cái phụ thuộc xưa kia tôi tạo nên tôi không có nữa.

- Vâng, thưa cụ chính tôi đây.

Rồi kể lại từ lúc thôi dạy học, vào trường Luật, cha mẹ qua đời, ý muốn làm những gì, tại sao lại ăn mặc thế này và tình cờ đến đây được. Cả nàng cũng ngồi nghe rồi cũng nói:

- Thảo nào mới đầu tôi trông quen quen, hơi quen thôi.

Tôi cũng hơi mỉm cười thôi mà nói:

- Trước tôi đi dạy học ở trọ nhà cụ thời cô em còn bé. Về sau có một hôm tôi ghé vào thăm cụ, thời họ nói đã dọn cả về quê rồi.

Ông cụ nói:

- Nhà quê tôi đây, người dưới làng Từ Lâm gần hết là người trong họ tôi cả. Tôi cũng có nhà dưới làng, trên này chỉ là chỗ ở cho mát mà thôi. Bây giờ ông đã đến đây, đem lòng yêu thương phong cảnh đất này thời cứ ở đây với tôi mà làm sách. Vả ông không có ai là họ hàng nữa, thời ở đâu chả là quê hương. Dưới làng Từ Lâm có cái trường mới mở mà chưa có thầy giáo, để tôi nói cho họ biết ông là ai, rồi ông dạy học ở đấy, xem xét phong tục cho tiện.

Anh ạ, thế là từ hôm ấy, ngày ngày hai buổi xuống đồi dạy học; dân làng Từ Lâm thật là thuần hậu, càng ở lâu càng mến mà họ cũng có ý mến tôi, học trò cũng khá đông. Những lúc tan học về, trèo lên đồi, đi qua những vườn chè đất ghồ ghề, tuy vất vả mà cái vui trong lòng thật là vô cùng. Tôi hình như lúc nào cũng háo hức muốn làm hay cho người khác, ở chỗ thiên nhiên này, cái lòng tôi mới có thể nảy nở ra được. Tự độ ấy mà tôi nghĩ ra một cái ý rất hay, chốc nữa sẽ nói anh nghe.

Tôi ở một gian đầu, nhà cũng khá rộng, sạch sẽ và sáng sủa, khi đi dạy học về lại ngồi vào bàn viết lách. Sách vở mới đầu chưa có gì, về sau tôi có tiền gửi về Hà Nội mua, bây giờ cái thư viện cũng kha khá. Cửa sổ, chỗ cái giường tôi nằm thời trông xuống dưới cánh đồng, xa xa dãy núi mấy chòm cao, cây xanh trùm đến ngọn, làn khói như sợi tơ lên nền khơi. Dòng sông uốn quanh chảy lại, sắc trong trong có mãi không cùng. Đồng lúa xanh kéo đến tận chân đồi, cô con gái áo nâu yếm đào lên núi lấy sơn, con ngựa rong ruổi xuống dòng uống nước. Nét bút các nhà cổ danh họa cũng tài tình mà phong phú thật; nếu muốn lấy cảnh trời đất làm vui ở đời thời cái buồng nhỏ ấy cũng là giang sơn cho mình được. Ông cụ ở nhà

ngoài, còn người con gái thời có khi lên trên này, có khi xuống dưới làng với bà cụ.

Những ngày chủ nhật thứ năm, khi nào viết nhiều quá mỗi tay, nghĩ quá nóng đầu, thời tôi thường lên đồi chơi vẽ cảnh. Có khi gặp nàng đương hái chè, lần đến nói chuyện làm ăn, chuyện thật thà mà ngây ngô. Gió đưa quần áo phấp phới, trông nàng đẹp quá, không sao không cảm được. Có khi tôi đứng vẽ cả nàng nữa. Nàng quay mặt lại thấy tôi, có ý ngượng, song xem ý cũng muốn để tôi vẽ, thấy tôi đến thì chít lại khăn vuông cho ngay ngắn, buộc lại thắt lưng cho gọn gàng. Tôi vẽ xong, nàng táo bạo chạy lại nhìn vào tờ giấy rồi nói:

- Trông giống đấy nhưng sao lại thiếu mất một tay.

Tôi cười, nàng cũng cười, gió trên đồi thổi mạnh; từ mảnh trời sắc núi, cho đến ngọn cỏ, dáng người như hòa hợp lại với nhau, điều độ, nhịp nhàng như khúc nhạc Quân thiên.

Dưới chân, bờ ruộng, kẻ ngang kẻ dọc trông như bàn cờ, mỗi chỗ mỗi khác, công việc đồng áng thông dong, tiếng gà gáy chó sủa văng vẳng gió đưa lên đồi làm cho chúng tôi quên bằng mình là người thời buổi nay, ở lùi lại thời hồng hoang thái cổ. Tôi giảng cho nàng nghe về cái vẻ đẹp của trời đất, bảo nàng chỗ tôi với nàng đứng đây là chỗ trung tâm của mọi sự hòa hợp trên đời, lấy cái vẻ đẹp bàng bạc trong non sông mà chung đúc nên.

Một hôm tôi đi dạy học về thấy nàng đứng trước tờ tranh tôi vẽ nàng hôm nọ, tôi vào mà nàng không biết. Tôi nói:

- Thôi đẹp lắm rồi, ngắm mãi!

Nàng quay lại lấy làm thẹn, má đỏ hồng. Thời kỳ này là thời kỳ mà nàng đã bảo tôi để ý đến nàng, mà nàng cũng đã muốn tôi rồi đấy: lẽ ấy là lẽ thường, nàng là người con gái mới, gặp tôi còn mơ ước gì hơn nữa, mà tôi cũng định tâm lấy nàng thật.

Một buổi chiều tôi đi một mình lên rừng chơi, lắm chỗ cỏ mọc cao đầu, cây cối rậm rạp, tôi lạc lối cứ đi mãi, gặp suối thời kéo gõ trên rừng xuống bắc cầu mà qua. Trời đã tối vẫn lẩn quẩn không thấy đường ra. Nửa đêm mới về đến nhà, thấy nàng vẫn còn chong đèn thức mà đợi tôi, như có vẻ lo sợ, tôi hỏi thì nói là ngồi khâu nốt cái áo cho xong. Nhưng tôi cũng hiểu lòng nàng thế nào rồi, mà lòng tôi cũng có khác chi đâu. Những lúc đi dạy học về, đợi nàng dưới

làng lên, trời đông sao mà quanh hiu như không có một ai nữa, đến lúc thấy nàng qua vườn dâu, thấy nàng đi vào mặt tươi như hoa và lạnh như sương, thời lòng tôi phấp phới như bướm trên hoa. Có khi tôi theo nàng lên đồi làm lắm việc trẻ con quá, không ai nghi ngờ gì cả, đồi cao cây phủ ai biết đó là đâu.

Một hôm tôi đột nhiên sấm sủa nói với ông cụ xin đi:

- Bấy lâu ở đây thật cảm ơn cụ quá không biết lấy gì mà đền ơn được. Bây giờ công việc tôi ở đây đã xong cả rồi, phải dời đi nơi khác. Vậy xin từ biệt cụ, mà đi phen này không biết có còn gặp được cụ nữa không.

Nàng cũng có đấy, tôi nói xong trông lên, thấy nàng đứng đằng sau ông cụ mà nhìn tôi, làn thu ba, đăm đăm như hỏi như han như oán trách vô ngần. Tôi nói chuyện với ông cụ một lúc lâu thời không thấy nàng đứng đấy nữa. Tôi nhìn ra cửa sổ chỗ con đường đi xuống dưới làng, cũng không thấy bóng ai, lên đồi chỗ chúng tôi vẫn thường nói chuyện với nhau thời thấy nàng có đấy đương cúi mặt mà khóc nức nở. Tôi đến gần mà bảo nàng rằng:

- Sao cô vội khóc thế, để tôi nói cho nghe đã, không thế thời bao giờ chúng ta có thể lấy nhau được, thế nào tôi cũng phải đi độ nửa năm cho ai cũng quên tôi đi, rồi sau mượn mối đến hỏi thời tránh được tiếng người ngoài. Trong nửa năm ấy tôi lại khăn gói lang thang hồ thủy bốn phương, cô đừng tơ tưởng đến tôi nữa, nên cầu cho tôi có thể xa cô càng lâu bao nhiêu càng hay bấy nhiêu.

Bấy giờ nàng mới hiểu, gạt nước mắt mà nhìn tôi như trách đã để nàng sa mấy giọt nước mắt không đâu. Trời đã lờ mờ tối, về phương xa trên mấy cái núi cao họ đốt rừng, trời đất bao la, chúng tôi cầm lấy tay nhau sung sướng quá, không thích sống gì nữa.

Hôm sau tôi từ giã ông cụ và Từ Nương vác khăn gói ra đi. Trong một năm trời nay đây mai đó, non nước lắm khi thấy lạnh lẽo, xa lạ mà buồn tênh quá. Còn nàng thời ở lại chốn vườn xưa, con bướm bướm cái hoa đậu, lần lần tháng trọn ngày qua xinh đẹp thêm ra, không lớn lên.

Tôi đi đến đâu cũng không thấy được như chốn cũ nữa, người đời sống nhỏ nhen, đê tiện quá, không cái gì có thể làm cho mình vui lòng đôi chút. Tôi trở về Từ Lâm thời lòng đã tê tái, lúc trông thấy cái yêu quý xa xa, bao nhiêu nỗi buồn như giũ sạch, lòng

thấy nhẹ nhàng hăng hái, rất tin về công việc mình làm, không có những cái ý nghĩ bần khoản nó xô đẩy nữa. Tôi lại men sườn đồi như năm nọ, đến khi trông thấy nàng đứng trong sân mà nàng cũng trông thấy tôi thời dấu cho long trời lở đất, chúng tôi cũng không nỡ rời nhau ra nữa.

Ông cụ bằng lòng cho chúng tôi lấy nhau và để riêng cái nhà ấy cho hai vợ chồng ở. Tôi đi dạy học, làm sách, nàng ở nhà dệt vải, ươm tơ, ngày tháng như thoi, thời gian bát ngát, chúng tôi cũng không mong mỗi gì nữa.

Hôm nọ cần mấy quyển sách và lâu ngày cũng nhớ anh em bạn cũ, nên mới dò lên đây đây. Thôi bây giờ tôi đã giàu lắm rồi anh ạ, mà tôi còn muốn làm giàu nữa. Tôi làm sách mà nói thời chắc không ăn thua gì, chỉ có một cách thực hành ngay là hơn; anh chắc đã biết, không còn mong gì ở quan rồi, cũng không thể mong ai được nữa. Vậy bây giờ tôi định có nhiều tiền tậu một cái đồn điền độ mấy nghìn mẫu vừa đồi vừa ruộng; mở đồn điền không phải là cứ vạ gặt đến, nhảy ô tô lên thu thóc, thu tiền đâu, cũng không phải là chỉ nhìn cây cà phê ra quả đậu, cốt nhất là giáo hóa cho dân. Tuy không được lan rộng nhưng thấy kết quả hiển nhiên, làm cho mấy nghìn con người được sung sướng vì mình, thời chết đi tưởng cũng hả dạ lắm, đời mình không phải là không có cho ai. Tôi lại đi tìm những người nào đồng chí, phải đồng chí lắm mới được rồi thì mời về thực, hoặc ai bận bịu thời giúp cho họ thoát ly, về ở với nhau, lập thành cái làng con ở chân đồi. Nhà ở thời toàn là nhà gỗ, nhưng cao ráo sáng sủa, chung quanh có vườn rộng trồng cây có quả. Đồ đạc đơn sơ mà thật nhã, thiết hợp với sự cần dùng, đồ mỹ thuật có ích nhưng rất quý; một vài bức cổ họa màu dịu, một vài lọ dành để cắm hoa, bao nhiêu cái xa hoa phiền phức thời bỏ đi hết. Chung quanh nhà nuôi chim, nuôi ong cho vui. Ngoài việc làm ruộng dựng một cái nhà tầm, trồng mười mẫu dâu, dệt vài khung cửi, để đám phụ nữ săn sóc về việc tầm tang, canh cửi để lấy lụa trong nhà dùng. Làng có một cái nhà chung để bàn việc trong đồn điền, có một cái thư viện gồm cả sách Tây, sách Nho chọn lọc kỹ.

Người thời làm cho trong đồn điền có nhiều hoa lợi cho dân khỏi đói, người dạy về công nghệ, người thì dạy học, cốt làm cho họ biết ăn ở với nhau cho hòa hợp, biết yêu cảnh thiên nhiên, biết sống

ở đời là vui, mà ở đời thường cũng chỉ có thế mà thôi, còn ngoài ra là hão cả.

Tôi tưởng tượng ra như một nơi mà người nào cũng ăn ở hòa hợp với nhau thương yêu nhau lắm, người nào cũng lấy sống ở đời làm vui, không có thiếu thốn cái gì để phải khổ sở, mà cũng không có cái gì nhiều quá để mê đắm lòng mình, cái gì cũng điều độ, nhịp nhàng như khúc âm nhạc để ca tụng ông trời kia đã cho lòng mình được trong sạch, giản dị, mà lúc nào cũng đầy những gió trăng hoa mộng. Cũng vì cái xã hội ngày nay không hợp với tôi, tôi không có thể nào theo người khác được nên mới có cái ý tưởng kỳ khôi ấy. Tôi chán hết cả. Tôi không có cái hăng hái như người khác mơ tưởng một cái văn minh mà ta vẫn thường cho là văn minh, tôi chỉ muốn trở lại thời cổ sơ, cố đạt được cái mộng các bậc hiền triết ta ngày trước, có thể thôi. Tôi đã biết từ khi hãy còn trẻ rằng rồi sau thế nào tôi cũng thế này, nên từ bé cho đến khi hơn hai mươi tuổi đầu, bao nhiêu những việc tôi làm, những công gắng sức của tôi là theo thói người đời mà làm đấy thôi, chứ thật ra tôi không tiện ở đây, cho là tạm thời hết cả. Vì thế mà lúc nào tôi cũng buồn, buồn rằng cái óc như người khác mà không sao sống như người khác được.

Tôi tưởng thế mới là văn minh; chứ biết đo hết cả vũ trụ, biết thấu hết mọi cái huyền biến vạn vật, biết hết cả mà rút lại ăn ở với nhau không nên thân, lấy cái óc mà nghĩ cách giữ lẫn nhau, thời văn minh làm gì, đưa nhau đến đâu mới được chứ? Hoán cải cái văn minh lại mà thôi.

Bạn tôi nói xong, lặng yên mà nhìn lên trăng cao tít trên trời, nét mặt thanh thản như chan chứa cái vui, tôi nhìn anh Lưu mà tôi thương hại cho tôi. Tôi nói với bạn rằng:

- Anh là người sung sướng vì anh sớm biết theo cái chí hướng của anh, không cần thiên hạ, còn tôi ngày ngày hai buổi đi về, tôi có phải là tôi đâu, cái đời tôi thật là khốn nạn quá. Không biết sau đây, anh đạt được mục đích, có để cho tôi về nương thân ở đấy không, hay cái lòng tôi còn tục quá, còn hám tiền của, danh lợi quá, vẫn ưa những cái phiền phức, xấu xa, chưa biết yêu cảnh thiên nhiên nên không đáng là người đồng chí với anh chẳng. Nếu thế thì từ nay tôi xin luyện hồn trước đi, còn về đường vật chất chắc anh làm cho tôi thoát ly ra dễ lắm. Nhưng tôi giúp gì anh được, các công việc tôi học mấy năm trời vứt đi cả, lệ luật mà tôi nhồi vào óc

bấy lâu dùng ở cái xã hội nhân công tổ tạo này thời nay còn được, chứ nó sống sướng lắm nên quảng nó đi cho nhẹ óc, trước kia tôi cũng có cái ý nghĩ như anh, nhưng còn mập mờ chưa rõ, là vì sợ người khác, sợ người khác họ chê là tại mình dốt, mình yếu nên không chen được với họ nên mới đâm ra nghĩ như thế. Vả đời sống là sống thế này rồi, ai ai cũng công nhận như thế, nay trái hẳn lại, mấy người đã có cái gan ấy!

Sáng hôm sau, bạn tôi nói xin về, tôi cũng không giữ lại. Tôi định tiễn tiễn tàu thời bạn trả lại không lấy mà bảo rằng:

- Hôm nào thư thả mời anh lên chơi với tôi cho khuây khỏa nhưng chắc anh bận lắm thì phải, chỉ ngày lễ mới đi được thôi. Mẹ cháu ở nhà năm nay tơ tốt có dệt được mấy tấm lụa đẹp, hôm nào anh lên sẽ xin tặng gọi là một chút quà ở nơi sơn trại.

Bạn tôi về Từ Lâm, còn tôi lủi thủi vác ô vào Sở. Nghĩ mà cũng phải: ở đời sống là thế này rồi, ai cũng công nhận như thế, nay trái hẳn lại, mấy người đã có cái gan ấy.

*Rút từ tập truyện ngắn Người quay tơ,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1927*

GIẾT CHỒNG BẢO THÙ CHỒNG

Liệt nức tiếng là xinh nhất làng Nghi Hồng. Đôi khi quán sớm chợ chiều, cái sắc đẹp tươi tắn, cái vẻ duyên mặn mà của nàng đã làm xiêu lòng bao khách đi đường.

Nhà nàng rất nghèo. Cha mất sớm, nàng phải lo làm ăn để phụng dưỡng mẹ già, nên đã hai mươi tuổi mà không tưởng gì tới đường chồng con. Mẹ nàng nghĩ đến việc ấy vẫn áy náy không an tâm; bà mẹ phần nghĩ đến con phần nghĩ đến mình nên hai đường chưa dứt. Người trong làng thì không ai xứng mà xa xôi thì không tiện. Năm qua tháng lại mẹ con vẫn xum vầy vui vẻ.

*
* *

Tổng bên kia, cách làng Liệt một con sông, có một ông chánh tổng tuổi còn trẻ, người rất hào hoa, dân làng Nghi Hồng vẫn thường sang vay mượn. Ông chánh vốn có mười mẫu ruộng bên Nghi Hồng, sợ đi lại không năng nên nhờ người làng làm mối cho một người vợ lẽ để trông nom ruộng nương thay. Họ mời ông sang xem mặt Liệt thấy nàng có nhan sắc thanh tao bằng lòng ngay.

Liệt nghĩ nhà mình nghèo cũng khó kiếm được tám chồng danh giá, thấy ông chánh là người tử tế, còn trẻ tuổi, tuy phận lẽ mọn nhưng được ở gần mẹ già lại có sẵn ruộng nương của ông chánh cày cấy làm ăn, nên ngỏ ý nhận lời.

Có cheo cưới hẵn hoi song chỉ riêng bên làng Nghi Hồng, còn bên vợ cả thì không ai biết. - Ông chánh thỉnh thoảng là sang thăm bữa nửa tháng lấy cơ sang thăm ruộng, thu tiền. Hai vợ chồng rất là tương đắc.

Người bên Nghi Hồng sang vay thóc gạo, vợ cả ông chánh thường bắt nọn:

- Các ông xem bên Nghi Hồng có người nào nom được và chịu khó thời các ông làm mối cho một người để trông nom ruộng nương bên ấy.

Mọi người đều thưa:

- Dạ, thưa bà, bà nghĩ thế rất phải nhưng con gái làng chúng cháu thời toàn xấu như ma, đen như bồ hóng, chả có người nào tươm tất trông được cả. Nếu có thì chúng cháu xin hết lòng.

Người vợ cả thấy nói vậy, nên không nghi ngờ gì nữa. Liệt cũng được yên thân, mà tình chồng ngày thêm khăng khít.

Bỗng một hôm nhà ông chánh bị cướp vào đốt cháy sạch cả. Khi cướp đã tẩu thoát, ngọn lửa còn rực trời, người nhà không thấy bóng ông chánh, bà chánh và người con đâu, lấy làm lạ đổ xô đi tìm cũng biệt tăm. Người nói bị cướp bắt đi, người đoán chết trong đồng lửa.

Hai hôm sau, người ta thấy xác người vợ và người con nổi ở trên sông, còn xác ông chánh thì không thấy đâu. Nhưng có một điều chắc là ông chánh cũng không còn sống vì có người tìm thấy cái áo của ông vướng vào bờ sậy.

Có người sang báo tin cho Liệt biết, nàng cứ thờ ơ như không. Mẹ nàng bảo dẫu sao cũng là vợ chồng, nên sang bên ấy chịu tang mới là phải. Nàng thưa:

- Sự cưới xin chỉ riêng bên này biết mà thôi. Con sang lễ, nhận làm vợ để chịu tang người nhà bên ấy ai biết con là ai, ngộ nhỡ họ đuổi ra, có phải là nhục không? Xin mẹ cứ để con không sang là hơn.

Người trong làng trước khen Liệt thế nào, bây giờ lại chê như thế. Ai ai cũng nói:

- Cái con ấy thế mà bạc, ăn ở với người ta gần một năm trời, bây giờ cứ thờ ơ, lạnh nhạt như không. Con người vô tình quá.

Liệt nghe thấy lời mai mỉa cứ thản nhiên, nét mặt lại tươi lên bội phần, cười đùa luôn.

Đi dâu nàng ăn mặc cho thật gọn gàng đẹp đẽ, cái khăn vuông thắt thế nào cho thật xinh, sẵn sóc làm dáng để tô điểm cái vẻ đẹp vốn sẵn có. Bà mẹ cũng không hiểu vì sao con mình lại vô tình đến thế.

*
* *

Mấy tháng sau, Liệt bỏ nghề dệt vải, làm nghề chần tầm, ngày ngày đi hái lá dâu các làng quanh đấy - trước còn mua dâu bên này sông, dần dần qua đò sang bên làng ông chánh. Lân la mỗi nhà mua một ít, hễ gặp bà cụ nào ngồi rồi thì nàng đến vắn vớ chuyện hão.

- Cụ này, năm ngoái chúng cháu đến nhà ông chánh mua dâu thấy nhà ngói cây mít san sát, mà bây giờ cháu đến thì không biết sao trông tiêu tụy thế?

- Ấy, năm ngoái nhà ông ta bị cướp đốt phá, nó lại giết cả hai vợ chồng với đứa con. Khốn nạn! Ông ta vẫn là người tử tế, ai ai cũng có bụng mến.

Liệt lại đến mua dâu làng khác, gặp mấy người lại kể cà mớ túi trâu nói những chuyện đâu đâu rồi mới đả động đến:

- Gớm nhà ông chánh bây giờ cướp phá tan tành không còn gì. Tôi đến đấy mua dâu nghe họ nói đám cướp ấy to lắm. Các quan cho người về dò xét cũng không ra, chuyện ấy lại lìm đi. Thương hại ông chánh người tử tế mà bị cướp nó giết.

- Cướp gì đấy, lại người trong tổng nó thù nó giết chứ gì - cướp với kiếc gì...

- Ấy chết bà nói khê chứ... mình dám đâu chắc, ngộ nhớ thì oan gia.

Bà kia lại càng nỏ mồm:

- Ở đây ai chẳng biết, còn phải giấu giếm gì... Chỉ có lão bá Mịch làng Ngang. Hai nhà ấy họ vẫn thù hằn nhau đã lâu, nó cho mấy đứa đầy tớ giả vờ làm cướp giết phăng đi... ai biết đó là đâu.

- Sao bảo có mật thám về xét.

- Mật thám về mà làm gì. Biết nhưng tang chứng không có.

Bây giờ Liệt chỉ còn tìm cách gần lão bá Mịch.

Nàng lại ngày ngày cấp rở đi mua dâu, gặp ai cũng than thở:

- Độ này túng quá, nghe nói có cụ bá bên này, muốn sang vay mượn ít đồng mà không biết có ai quen đưa đến.

Họ mách có nhà bà Hậu là thân với ông bá lắm. Hôm sau Liệt đến mua dâu nhà bà Hậu, đáng độ hai, ba xu thì trả tăng lên bốn, năm xu. Ngày nào cũng đến, dần dần không mặc cả, cứ hái xong là trả tiền về. Có khi lần khân ở lại nói chuyện, thấy việc gì thì làm:

- Cái sân này rác quá, bà đưa cháu quét đỡ.

- Cối thóc này xay giở, bà đưa cháu xay một lúc thì xong chứ gì.

Liệt làm gì cũng nhanh nhẹn thoăn thoắt, bà Hậu thấy vậy đem lòng mến, có khi sẵn cơm thì giữ ở lại ăn cơm, lâu lâu thân như người nhà. Hỏi đến cha mẹ nàng thì nàng nói cha mẹ mất đã lâu, ở với chú thím tận dưới làng Hoài.

Một buổi chiều về, bà Hậu thấy Liệt đến, mang cái khăn gói to, lấy làm lạ, hỏi thì nàng khóc như mưa, vật mình than thở:

- Chú thím tôi định ép tôi lấy một đứa rất hèn hạ, chỉ đáng xách dép cho nhà tôi mà thôi. Cường quá tôi phải bỏ nhà đi, không mặt mũi nào mà lấy thằng ấy được. Bây giờ tôi đi đâu không biết, nhưng thế nào cũng phải đi. Tôi thấy có bà là chỗ tử tế nên đến đây chào bà để đi, mà đi phen này thời không biết có về nữa không.

Nói xong lại khóc, lại nói, thật là thảm thiết.

Bà Hậu mọi lần thấy nàng vui vẻ, nay thấy nàng như vậy động lòng thương, nhất định giữ lại không cho đi đâu. Liệt khẳng khẳng nhất định đòi đi, bà Hậu phải giấu kín khăn gói mới giữ được nàng ở lại.

Ở đấy được hơn một tháng, thấy bà Hậu nói chuyện sang vay thóc bên cụ Bá nàng xin đi theo để gánh thóc.

Trước khi đi, nàng vào trong buồng trang điểm giấu bà Hậu.

Lúc ra ngõ thấy bên giậu có bông hoa hồng mới nở, Liệt bỗng nảy ra một ý hay, liền hái trộm bông hoa, trở về buồng, vò nát mấy cánh hoa, rồi xoa lên má: đôi má hồng như tôn cái sắc của nàng lên nhiều lắm.

Ông Bá đương nằm ở sập thấy bà Hậu vào vội ngồi dậy. Ông ngồi dậy không phải vì bà Hậu nhưng chính vì thấy bóng Liệt thấp thoáng theo sau. Ông Bá mới trông thấy đã mê mệt. Cô Liệt bước vào khúm núm, e lệ ngồi ở tràng kỷ, lát lát lại đưa mắt nhìn trộm ông Bá nửa như ngây thơ, nửa như lơ lả.

Ông Bá góa vợ đã lâu, ý muốn tìm người vợ kế, nên hôm sau mời bà Hậu lên chơi, hỏi xem Liệt là ai, người ở đâu, và nhờ bà Hậu lo giùm cho, sẽ tặng riêng rất nhiều tiền.

Bà Hậu thường đêm khuya đến tỉ tê nói chuyện khuyên lơn Liệt:

- Chẳng nhẽ cô cứ ở vậy sao? Lấy người trai tơ thường nhà nghèo khó cả, vả lại lấy phải những đứa vũ phu, nhỡ xảy việc gì nó thượng cẳng chân, hạ cẳng tay thì khổ. Giá đi lấy lẽ những người danh giá, giàu có mà chưa con thời tôi tưởng cũng là sung sướng lắm chứ.

Liệt đáp:

- Bà cứ nói chuyện không đâu, những người ấy thời ai người ta lấy đến những hạng như chúng cháu.

Bà Hậu biết nàng thuận, liền đem việc ông Bá nói lại. Liệt trước còn khăng khăng cự tuyệt, tìm cơ chê bai, sau thấy bà Hậu nói mãi, cũng làm bộ xiêu dần.

*

* *

Thế là Liệt vài tháng sau đã nghiễm nhiên là vợ ông Bá. Nhưng từ hôm cưới trở đi, hễ ông Bá vào buồng thì nàng ôm bụng kêu trời kêu đất:

- Ông ra ngay, không thời nó đâm chết tôi bây giờ, tôi đau lắm... Kia có ba đứa nó theo sau ông, hai người đàn ông và một

người đàn bà nó đương cầm dao sắp đâm tôi đấy, mau lên không thời chết cả bây giờ.

Một hôm Liệt đón ngõ gọi một người thầy bói vào xem, có cả ông Bá ngồi đó.

Cô thầy bói gieo quẻ, nói:

- Nhà này như có oan hồn lẫn quất, phải lập đàn giải thoát không thì tai họa (hôm trước Liệt đã có cho tiền và dặn phải nói như thế).

Lúc thầy bói đi rồi, Liệt gọi ông Bá lại, rơm rớm nước mắt, nói:

- Ông muốn cho tôi sinh nở với ông thời phải lập đàn giải thoát cho oan hồn ấy. Việc là việc hệ trọng, ông không nên coi thường. Nếu không thế thì cho tôi về thôi, chứ vợ chồng với nhau thế này thì cả hai đều cực cả. Bây giờ làm chay cho oan hồn đi nơi khác thì mới mong vợ chồng ăn ở với nhau được.

Liệt nói xong, lấy tay ôm mặt khóc nức nở.

Ông Bá nói:

- Oan hồn nào, lại cái thằng Chánh ở Cốc chứ gì, ừ làm chay thì làm chay.

Liên cho người đi thỉnh các sư ở vùng ấy đến, lập đàn chay giải oan, tiếng chiêng tiếng trống rộn rịp ba bốn ngày trời. Người trong làng rủ nhau đến xem như hội.

Bỗng một hôm, Liệt đương ngồi đối diện ông Bá, giật mình như người vừa nghĩ ra việc gì hệ trọng rồi nói với ông Bá:

- Tôi quên mất, bây giờ mới nghĩ ra. ừ thì lập đàn, nhưng cúng ai, cúng ai mới được chứ. Chuông trống long tong cả ngày thế này thì còn có nghĩa lý gì nữa.

Rồi nàng ghé vào tai ông Bá nói:

- Việc không nên hở cho ai biết. Vậy ông phải làm tờ sớ viết tên tuổi những oan hồn ấy...

- Nhưng đừng cho người ngoài biết mới được.

- Chính vậy, ông viết xong đưa tôi để tôi đem lên cho vào hòm sớ, rồi chính tay tôi đốt, việc này không thể để các nhà sư được, nhờ lộ thì lộ thôi.

Tối hôm ấy, ông Bá lấy giấy viết tên tuổi cẩn thận gấp lại đưa cho vợ. Liệt đã gấp sẵn một tờ giấy như thế, lúc lên đàn, gấp khi bôi rồi, nàng bỏ tờ giấy có chữ ông Bá vào trong yếm, đem tờ giấy trắng ra đốt.

Sáng hôm sau, ông Bá không thấy Liệt đâu, cho người vào buồng xem thì buồng không, đi hỏi khắp các nhà quen cũng không ai gặp Liệt.

Trong lúc đó, trên con đường đá, Liệt nhẹ bước, cầm đầu đi thật nhanh.

Ở nhà, ông Bá đợi mãi... đến trưa không thấy nàng về ăn cơm... đến chiều... lính trên phủ về có giấy bắt ông Bá giải đi. Các sư lục tục giải tán. Xôi, nển, chuối, vàng, oản lủng chổng khắp mặt đất. Tin ông Bá bị bắt, vợ ông Bá trốn, đồn rầm khắp nơi.

Lão Bá lên đến phủ, quan hỏi còn một mực chối, đương gân cổ cãi thì ở buồng bên cạnh Liệt lững thững bước ra. Lão Bá giương mắt nhìn tướng mình chiêm bao, định há miệng nói thì ông phủ giơ ra trước mặt một tờ giấy trên có mấy dòng chữ. Lão Bá thấy rõ chữ mình mới viết đêm qua, không thể cãi vào đâu nữa, kêu lên:

- Trời ơi! Nó giết tôi rồi!

Mấy hôm sau, lính giải lão Bá về chỉ chỗ chôn ông Chánh. Liệt gần hai năm nay nuốt lệ, gượng vui, bấy giờ trông thấy xương chồng, không sao cầm được nước mắt, than khóc rất thảm thiết.

Những người đi xem và người làng xưa kia vẫn chê nàng bạc bẽo, vô tình, thấy thế ai cũng cảm động.

*Rút từ tập truyện ngắn Anh phải sống,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1934.*

BÓNG NGƯỜI TRÊN SƯƠNG MÙ

Ở ngoài, đêm tối như mực. Trong toa hạng nhì, riêng tôi ngồi đối diện với Trạch, một người bạn cũ, tình cờ gặp vì cùng đi một chuyến xe. Mười năm trước, bạn tôi còn là một người cầm lái xe lửa, cũng hàn vi như tôi; bây giờ gặp lại nhau trong toa hạng nhì, hai người cùng ngạc nhiên và cùng mừng cho nhau.

Lúc nói chuyện, tôi thấy bên cạnh bạn có cái hộp khảm rất đẹp liền cầm lấy xem, rồi tình cờ mở hộp ra; bạn tôi như có ý không bằng lòng, nhưng vì nể tôi nên không nói gì. Tôi nhìn vào hộp thấy rất lạ: hộp bịt kính, ở trong có một con bướm rất to, hai cánh đã xơ xác. Tôi hỏi bạn:

- Con bướm này vùng tôi thường thấy luôn, quý gì mà anh giữ cẩn thận thế này?

- Vâng, bướm thường, nói cho đúng thì chính là một con ngài, nhưng đối với tôi...

Vừa nói đến đấy xe rầm rầm đi qua một cái cầu sắt. Bạn tôi lắng tai nghe rồi nói:

- Xe đi qua cầu N.G. Tôi bắt com bướm chính ở cái cầu này đã mười năm nay...

Thấy bạn có vẻ khác, tôi đoán có chuyện gì, liền hỏi:

- Con bướm này chắc cũng có sự tích gì đây?

- Vâng, nhưng sự tích buồn... chuyện đã ngoài mười năm: mười năm trước độ anh đi Sài Gòn thì tôi còn là anh cầm lái tàu hỏa. Chính độ ấy tôi chạy con đường này, tình cảnh tôi độ ấy anh đã rõ.

- Cũng như tình cảnh tôi...

- Nhưng có một việc tôi không nói anh hay, là độ ấy tôi có lấy một người vợ, nhưng giấu nhà, giấu mọi người, giấu anh. Chúng tôi sống trong cảnh nghèo khổ mà thật lấy làm sung sướng. Nhưng vì cảnh nghèo, vì nhà tôi không quen chịu được kham khổ nên người một ngày một yếu dần.

Về sau nhà tôi bị bệnh nặng mà tôi thì vẫn phải đi làm, không ai trông nom ở nhà. Một đêm nhà tôi yếu quá ngất người đi mấy lần, mà chính đêm ấy là đêm tôi được ông Chánh cử đi cầm lái chuyến xe riêng chở quan Toàn quyền. Thật là một dịp rất hay cho tôi. Nhưng tôi biết không thể nào đi được, liền vào kêu với ông Chánh, nói là vợ ốm. Ông Chánh đập bàn, đập ghế, gất:

- Tôi không biết! Một là mười giờ đêm nay anh phải có mặt ở ga, hai là từ giờ này trở đi, anh đừng bước chân đến đây nữa. Thôi anh ra đi.

Lời ông Chánh nói quả quyết, tôi phân vân không biết nghĩ ra sao: lúc về nhà, ngồi ở đầu giường, nhìn đến vợ mới biết rằng không đi được, dầu có mất việc làm cũng không cần.

Nhà tôi thấy tôi có vẻ lo nghĩ, hỏi duyên cớ vì sao, tôi liền đem việc ấy kể cho nhà tôi nghe. Nhà tôi nghe xong, vẻ mặt tươi hẳn lên, bảo tôi rằng:

- Thế cậu đi chứ! Việc gì phải ngần ngừ! Tôi không việc gì đâu, đã thấy đỡ nhiều. Chiều mai về mua cái gì làm quà cho tôi đấy.

Tôi thấy nhà tôi cười, nói vui vẻ, tôi vững tâm, thay quần áo ra ga. Đến ga đúng mười giờ. Nhưng khi cho xe chạy rồi, tôi mới thấy lo, tôi mới biết là tôi liều. Lúc đó, tôi có cái cảm giác lạ lắm: hình như tôi đi thế này, lúc về chắc không nhìn thấy mặt vợ nữa. Tôi cố định trí để cầm máy, nhưng chỉ được một lúc thôi.

Bỗng cả chuyến xe lửa nghiêng về một bên, rồi lắc lư như muốn đổ. Người "ét" của tôi, vội bỏ cái xẻng xúc than, níu lấy tôi nói:

- Ô hay! Hôm nay ông làm sao thế? Chỗ ấy đường cong nguy hiểm thế mà ông không hãm máy. Ông ngủ à?

Tôi không ngủ nhưng người tuy ở đây mà trí còn nghĩ đến người vợ nằm đợi chết một thân, một mình trong gian nhà nhỏ kia. Mắt tôi hoa lên, mồ hôi ra ướt đầm cả người.

Xe đi vào khe núi, hết lên cao lại xuống thấp như có vẻ nhọc nhằn. Tôi thò đầu ra cửa, nhìn thẳng trước mặt, nhưng đêm ấy sương mù đầy trời, không nhìn rõ gì cả, chỉ một màu trắng xóa dưới ánh hai cái đèn ở đầu toa. Bỗng tôi thấy... rõ ràng tôi thấy in trên sương mù một cái hình người đàn bà mặc áo rộng đứng dang tay. Tôi dụi mắt tưởng mình trông hoảng, nhưng không, hình người đàn bà vẫn đấy. Tôi gọi người "ét" lại cửa toa, bảo anh ta nhìn rồi hỏi:

- Bác có thấy gì không?

Vừa nói xong hình người vụt biến mất. Bác "ét" thò đầu ra và bảo tôi:

- Chỉ thấy sương mù! Ông lại mê ngủ rồi.

- Không, rõ ràng tôi thấy có hình người đàn bà in trên sương mù nhưng vừa biến mất.

Người "ét" cười ra vẻ không tin, lấy xẻng xúc than cho vào lò, còn tôi vẫn đứng nguyên chỗ cũ chăm chăm nhìn thẳng trước mặt. Được một lát, hình người đàn bà lại hiện ra, lần này rõ ràng hơn, hai tay vẫn dang thẳng như muốn ngăn đường không cho xe chạy lên nữa.

Tôi gọi người "ét" nhưng bác ta làm bộ không nghe thấy, cứ cầm đầu xúc than cho vào lò. Tôi biết tôi không mê, tôi biết là cái hình người ấy có thật, mà ai nhìn cũng phải thấy. Tôi đến cầm lấy tay bác "ét" kéo bác ra xem rồi bảo, cả quyết:

- Nhìn xem!

Bác ta há hốc mồm giương to mắt, hốt hoảng nói:

- Lạ thật!... Ma ông ạ!

Xe tiến đến đâu, cái hình người lui đến đấy, có lúc mờ, có lúc rõ, lơ lửng giữa lưng chừng trời.

Rồi cái hình người ấy vẫy hai tay một cách thông thả, như có ý bảo chúng tôi đừng tiến lên nữa, có sự gì nguy hiểm.

Tôi bảo bác "ét":

- Bác này, có sự gì lạ sắp xảy ra.

- Vâng, sao cái hình ấy lại như lấy tay làm hiệu bảo ta dừng lại.

Cái hình người trước còn vẫy tay thông thả, sau vẫy thật nhanh như người tỏ ra ý thất vọng vì bảo chúng tôi mà chúng tôi không nghe:

- Hay ta dừng lại xem sao, chắc là ma!

- Không được, tự nhiên vô cớ.

Còn tôi lúc bấy giờ hai tai ù như người mất trí khôn: tôi văng vẳng nghe có tiếng người ở thật xa đưa lại, tiếng một người đàn bà bảo tôi:

- Đổ lại, đổ lại!

Tôi lắng tai, tay nắm chặt lấy cái "phanh" như định hãm rồi lại không dám hãm.

Một lát, tôi lại nghe thấy tiếng người đàn bà, rõ hơn lần trước, giục tôi:

- Hãm lại, hãm lại ngay!

Lúc bấy giờ tôi không biết gì nữa, nhắm mắt hãm phanh lại thật mạnh. Các toa rung một cái, bánh xe kêu rít lên trong đêm thanh vắng. Xe chạy từ từ một quãng rồi đỗ hẳn. Tôi chưa kịp bước xuống, đã thấy người "xếp tanh" cầm đèn chạy lên hỏi:

- Việc gì thế?

Tôi luống cuống không biết trả lời làm sao, vì nói thật ai tin mình. Tôi trả lời một cách mập mờ:

- Chắc có sự gì lạ. Để tôi cầm đèn đi xem đã.

Lúc bấy giờ mấy ông quan hầu quan Toàn quyền cũng vừa đến, rồi thấy lạ, đi theo chúng tôi. Vừa đi được một quãng thì nghe trước mặt có tiếng nước chảy âm âm. Tôi định tâm mới nhớ ra rằng đó là cầu N.G.

Mấy đêm ấy mưa lũ, nước chắc chảy xiết, nên mới réo to như vậy. Đến bờ sông, giơ đèn lên soi, mấy người đều kinh hoảng: cái cầu N.G. bị nước nguồn chảy về xoáy gãy làm đôi.

Một ít nữa, nếu không hãm kịp thì cả một chuyến xe riêng chở quan Toàn quyền đâm nhào xuống sông sâu, chắc không sống sót một ai; tưởng không có cái tai nạn nào ghê gớm hơn, thế mà chính vì tôi nên mới không có cái tai nạn ấy. Tôi đứng ngẩn người, không hiểu ra sao cả.

Người "xếp tanh" mừng cuống quít, hỏi tôi:

- Sao ông biết mà hăm?
- Tôi cũng không hiểu.

Mấy người quan hầu có vẻ mừng lộ ra mặt xúm xít quanh tôi hỏi dồn, tôi không biết trả lời ra sao. Một lát, mọi người đứng dần ra, quan Toàn quyền đến, ngài không nề tôi là người lao động, trong lúc mừng quá, ngài giơ tay bắt tay tôi, cái bàn tay đầy bụi than, rồi ngài tỏ lời khen.

Tôi chắc rồi sau thế nào cũng được trọng thưởng, nhưng trọng thưởng lúc đó đối với tôi cũng như không, tôi chỉ nghĩ đến nhà tôi ở nhà, không biết ra sao. Tôi đi trở lại và thoáng thấy con gì bám ở cái đèn để đầu toa. Nhìn kỹ thì ra là một con bướm thật to, vương vào đèn, đương đập cánh để tìm đường thoát. Chính là con bướm trong cái hộp này đây.

Trông thấy con bướm tôi thốt nghĩ ra ngay. Chính phải rồi, chính cái hình người đàn bà lúc nãy là cái bóng con bướm này in lên trên sương mù, đầu con bướm là đầu hình người, mà hai cánh con bướm đập là hai cái tay người vậy.

Tôi bắt con bướm rồi định thả cho nó bay đi; sau nghĩ con bướm đã giúp mình được việc, nên giữ lại làm kỷ niệm. Tôi nhìn vào đồng hồ trong toa, thấy kim chỉ đúng hai giờ đêm...

Hôm sau tôi vừa về tới cổng nhà thì thằng nhỏ chạy ra báo tin nhà tôi mất, mất vào quãng một giờ đêm hôm qua.

Tôi không hay tin nhảm; tôi chắc đó chỉ là một sự tình cờ, một sự ngẫu nhiên, nhưng tôi vẫn yên trí rằng linh hồn nhà tôi đã nhập vào con bướm này để phù hộ cho tôi tránh được cái tai nạn đêm hôm ấy. Nhưng tránh được cái tai nạn mà làm gì, tôi thoát được thân tôi mà làm gì, giàu sang phú quý bây giờ đối với tôi như không, tôi cũng chỉ như con bướm này, xác đấy mà hồn tận đâu đâu...

Bạn tôi kể xong câu chuyện, đẩy cái hộp khám lại rồi thần thờ nói:

- Bây giờ chỉ còn lại cái xác bướm không hồn!

*Rút từ tập truyện ngắn Anh phải sống,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1934*

THÁNG NGÀY QUA

Đầu hiên, về phía trông ra vườn, một cái vườn trồng toàn roi, Minh và Giao cầm cùi ngòi học.

Bấy giờ đã quá trưa. Trời trong biếc. Trên giàn thiên lý, mấy chùm hoa sẽ đưa trước gió, một vài tiếng gà gáy xa xa.

Giao đang học, tự nhiên thấy có cái cảm giác rất lạ, chàng không ngừng đầu lên mà biết chắc có người đứng nhìn chàng, Giao gấp sách lại, quay mặt ra phía vườn, thấy vợ bạn đương đắm đắm nhìn mình:

- Hú vía! Chị Minh! Tôi thoáng thấy bóng trắng trắng lại ngỡ là ma.

Người vợ trẻ của Minh hơi có ý ngượng vì thấy Giao bắt gặp mình nhìn trộm, mỉm cười nói chữa:

- Hai anh em học chăm quá, người ta đến gần mà không biết.

Lúc bấy giờ nàng đứng dựa đầu vào cái ghế dài, như có vẻ mỗi mệ, cặp môi hơi hé, cái gò má phơn phớt đỏ và đôi mắt trong trẻo, sáng sủa như ánh nắng rực rỡ mùa hè. Nàng có cái vẻ đẹp lộng lẫy quá, khiến Giao không dám nhìn lâu, nhất là không dám nhìn hai con mắt của nàng, hai con mắt huyền bí như có cái mãnh lực vô hình làm cho Giao rạo rục, náo nức cả trong lòng.

Nàng đưa ra mấy cành hoa nhài và bảo chồng:

- Này cậu, cây nhài hôm nọ tôi mua ở chợ về, có hoa rồi đấy, cậu lấy cốc cho nước vào để cắm hoa.

Minh, mắt vẫn để vào sách, nói:

- Tôi rất ghét thứ hoa nhài. Ngửi nó đâm ra nhức đầu.

Nhưng Giao thì không nghĩ thế. Chàng hiểu vì có gì người vợ Minh đem hoa đến, chàng cảm động. Từ hôm nói chuyện với

Minh rằng ở trên đời chàng không thích hoa gì bằng hoa nhài, thì chàng thấy vợ Minh mua ngay cây nhài về trồng trong vườn, tưới xới săn sóc đến luôn luôn. Hôm nay cây nhài nở mấy bông hoa đầu, vợ Minh ngắt hoa có ý nghĩa gì, Giao đã hiểu.

*
* *

Đã hơn một tháng nay, Giao cố sức chống lại với cái sức mạnh của ái tình nó như ngọn sóng muốn lôi cuốn chàng đi. Chàng mới có mười bảy tuổi, cái tuổi còn non nớt lại gặp ngay một mối tình mãnh liệt mà éo le.

Tuy Minh hơn Giao những bảy tuổi mà hai người cùng học một lớp ở trường trung học. Giao trọ ở nhà một người quen trong làng N... nhưng vì bên nhà Minh có vườn mát mẻ nên thường hay sang cùng ngồi học với Minh, nhân tiện chỉ bảo giúp Minh, vì Minh học lực rất kém. Thế rồi ngày một ngày hai, khi đi lại, lúc ra vào, Giao cảm vì cái sắc đẹp rực rỡ của vợ Minh, mà xem chừng vợ Minh cũng cảm vì cái tình ngây thơ của một cậu học trò còn trẻ tuổi đối với mình.

Nhưng hai người cùng sợ, cùng rụt rè, không dám tìm cách để gần nhau, nhưng cũng không nở xa nhau, cứ để mặc cho cái mùi hương nguy hiểm của ái tình nó mê đắm cả hai người.

Giao biết, biết là có một ngày kia chàng sẽ phạm vào tội lỗi đối với bạn, chàng biết là sẽ làm một việc rất xấu, nên chàng hết sức chống lại. Có khi chàng cố giữ hai, ba ngày không sang nhà bạn nhưng cái vẻ đẹp kia, đôi má hồng, hai con mắt sáng kia như có sức mạnh bắt chàng không thể nào quên được. Giao lại sang, tự an ủi mình rằng ngắm một người đẹp đã tội lỗi gì đâu.

Cứ mỗi lần Giao sang ngồi học với Minh thì người vợ hay lân la đến chỗ hai người nói chuyện vợ vãn. Một hôm Giao sang học bên nhà bạn, thấy cửa đóng, gõ thì người vợ ra mở. Nàng thấy Giao làm ra bộ ngạc nhiên:

- À, anh Giao! Tôi lại tưởng có người đến hỏi nợ, đã lo!

Rồi nàng cười, cười tíu đi, đôi má lại càng đỏ, hai con mắt lại càng trong, khiến Giao cuống quýt, không biết nói làm sao. Nàng vừa cài then cửa vừa nói:

- Hôm nay anh Minh đi vắng!

Rồi nàng nhìn Giao như dò ý tứ. Giao vội nói:

- Thế chị để tôi về thôi, mai sang.

- Về nhà bức chết, anh cứ vào ngồi mà học... việc gì.

Rồi nàng nhìn lên cây, vỗ tay nói một cách ngây thơ như đứa trẻ vui mừng:

- Roi chín rồi, để tôi lấy sào chọc mấy quả anh ăn. Ngọt, giòn, mát như đường phèn.

Nàng vừa nói vừa chép miệng, rồi làm bộ như nuốt nước bọt thèm, nhìn Giao cười.

Giao nhìn lên cây roi thấy trong đám lá xanh mấy chùm quả nặng trĩu, sắc da mát và hồng, như muốn trêu giục người ta hái xuống ăn ngấu ăn nghiêng, lại nhìn đến người đàn bà đôi má hồng, tự nhiên trong trí chàng nảy ra một sự so sánh, so sánh chùm quả ngon với người con gái đẹp. Trong lúc say đắm về cách cử chỉ của nàng, Giao không nghĩ gì cả, nhưng Giao sợ, sợ không thoát khỏi! Chàng biết chàng như con cá diếc con đã mắc vào lưới, không tài nào thoát, nhưng cũng giãy giụa trước khi chịu khuất phục.

Giao cầm đầu đi thẳng vào trong nhà, ngồi giở sách ra xem, nhưng không tài nào đọc được một chữ.

Một lát thì vợ Minh đi vào, tay cầm một chùm roi, tóc xõa cả xuống má, nhìn Giao hớn hở.

Giao đứng ngay dậy, thì nàng cũng vừa bước lại gần sát bên cạnh; bốn mắt gặp nhau, Giao nhìn nàng thấy nàng đổi khác hẳn mọi khi: cặp môi nàng mấp máy, dưới tấm áo mỏng ngực nàng phập phồng, hai con mắt nhìn đăm đăm vào chàng có vẻ lẳng lơ, nồng nàn như đắm tình.

Một lát, nàng sẽ nói:

- Mời anh xơi roi...

Lúc bấy giờ Giao như người mất hồn, mặt nóng bừng, không nghĩ gì nữa, như bị hai con mắt đẹp huyền bí của nàng làm tê mê...

Giao khẽ để tay lên tay nàng - tay nàng còn cầm chùm roi - nàng để yên không kéo ra, cúi đầu e thẹn. Bỗng tự nhiên, nàng giật mình, kéo mạnh tay ra, lùi lại một bước, kêu:

- Con sâu! Trong quả roi có con sâu...

Giao nhìn, quả nhiên thấy trong một quả roi to nhất, đẹp nhất, có con sâu từ từ bò ra leo lên tìm đường thoát. Giao vội vàng ném quả roi ra vườn. Nhưng từ lúc đó, chàng như người ngủ mê mới tỉnh: con sâu trong quả roi đã làm cho chàng biết rằng chàng sắp phạm một tội xấu xa mà trong lúc mê man vì sắc đẹp chàng không nghĩ tới. Chàng ném quả roi xong, quay lại thấy vợ bạn đương nhắc bức màn, bước vội vào nhà trong như người đi trốn. Giao thở dài, cấp sách về nhà trọ, và từ đấy, chàng không tới nhà bạn nữa.

*
* *

Bảy năm sau... trong bảy năm đó vì việc nhà, Giao phải cách biệt hẳn Hà Nội, phiêu lưu nay đây mai đó; trên đường đời, chàng đã gặp bao nhiêu là mỹ nữ, nhưng chàng không sao quên được người xưa.

Bảy năm sau, nhân về Hà Nội, chàng thuê xe xuống làng N... để thăm người bạn học mà chàng phải xa cách, mà nhất là thăm người mà bảy năm về trước có cái sắc đẹp đã làm rung động tâm linh hồn ngây thơ của chàng.

Tình cờ lúc đó lại vừa đúng tháng sáu, đúng mùa roi chín.

Tuy đã lâu năm, nhưng chàng nhận ngay được ngõ vào nhà bạn, cái cổng gỗ bây giờ đã cũ, mấy cây roi có to hơn, nhưng trong đám lá xanh mấy chùm quả nặng trĩu vẫn một sắc da mát và hồng như trước.

Chàng gõ cửa, thấy trong nhà có tiếng người đi ra. Cửa mở, một người đàn bà, tay bế con, thấy Giao, buột mồm kêu:

- Anh Giao!

Nàng nhận ngay ra được cậu học trò, bạn học của chồng trước.

Nàng mừng quá, chỉ nói được thế thôi rồi đứng nhìn Giao từ đầu đến chân. Nhưng Giao trông nàng lấy làm lạ, ngạc nhiên, hơi ngờ ngợ. Chàng lãnh đạm hỏi:

- Bác Minh có nhà không, bác?

Nàng vừa cài then cửa vừa nói:

- Nhà tôi đi vắng.

Giao bước vào thấy cảnh sắc vẫn nguyên như cũ: vẫn giàn thiên lý ở đầu nhà, dăm chùm hoa nở, vẫn cái án thư, hai cái kỷ ở đầu hiên, chỗ mà chàng vẫn ngồi học với Minh năm nọ.

Lúc ngồi nói chuyện, uống nước với vợ Minh, Giao có ý ngấm kỹ nàng vì Giao không rút rút như trước mà không dám nhìn lâu nữa - nhưng bây giờ còn đâu cái đẹp nồng nàn, còn đâu đôi má hồng, hai con mắt trong trẻo sáng sủa như nắng rực rỡ mùa hè...

... Tháng, ngày qua... sắc đẹp tàn...

Nàng thần thờ nói:

- Chóng thật! Mới ngày nào, bây giờ đã...

Nàng ngẩng nhìn lên tường thấy bóng mình in trong cái gương to để đây, cái bóng một người đàn bà đứng tuổi, không có gì là vẻ thanh xuân, nàng chạnh tưởng tới cái sắc đẹp lộng lẫy khi xưa nay đã tàn. Nàng nhìn Giao, Giao nhìn nàng, hai người cùng một ý nghĩ như nhau.

Nàng buồn rầu, nhắc lại:

- Chóng thật!...

Rồi nàng cố gượng làm bộ vui tươi, bảo Giao:

- Bác đến may quá, vừa đúng mùa roi chín... để lấy mấy quả bác xơi.

Giao ăn roi nhìn người nói nửa đùa nửa thật:

- Roi vẫn ngọt, vẫn mát như đường phèn... nhưng bây giờ không có sâu nữa.

Rồi hai người cùng mỉm cười, cái mỉm cười chua chát, biết bao ý nghĩa như nhắc hai người ôn lại chuyện xưa. Giao bùi ngùi nhớ lại cái mơ mộng ngày trước, cái mơ mộng yêu một cách thiết tha và không chính đáng, một cái sắc đẹp mà bây giờ chàng mới biết là ảo mộng, mong manh không giá trị gì!

Chuyện vẫn vợ một lúc, Giao đứng dậy xin từ cáo. Nàng cũng tiễn theo ra.

Lúc đi qua chỗ ngồi học ngày trước, chàng thấy trên án thư một cái cốc trong có cắm mấy cành nhài mà lúc vào chàng không để ý đến. Mấy bông hoa nhài trắng như mấy cái nụ cười âu yếm nhắc lại trong trí Giao câu chuyện tặng hoa ý nhị năm xưa. Mấy bông hoa có lẽ vô tình cắm đó đã làm cho Giao có cái ảo tưởng rằng trong bảy năm nay, lúc nào nàng cũng còn nhớ đến cậu học trò, cậu học trò đã trót mê nàng vì cái sắc đẹp mà bây giờ không có nữa. Cái ảo tưởng ấy làm cho Giao man mác trong lòng.

Trước khi từ biệt, Giao nhìn thẳng vào mắt nàng như để tỏ lời cảm ơn nàng trong bấy lâu vẫn để bên lòng một chút tình thương yêu chàng, chút tình ấy kín đáo hơn cái sắc đẹp kia, nhưng lâu bền hơn.

Tháng ngày qua... sắc đẹp tàn... nhưng cái hương thơm của tình thương yêu tuyệt vọng, u uẩn của nàng đối với Giao còn phảng phất, không bao giờ phai.

*Rút từ tập truyện ngắn Anh phải sống,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1934*

ĐẦU ĐƯỜNG XÓ CHỢ

Đầu đường xó chợ!

Từ năm thầy tôi mất, anh chị tôi rời bỏ chốn quê nhà đi tha phương cầu thực, đến ở một túp nhà tranh ở ngay đầu chợ C... Bắt đầu từ đó, tôi bỏ cái đời cũ là cái đời một cậu con quan ăn sung mặc sướng, bước chân vào một cuộc đời riêng mới cho tôi: tôi gọi là cái đời đầu đường xó chợ. Năm ấy tôi mới mười ba tuổi.

Cái xã hội xó chợ ấy khác hẳn với cái xã hội quý phái của tôi ngày trước: này gia đình bác Tèo bán bánh đúc, vợ chồng bác xã Tắc kéo xe, mẹ con nhà hai Lộc bán nôi đất.

Từng gia đình nhỏ nhỏ lúc nhúc trong những gian nhà xiêu vẹo, tối tăm, bẩn thỉu. Trước nhà một cái rãnh nước dài, đầy những vỏ dưa, lá chuối, giẻ rách.

Thật là một xã hội xấu xa, mà xấu xa vì nghèo khổ quá. Tự nhiên tôi đem lòng mến những đứa trẻ cùng trạc tuổi tôi của những gia đình hèn hạ ấy: cái Nhón, thằng Cu, con Tẹo là bạn tôi cả. Tôi đã trông thấy chúng ăn cả bữa cơm có dấm muối, vài quả cà thơm hay đĩa rau sam luộc, tôi đã thấy chúng nhặt những gốc mía người ta vứt đi mà chia nhau hít cho đỡ thèm, nên tôi thương; chiều mát tôi đi với chúng ra đồng, xem chúng đặt những cái lờ vào các lạch con để bắt tôm cá. Chúng được nhiều tôm cá, tôi cũng mừng hộ và tôi đợi đến bữa cơm của chúng để xem trong mâm có được thêm đĩa cá rô kho hay mấy con tôm đỏ nào không.

Người mà tôi quý nhất hồi đó là chị Hiên, vợ một người phu xe ở xế cửa nhà tôi.

Nguyên anh chị tôi được linh một cái ty bán thuốc phiện, nên chị Hiên thường lui tới mua thuốc cho chồng. Lần đầu tôi trông thấy chị ta, tôi đem lòng thương hại ngay. Bây giờ tôi mới rõ rằng

tôi có cái cảm tình đó vì chị Hiên còn trẻ, xinh và có duyên, lại lấy phải chồng nghiện ngập, xấu xí. Nhưng chị Hiên thì không nghĩ như tôi. Cả ngày chị cặm cụi ngồi đan lờ trong khi chồng đi kéo xe vắng. Hôm nào chị bán lờ được một hào, chị mua cho chồng một hào thuốc thì chị lấy làm vui vẻ, sung sướng lắm.

Chị không nghĩ gì đến thân chị, có cái áo nâu đã bạc, đã vá tay, vá vai, vá lưng mà chị không chịu để dành tiền may cái áo mới.

Trí non nớt của tôi không sao hiểu được cách hành động của chị đối với một người chồng nghiện ngập, hèn hạ như thế.

Một hôm, tôi sang bên nhà chị, thấy chị ngồi gục đầu vào cánh tay, bên cạnh mấy chiếc lờ đan dở. Tôi vào, chị ngẩng lên nhìn, hai con mắt như có ngấn lệ. Tôi vừa định quay ra thì chị ta vẫy tôi lại gần hỏi khẽ:

- Này cậu, cậu có một hào, cậu cho tôi vay, vài hôm tôi giả.

- Tôi làm gì có tiền cho bác vay! Bác vay làm gì?

Chị Hiên lẳng lặng chỉ vào trong buồng. Tôi hỏi:

- Bác giai đau phải không? ốm hay sao mà rên dử thế?

- Cậu ạ, hai ngày hôm nay, nó lên hai cơn sốt rét, không đi kéo xe được. Nhà không có tiền, tôi phải nhịn cơm từ hôm qua, nhưng nguy nhất là hết tiền mua thuốc. Đã ốm mà cơn nghiện lên thì chết mất. Hay cậu về ăn cắp ở nhà một hào chỉ cho tôi vay.

Tôi mỉm cười, lắc đầu:

- Chiều tối, bác mang tiền lại mua thuốc, tôi thêm cho ít nhiều thì họa may... còn tiền thì tôi không thể nào có được.

Vừa lúc ấy con gà trống to của anh chị tôi nuôi lớn vờn đến bên cạnh mẹt vùng của chị Hiên phơi trước cửa. Chị Hiên tay xua con gà, miệng nói đùa:

- Giá được con gà này mà bán thì chồng tôi tha hồ hút.

*

* *

Đã khuya, nhà tôi đóng cửa đi ngủ, bỗng có người gọi mua thuốc.

Tôi nhanh nhẹn cầm cây đèn hoa kỳ ra vì tôi biết chắc đây là chị Hiên mua thuốc cho chồng. Qua khung cửa bán thuốc, một cái bàn tay thò vào cầm một cái vỏ hến trong có một hào chỉ đã nhẵn mặt. Chị tôi cầm lấy đồng hào, nhìn đi nhìn lại rồi nói:

- Đưa hào khác thì bán, hào này nhẵn mặt lắm không tiêu được.

Tôi lo lắng, và tôi chắc chị Hiên đứng ngoài cửa còn lo gấp máy. Tôi vội bảo chị tôi:

- Thôi, chị cứ nhận cho người ta, mai giả nhà đoan cũng được.

Tôi không dám nói rõ vì tôi biết chị tôi ghét vợ chồng nhà này lắm.

Khi chị tôi cân thuốc xong, quay lưng đi, tôi vội cầm cái que thuốc rỏ thêm vào trong hến một giọt. Lúc đưa cho chị Hiên, tôi bảo khẽ:

- Thêm cho rồi đấy nhớ.

Tôi vừa đóng xong cái cửa bán thuốc thì ở ngoài bỗng có tiếng kêu:

- Chết tôi rồi, cậu cho tôi mượn cái đèn, đổ cả rồi!

Tôi đưa đèn ra xong rồi nhìn qua khe cửa, thấy một cảnh tượng không bao giờ tôi quên được; hến thuốc đổ sập xuống đất, thuốc bắn tung ra thành từng chấm đen nhánh. Chị Hiên cúi xuống lật cái hến lên, cái hến chỉ còn rây một ít thuốc; trong lúc hấp tấp chị lấy ngón tay quét thuốc dưới đất cho vào hến, nhưng thuốc lẫn cả với đất còn hút gì!

Không làm sao được, chị nhặt cả những hòn đất có dây thuốc để vào bàn tay - Rồi chị cứ ngồi đấy khóc thút thít. Sau thấy chị tôi giục đem đèn vào, tôi phải để mặc chị Hiên ngồi khóc trong bóng tối. Tôi vừa đặt mình xuống giường nằm thì vắng có tiếng người cãi nhau, tôi chắc là ở nhà chị Hiên, chồng chị đang đánh mắng chị ta.

Sáng hôm sau, tôi sang nhà chị Hiên sớm, thấy chị ta ngồi dựa vào góc, đầu tóc bù xù, vẻ người mệt mỏi, trên trán có một chỗ sưng tím lên. Tôi không thấy mấy cái lờ nan đan dở để đấy, liền hỏi:

- Bác bán lò đi rồi phải không?

- Không, tôi cất ở dưới bếp.

- Thế hào chỉ hôm qua?

Chị ta thấy tôi hỏi đường đột, nhìn tôi có vẻ sợ hãi, nói một cách hoảng hốt:

- Tôi vay của.... Không! Người ta trả nợ tôi.

- Bác mà có người nợ tiền.

- Ấy nợ cũ... đã lâu.

Vừa nói đến đấy thì nghe bên nhà tôi có tiếng người nói to, con đò nhà tôi chạy ra ngơ ngác như tìm một vật gì. Tôi hỏi thì nó trả lời:

- Nhà mất con gà, con gà sống thiên to nhất...

Chị Hiên hỏi tôi:

- Con gà nào thế cậu nhỉ!

- Ấy con gà hôm qua nó sang đây mổ vườn của bác ấy.

Chị Hiên thốt nhiên nói:

- Chết tôi rồi! Gà nhà cậu!

Tôi hỏi:

- Làm sao mà chết?

Chị Hiên luống cuống như định nói lại thôi, nhưng cái trí non nớt của tôi đã hiểu rõ, đã đoán ra hết. Tôi ngấm lại chị ta thấy vẻ mặt tái mét, nửa vì đói, nửa vì lo mà tôi đem lòng thương hại vô cùng. Vì hết lòng với chồng phải đi ăn trộm gà lại bị chồng mắng. Tự nhiên tôi muốn tìm cách chống chế cho người đã ăn cắp gà nhà tôi. Tôi ngấm nghĩ một lúc rồi bảo chị ta:

- Được! Bác đừng lo, bác để mặc tôi!

Rồi tôi về nhà chạy thẳng ra cổng sau nhìn xuống sông, bảo chị tôi rằng:

- Nhà mất gà phải không, thôi đừng tìm nữa vô ích, hôm qua tôi thấy con gà giống con gà nhà ta đậu ở dưới thuyền buôn nổi đất. Bây giờ họ đi họ cuỗm đi rồi. Còn biết thuyền ai mà hỏi.

Tôi lấy làm tự đắc rằng đã tìm được một kế hay và rất mừng rằng cái kế đó hiệu nghiệm, vì chị tôi coi như mất hẳn con gà rồi, không cho người đi tìm nữa.

Tôi còn bé không hiểu rằng giúp đỡ một người ăn cắp thế là tốt hay xấu, tôi chỉ biết rằng trong lòng tôi lúc bấy giờ vui vẻ lắm, vui vẻ vì cứu thoát được một người khổ sở, đáng thương.

Về sau, tôi càng ngày càng cách biệt với cái xã hội đầu đường xó chợ ấy. Đến nay đã gần hai mươi năm, cái cảnh đời cũ đã mờ mờ trong trí nhớ, nhưng câu chuyện của chị Hiền thì không bao giờ tôi quên được.

Cái đời đầu đường xó chợ ấy ngay từ thừa còn nhỏ đã dạy cho tôi hiểu rằng: muốn cho người ta dễ có lòng thiện thì phải làm thế nào cho người ta khỏi nghèo khổ, mà một xã hội nghèo khổ thì bao giờ cũng dễ thành một xã hội xấu xa.

*Rút từ tập truyện ngắn Anh phải sống,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1934*

NƯỚC CHẢY ĐÔI DÒNG

Nước xuôi dòng, buồm thuận gió. Hai bên bờ sông hai dãy đồi dài, sương buổi chiều đã lờ mờ phủ chân; trên ngọn đồi vài rặng thông như mấy vết mực nhạt... trời lạnh và trăng trong...

Sinh ngồi ở ngoài khoang thuyền, kéo cổ áo lên che cho khỏi lạnh, quay ra phía sông vợ vẫn nhìn cảnh nước trôi, trăng giải. Chàng lặng yên để tâm trí phiêu lưu, không nghĩ gì, không vui, không buồn, có cái thú bình tĩnh vô tư.

Sinh lên chơi người quen ở Phả Lại, khi trở về, nhân có chiếc thuyền nâu cũng xuôi nên xuống thuyền, bao giờ đến nhà thì đến, vì chàng không vội gì. Mà Sinh cũng không bao giờ biết vội, chàng là con quan nhà giàu có, nên sống một cuộc đời nhàn nhã, cứ để năm, tháng đi qua hết ngày nọ đến ngày kia... đi qua như dòng nước chảy xuôi.

Sinh đương ngồi vợ vẫn, bỗng nghe trong khoang có tiếng người nói rất thanh tao. Sinh lấy làm lạ, vì lúc xuống thuyền chỉ có hai vợ chồng người lái đò đã già. Sinh quay lại thấy một người con gái trạc độ mười tám tuổi, mặc chiếc áo tứ thân vá vai đã cũ, chiếc khăn vuông đã bạc, tóc rủ xuống má bối rối, nhưng nét mặt xinh đẹp tuyệt trần, hai con mắt trong và sáng, trông thanh tao có vẻ con nhà khuê các. Sinh ngạc nhiên, giương mắt nhìn. Người con gái không để ý, không chút e lệ, ngậy thơ nhìn Sinh, hơi mỉm cười, sẽ nói:

- Mời ông vào xơi nước.

Trên chiếc chiếu trắng Sinh thấy có đĩa ấm nước và cái khay gỗ đựng mấy chiếc chén sứ miện. Người con gái rót nước vào chén hơi lên nghi ngút, mời Sinh uống, rồi lại lui về khoang cuối thuyền vừa cầm lái, vừa đun bếp. Sinh cầm chén nước lên nhưng không

uống, vẫn đắm đắm nhìn theo: dưới ánh lửa, hai mắt người con gái lại càng sáng, đôi má lại càng hồng.

Sinh ngẫm nghĩ:

- Quái, không lẽ hai vợ chồng lái đồ cộc kịch thế kia lại có người con gái thanh tao như vậy. Cái thân kia phủ tấm áo đã bạc rách, nghĩ kẻ đáng thương, đôi má kia nở nào để chịu gió sương mà hai tay kia thàng ngày dầm nước lạnh, mó cá tanh, sao cho xứng đáng.

Sinh đến gần chỗ đun nước, bảo người con gái:

- Trên thuyền có củi, cô cho mấy thanh củi to để tôi ra sưởi, đi thuyền không quen, chân tay tôi lạnh giá cả.

Người con gái rút ở dưới khoang thuyền mấy thanh củi, rồi nói:

- Thưa ông, ông chịu khó ngồi róm lửa lấy mà sưởi, cháu còn mắc cần lái.

Sinh tò mò hỏi chuyện:

- Cô ngồi cả đêm thế không lạnh sao?

- Thưa ông, quen đi... vả lại cháu chỉ ngồi đến nửa đêm, thấy cháu đi ngủ sớm, nửa đêm lại ra thay.

Sinh nói đùa:

- Cô có lạnh vào mà sưởi, để tôi ra cầm lái cho.

- Ông cầm không quen, đâm vào bờ thì chết!

Cô nói xong cúi mặt, mỉm cười. Sinh giờ hai tay lên sưởi, nói:

- Thuyền này to mà sao đi ít người thế cô?

- Chuyển về, xuôi nước thuận gió, chúng cháu không phải lấy thêm người chở đồ.

- Làm nghề này về mùa rét vất vả lắm nhỉ?

- Chúng cháu quen đi...

- Cô xuống làm dưới thuyền này được bao lâu?

Người con gái ngừng lên, hình như lấy làm lạ, cho câu hỏi là vắn vớ nhưng cũng trả lời:

- Chúng cháu làm nghề này từ thừa bé, thầy u cháu đã già, tuy nghề vất vả nhưng vẫn phải làm, vì không làm thì không có cái ăn.

Sinh nhìn kỹ tay người con gái, thấy tay tuy nhỏ nhắn, xinh xắn nhưng làm lụng nhiều vì đã sạm sạm đen, nhiều chỗ thành chai, tự nhiên đem lòng thương; từ sự thương một người con gái đẹp đến sự yêu tưởng không xa lắm. Sinh nhìn vào mắt người con gái hỏi vặn vợ:

- Cô cả đời ở dưới thuyền chắc buồn lắm nhỉ?

Bấy giờ ngoài mặt sông bóng trăng rọi xuống như rắc hoa bạc trên làn sóng... còn ngoài xa thì sương đêm mờ mịt, mà trong cái cảnh như thực như hư ấy, Sinh tưởng chừng đương ngồi đối diện với một người tiên nữ trá hình làm người con gái chờ chờ...

- Cô vào đây ngồi sưởi cho khỏi lạnh, bây giờ đương ở giữa sông thì bề lái thẳng mặc cho thuyền nó đi.

Người con gái nghe lời, vào ngồi bên lửa giờ tay sưởi. Sinh để tay lên tay người con gái, nói:

- Tay cô lạnh giá cả, tội nghiệp quá!

Nhìn đến cô bé thì cô bé vẫn điềm nhiên như không, cho Sinh sờ tay mình là tự nhiên, cười nói một cách ngây ngô:

- Ngồi đây ấm quá nhỉ, nhưng ấm quá chốc nữa ra lại lạnh.

- Ấy cứ ngồi bên tôi là ấm.

Người con gái lại cười một cách ngây thơ. Sinh âu yếm hỏi:

- Cô em năm nay bao nhiêu tuổi?

- Mười tám hay mười chín tuổi, tôi cũng chẳng nhớ.

- Thế cô em tên gọi là gì?

- Tên tôi là Duyên.

Sinh ngạc nhiên:

- Tên cô là Duyên à?

- Vâng tên tôi là Duyên, có gì mà ông lạ.

- Lạ vì tên tôi là Kim, tên hai người chấp lại thành Kim Duyên.

Người con gái như không hiểu, hỏi:

- Kim - Duyên có nghĩa thế nào?

- Là cô với tôi có duyên với nhau.

Cô bé cười... nhưng vẫn cái cười ngây thơ như trước.

Sinh nói mấy câu ngụ ý, người con gái đều không hiểu cả, chỉ trả lời bằng mấy câu mộc mạc, hay cười một cách ngây thơ. Sinh càng nhìn người con gái càng thấy xinh đẹp, cái vẻ đẹp lộng lẫy dấu ai trông thấy cũng phải cảm, hướng chi như Sinh ngồi đối diện tha hồ ngắm nghía, trên trời dưới nước, riêng mình với một tuyệt thế giai nhân.

Nhưng Sinh lấy làm chán nản vì không ngờ tấm linh hồn chất phác, mộc mạc ấy lại có thể ẩn dưới cái hình sắc đẹp đẽ đến như thế, khác nào chiếc áo nâu bạc rách bao phủ lấy tấm thân ngà ngọc, tuyệt mỹ kia.

Sinh ngồi sát vào người con gái, cô con gái không nói gì, vẫn một nét mặt thản nhiên, hai con mắt xinh đẹp vẫn một kẻ vô tình. Sinh nắm lấy tay người con gái, nhìn thẳng vào mặt, âu yếm hỏi:

- Cô Duyên...

Cô bé, khẽ kéo tay ra, gọi to:

- Thầy ơi sắp đến đồng Mía rồi, thầy ra mà kéo dây.

Sinh đứng dậy lui vào trong khoang, vờ cầm chén nước uống - nhưng mãi cũng không thấy ông cụ lái đò ra. Sinh biết người con gái lúc nguy cấp vờ gọi cha cầu cứu, lại toan đến gần chỗ người con gái ngồi, nhưng chếp miệng, nói một mình:

- Vô ích! Ra làm gì? ích lợi gì?

Một người con gái xinh đẹp đến thế mà ta không thể nào yêu được, mà người đó cũng không thể nào yêu ta, không biết yêu là cái gì! Còn làm xiêu lòng người để mua vui một lúc thì không nỡ... Thôi chỉ thế này thôi, chỉ thế thôi để gọi là giữ cái kỷ niệm một đêm đông trên thuyền cùng người con gái đẹp. Rồi sau đây... cuộc đời mỗi người đi về một ngã...

Sinh giờ chẵn đắp, ngủ một giấc, tờ mờ sáng hôm sau mới dậy. Lúc bấy giờ thuyền vừa đến làng Sinh. Sinh từ già hai vợ chồng lái đò và người con gái lên bờ. Người con gái còn đứng trên

mũi thuyền trôi theo, gió trên sông đưa mấy tà áo nâu bạc phất phơ... Sinh lát lát quay cổ trông với lại để thu vào trong trí nhớ cái hình ảnh của một người con gái đẹp chắc không bao giờ Sinh lại còn thấy một lần nữa.

*
* *

Nhưng một sự tình cờ lại làm cho Sinh gặp người con gái ấy một lần thứ hai... Từ lần gặp gỡ trước đến bây giờ đã mười năm.

Trong mười năm ấy Sinh đã lấy vợ đã có con, cuộc đời vẫn đi như dòng nước chảy.

Sinh một hôm, bận chút việc phải đi dò liên gọi một chiếc thuyền đánh cá thuê chở. Một người đàn bà, bế con ở trong khoang thò đầu ra hỏi:

- Ông muốn thuê thuyền...

Sinh nhìn kỹ người đàn bà, sững sốt buột miệng nói:

- Cô Duyên!

Người đàn bà cũng ngạc nhiên:

- Ông biết tên tôi?

- Cô không nhớ sao... Cô không nhớ người đi dò từ Phả Lại mười năm về trước...

Sinh nhìn người đàn bà thì người ấy vẻ mặt ngẩn ngơ như không hiểu, không nhớ ra. Mà Sinh thì không thể làm được.

Người đàn bà không để ý đến Sinh, quay mặt vào trong khoang nói:

- Thầy cháu ra có ông khách hỏi thuê thuyền.

Người chồng đi ra, đầu quấn chiếc khăn nâu, mình mặc áo cộc nâu, quần bông lá tọa, vẻ mặt xấu xí, nói:

- Mời ông xuống, chúng cháu chở...

Sinh xuống ngồi ở mũi thuyền, nhưng vẫn đắm đắm nhìn người đàn bà; mười năm đã qua, mà trông vẫn phảng phất như

người con gái năm xưa. Tuy đã đứng tuổi nhưng vẫn một vẻ đẹp lộng lẫy, tươi tắn như khi còn là con gái. Sinh nhìn người đàn bà, nhìn đến người chồng, đến đứa con trong lòng mẹ, nghĩ đến cái mơ mộng của mình mười năm trước thở dài, lẩm bẩm:

- Cuộc đời! Cuộc đời người ta như thế đấy! Mà chỉ có thế! Ta tưởng người con gái đẹp thì không thể nào sống trong cảnh nghèo hèn được, ta ái ngại, ta thương... Nhưng người con gái đẹp mà ta thương này không biết mình là khổ, không bao giờ nghĩ đến xem mình có khổ không, vô tình thản nhiên sống theo cảnh đời họ... như dòng nước sông kia chảy trong lòng sông.

Sinh cúi mặt ngắm dòng nước, ngắm mấy cái rác, tan tác mỗi cái trôi về một phía... khác nào hình ảnh cuộc đời của Sinh với cuộc đời của người con gái chớ đồ, mỗi bên đi về một ngã, không bao giờ gặp nhau.

Người đàn bà không để ý đến Sinh, vẻ mặt thản nhiên như không biết mình vui hay khổ, không biết mình là xinh đẹp, như không bao giờ nghĩ đến rằng người đẹp như mình có xứng đáng với cái cảnh đời ấy không... vô tình khẽ cất tiếng hát ru con:

...Nước chảy đôi dòng...

...Con sông Thương... nước chảy đôi dòng...

Ngày 22 tháng 12 năm 1932

Rút từ tập truyện ngắn Anh phải sống,

Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1934

NGHÈO

- Mình đã đỡ chưa?

Thấy vợ ngồi dựa vào tường, mắt có ngấn lệ, Trọng không biết là nàng khóc hay vì tại trong nhà đầy khói. Chàng thở rất khó, ngồi ghé vào đầu phản, hai khuỷu tay chống nặng nề xuống đùi và bàn tay bỏ thông, có vẻ mệt nhọc. Tuy trời nóng như hầm, mồ hôi ra ướt đầm áo trong mà Trọng cũng không buồn cởi áo bành tô xanh đầy vết dầu xe ô tô.

Nhìn qua cái màn rách sang góc nhà bên kia, Trọng thấy bác Phác, người đàn bà bán hàng rong ở chung với chàng cũng đương ngồi, hai khuỷu tay chống vào đùi có vẻ ngẫm nghĩ. Trọng thấy buồn cười nên vội vàng ngồi khác kiểu đi: ở trong một cái nhà lúc nhúc hơn mười gia đình, lúc ăn lúc ngủ, ai cũng nhìn thấy ai, nên Trọng luôn luôn khó chịu, cử động không được tự do.

Người đàn bà đột nhiên chửi lên mấy tiếng, rồi tiếp theo một tràng dài:

- Đôi guốc bà vừa để đây, ngoảnh đi một cái, hừ đã mất biến! Vật thứ không là bao, nhưng mà tức chứ! Hừ, ở lẫn với những quân ăn cắp!... Xin đừng ai chạnh lòng. Tôi mất của thì tôi nói, chẳng ông bà nào cấm được tôi.

Trọng biết là người ấy nói đã lâu rồi, mà nói câu ấy có lẽ đã hơn vài chục lượt. Họ vừa ngồi nghỉ cho đỡ mệt, nay lại bắt đầu. Vì chiều nào, những người ở trong nhà cũng tìm dịp to tiếng với nhau, nên chàng không để ý. Nhưng đến lúc thấy người đó mon men lại gần chiếc màn, cúi nhìn xuống gầm cái giường của chàng, vừa nhìn vừa nói: "Vứt một cái biến mất, nhậy thực!" như có ý đồ cho vợ con chàng lấy đôi guốc, thì chàng không giữ được giận, muốn chạy ra nắm tóc người ấy dúi xuống thêm gạch cho bõ tức. Chàng lăm bắm:

- Hừ, quá lắm. Dám nghi cho mình ăn cắp.

Nhưng chàng vẫn ngồi yên: hai tay nổi gân bám chặt lấy thành giường. Chàng trấn tĩnh lại ngay, tự bảo:

- Mình hãy còn giữ những thói của cuộc đời sang trọng cũ. Nếu cứ tức giận họ thì tức giận cả ngày.

Quay lại, thấy vợ vẫn ngồi yên trong góc giường. Trọng đoán là nàng không biết chuyện. Bảo thấy chồng nhìn mình chăm chú, nên nhếch mép hình như nàng phải cố hết sức, phải khó nhọc lắm mới nhếch nổi một nụ cười đón chồng.

Trọng đau đớn nghĩ đến rằng vợ chàng con một nhà gia thế, lấy chàng không phải vì tình yêu, cũng không phải vì chàng có tài cán, mà chỉ vì cha mẹ nàng ham cái gia tài của chàng. Hơn sáu năm ở với nhau, lúc nào chàng cũng nhận thấy lòng khinh rẻ của vợ đối với mình, mặc dầu lòng khinh rẻ ấy rất kín đáo. Ngờ đâu nay nàng ngồi kia, mình mặc chiếc áo cánh vá vai, chiếc quần lĩnh bạc màu, gầy gò, ốm yếu, ở lẫn với những người nghèo cùng mạt trong xã hội, mà lại còn nghèo hơn họ.

Xảy ra như vậy chỉ vì mấy cái tai nạn dồn dập đến một cách bất ngờ. Chàng không biết lo xa, quá tin ở của cải mình. Sau khi gia tài khánh kiệt, chàng sống vất vưởng, ngửa tay xin anh em quen thuộc mỗi người một ít để nuôi vợ, nuôi hai đứa con đẻ và hai đứa cháu bỏ cô cha mẹ mà chàng đã nhận làm con nuôi. Như thế được mấy tháng, sau không ai giúp nữa, chàng đưa vợ đến đây, thuê một cái giường nằm hào một tháng và đã kiếm được việc làm ở một nhà chữa ô tô.

Một người gánh nước đi ngang qua, nước bắn vào bàn chân làm chàng giật mình. Chàng nhìn cái nền gạch long lở ướt sũng nước, nhìn những làn khói tỏa ở các bếp hỏa lò ra, lẩm bẩm:

- Ở thế này chỉ vài tháng là ho lao.

Trước kia, khi còn có nhà cho thuê, chàng chỉ cốt thu về nhiều tiền, không bao giờ cho thế là vô nhân đạo. Nay chàng mới nhận thấy một cách rõ rệt, tuy rằng cách cho thuê ấy đã giúp chàng có nơi trú ngụ bằng một giá rất rẻ.

Chàng cần đến, nhưng chính vì sự cần ấy mà việc cho thuê như vậy là độc ác. Chàng ngẫm nghĩ:

- Nếu phen này ta có nhà cho thuê thì ta nhất định bỏ.

Chàng mỉm cười nói:

- Phen này!

Tự nhiên chàng thấy vui vẻ và nghĩ thầm:

- Bây giờ mình đâm ra có lòng tốt, lạ chưa.

Chàng nhận thấy chàng trước kia tàn ác, mà tàn ác chỉ vì vô tâm và ích kỷ. Bây giờ chàng mới biết không ai muốn giúp mình lúc nghèo, chỉ vì lúc giàu mình không nghĩ đến ai. Chàng sung sướng, mà cái sung sướng ấy mới lạ lắm, chàng thấy vụt có cái quan niệm cao quý về nhân phẩm của mình. Trọng ngừng lên nhìn vợ, mà lần đầu chàng nhìn vợ không có ý then lại có vẻ hơi kiêu. Mấy đứa con chàng ở ngoài chạy vào, cười nói, đứa nào cũng thở hồng hộc. Trọng âu yếm hỏi:

- Các con đi chơi đâu về?

- Chúng con đá bóng ở bờ sông vui quá.

Trọng nhìn những gò má hồng hào, lắm bầm:

- Chỉ ít lâu nữa là hết cả hồng.

Thấy một đứa kêu đói, chàng mới sực nhớ đến giờ nấu cơm. Chàng cho tay vào túi áo, vờ vờ ba đồng hào một cách âu yếm, vì ba hào chỉ ấy là tiền của chàng kiếm ra lần đầu tiên. Nó lại quý nữa là vì không có nó tất chàng và vợ con phải nhịn đói.

Tuy trước kia giàu có hàng nghìn, hàng vạn, mà bây giờ chàng mới thấy mình "có tiền". Chàng kêu mấy hào chỉ ở đáy túi vào lòng bàn tay và nắm lấy thật chặt.

*

* *

Trọng thấy tiếng guốc của mình nện trên gạch hè đường kêu to một cách khó chịu vì chàng đi guốc chưa quen. Chàng tưởng như tiếng guốc xui bảo mọi người để ý đến mình. Trước khi rẽ vào một cái hàng cơm, chàng tự nhiên quay đầu nhìn lại phía nhà ở, có vẻ một người vụng trộm. Chàng rẽ vào đấy ăn quà sáng để lấy sức làm

việc, trong khi vợ con chàng phải nhịn. Chàng không muốn ăn ở nhà một mình trước mặt vợ con.

Vào hàng, Trọng mua một xu xôi đậu đen, vì chàng đoán thứ quà đó no lâu. Chàng lấy đũa xắn từng miếng chấm muối vừng rồi nhai thong thả, vừa nhai vừa ngẫm nghĩ, nghe ngóng. Chàng gật gù lắm bầm:

- Càng nhai lâu càng thấy bùi miệng.

Bà hàng tưởng chàng khen xôi của mình thổi khéo, liền mời:

- Bác ăn xu nữa!

Trọng không ngờ xôi đậu đen lại ngon đến thế; chàng đặt đũa xoa hai tay với nhau, có vẻ khoan khoái, bảo bà hàng: - Bà cho tôi thêm một xu. Bà lấy ở đáy rá cho nóng.

Trọng lấy làm tiếc rằng một thức ngon thế này mà ăn vụng trộm, vợ con không được hưởng. Chàng cảm động nghĩ đến những cái vụng trộm khác, trốn vợ đi hát mở từng chai sâm banh, và lấy làm lạ rằng những lúc đó sao không áy náy bằng khi ăn có hai xu đậu đen chấm muối vừng rang mặn.

Công việc của chàng cả ngày hôm ấy là nằm dưới gậm ô tô thay "láp" xe. Trên má chàng, những giọt mồ hôi hòa với dầu máy từ từ chạy xuống tai, xuống cổ. Mới đầu, chàng tưởng không sao chịu nổi, nhưng sau chàng nghiệm ra rằng sự nóng bức càng tăng lên, sự khó chịu càng bớt dần. Nếu chàng là một người giàu có đứng ở ngoài, tưởng tượng phải làm việc như vậy, tất ghê sợ lắm, cho cuộc đời là khốn nạn, không đáng sống, không có nghĩa lý gì. Trước kia, chàng cũng tưởng thế, vì chính chàng giàu có; trước kia không thiếu thứ gì, không bao giờ phải mệt nhọc đến thân mà không lúc nào chàng được yên tĩnh, luôn luôn tự hỏi sống để làm gì, và cố tìm một cái nghĩa cho sự sống của mình, của mọi người mà không tìm ra.

Bây giờ cái bản khoản ấy đã mất hẳn. Chàng thấy công việc chàng có nghĩa lắm, vì nhờ nó mà chàng và vợ con chàng được no bụng. Cái nghĩa ấy không cao thượng gì cho lắm, nhưng nó có. Còn hơn là trước kia chàng không biết làm gì để sống, tuy bụng lúc nào cũng no. Bây giờ chàng mới hiểu rằng xã hội khốn nạn không phải là xã hội những người làm việc, tuy làm việc một cách khốn khổ.

Đương khi những ý nghĩ ấy lộn xộn trong óc, Trọng vẫn không quên cần rửa lấy hết sức xoay "bù loong". Mồ hôi chảy rùng rùng trên cánh tay chàng. Mồ hôi chảy cả vào mắt làm chàng hoa mắt nhìn không rõ. Chàng thấy hiện ra một cốc nước chanh với một miếng nước đá trong veo, chàng đã uống bên bờ biển Đồ Sơn một buổi chiều mùa hạ năm nào...

*
* *

Trọng cúi đầu vào một góc màn nằm duỗi thẳng chân tay, thiu thiu ngủ.

Hé mắt nhìn qua vải màn, chàng thấy lăm lăm ở các góc nhà tối om những ngọn lửa đèn Hoa Kỳ xanh lè nhỏ bằng hạt thóc. Một vài tiếng ho, tiếng khạc nhỏ, rồi lại đến những tiếng ngáy đều đều, tiếng vo ve của những con muỗi chui qua lỗ màn rách bay vào. Hơi nóng làm mờ những ngôi sao ló trong khung cửa sổ. Không có một làn gió nhẹ; vải màn rủ nặng nề xuống chiếu. Trọng tưởng như nằm trong một cái địa ngục tối, và tưởng thấy thấm vào người hơi nóng của một cái vạc dầu để gần đó. Chàng gục đầu vào cánh tay, nhắm chặt mắt lại và muốn đắm mình trong giấc ngủ như một người đắm mình trong cõi chết.

Nửa đêm Bảo thức giấc ngồi dậy. Nàng vừa phe phẩy quạt, vừa đưa mắt nhìn chồng, rồi chép miệng nói:

- Ngủ gì mà quên cả thay quần áo.

Trọng nằm ngủ cứ để nguyên cả quần áo làm việc: một cái quần tây nát nhàu và một cái áo "sơ mi" rách vá vai, dầu dây be bet.

Bảo dịu dàng ngắm nghía chồng nằm ngủ mê mết; thấy đứa con cựa quậy, nàng chỉ lo sợ chồng tỉnh giấc, mất một giấc ngủ rất cần để lấy lại sức mai làm việc.

Nàng ngồi lại gần chồng, gượng nhẹ nhắc đầu chồng, đặt lên đùi mình. Lần đầu nàng thấy yêu người chồng đã vì nàng làm lụng vất vả suốt ngày, không có một lời than vãn.

Nàng giơ tay phải quạt rất nhẹ, còn tay trái âu yếm vuốt ve những làn tóc ướt đầm mồ hôi của chồng. Nàng thấy thốn thức trong dạ, rồi tự nhiên nước mắt ứa ra chảy ướt đầm hai bên má. Nàng không giữ được nữa, cúi xuống hôn một cái lên trán chồng, và như người mê man, nàng ôm lấy chồng, gục đầu vào vai, không nghĩ gì đến mồ hôi và mùi dầu máy khét ở quần áo chồng xông ra nồng nặc. Trọng thức dậy hơi lấy làm lạ về cử chỉ khác mọi ngày của vợ; chàng hiểu và sung sướng ngầm nghĩ:

- Có lẽ lần đầu tiên mình và vợ mình biết thế nào là tình yêu.

Tuy hiểu vậy nhưng chàng không nói ra, chỉ hỏi:

- Hôm nay em làm sao thế, em Bảo?

Rút từ tập truyện ngắn Tối tăm, Nxb.

Đời nay, Hà Nội, 1936 Chết dờ

CHẾT DỎ

Khương chống hai tay xuống chiếu, lê dần người ra một góc giường, rồi giơ tay mở ngăn kéo bàn. Chàng cúi mặt nhìn vào trong ngăn kéo, nhưng vì buồn tối, không nom rõ, nên chàng cho tay vào lục lọi, năm ngón tay xò ra quờ quạng bốn góc. Tìm một lúc lâu, chàng đẩy ngăn kéo lại, có vẻ thất vọng. Khương nhớ rõ một hôm có vút vào ngăn kéo một điếu thuốc lá hút dở, thế mà nay biến đâu mất. Chàng cau mày lăm bầm:

- Chắc lại thằng nhỏ khốn nạn ấy nó xoáy của mình rồi.

Bỗng Khương chợt thấy một mẩu thuốc lá nằm gọn ở chân cái ghế. Chàng cầm lên, thổi mạnh cho hết bụi, để vào mũi ngửi.

- Thuốc lá Ănglê. Chắc là của thằng cha Hạp lại thăm mình hôm nọ.

Khương nhồm dậy và lấy ngón tay cời thuốc cho tơi. Chàng nhìn dúm thuốc trong lòng bàn tay, vui mừng nói:

- Cũng được một điếu nhỏ.

Móc túi một lúc lâu, Khương lấy ra một tập giấy thuốc lá, ngồi loay hoay quẩn. Chàng làm công việc ấy rất thông thả như có ý kéo dài cái thời kỳ chờ đợi được hút một điếu là rất ngon.

Từ ngày bị liệt hai chân - đến nay đã gần bảy năm - Khương lúc nào cũng quanh quẩn bên giường.

Không làm việc gì cả, nên chàng lấy cái nghiện thuốc lá làm một cái thú độc nhất để khuây khỏa nỗi buồn. Nhà chàng nghèo dần; chàng còn sống được đến bây giờ là nhờ ở người vợ có ít lưng vốn mở một cửa hàng bán gạo tẻ.

Khương đánh diêm châm điếu thuốc lá, nhưng vì thuốc ảm, hút mỗi mồm cũng không được tí khói nào. Giấy ướt nước bọt, rách tung; Khương nhổ mạnh cho những sợi thuốc khỏi bám lấy môi rồi tức mình quẳng điếu thuốc đi.

Khương nằm im một lúc, toan gọi thằng nhỏ, thì có tiếng vợ chàng thét ở ngoài nhà. Chàng định bảo thằng nhỏ xin tiền mua thuốc lá, nhưng thấy vậy, chàng đành nhịn thêm đợt lúc khác. Nửa giờ sau, nghe ngóng biết là ở ngoài cửa hàng không có khách nào, Khương khẽ gọi:

- Nhỏ ơi!

Không thấy thằng nhỏ vào, và biết là nó bận luôn tay, nên Khương cứ thỉnh thoảng lại gọi khẽ một tiếng, may ra lọt vào tai nó chẳng. Sau cùng, thấy thằng nhỏ vào, chàng ngập ngừng dặn:

- Em ra xin mượn tiền mua cho cậu bao thuốc lá.

Lúc thằng nhỏ ra ngoài nàng cất tiếng hỏi, chàng đã đoán trước được những lời của vợ chàng:

- Cậu mày hút gì mà hút lăm thế. Cậu mày hút nửa, thì mày cũng hút vào đấy một nửa. Đánh mãi cũng không chữa được thói ăn cắp của chủ.

Theo sau lời nói, một tiếng cốp mạnh lên đầu thằng nhỏ, nhưng Khương chỉ để ý đến tiếng mở nắp và tiếng xu, hào chạm nhau. Đưa tiền rồi, vợ chàng còn lăm bầm nói một mình:

- Hút vào chỉ tổ ho, chứ có được tích sự gì đâu.

Thằng nhỏ vào buồng, nửa như đặt, nửa như vứt bao thuốc lá trên nắp cái ấm giỏ, rồi bước vội ra ngay. Khương không nhận thấy cử chỉ khinh thị ấy của đầy tớ, chàng chỉ khó chịu về nỗi phải lê mãi mới tới cái giỏ để lấy bao thuốc. Chàng trân trọng mở bao ra, quần một điếu thật to, rồi nằm ngửa hút luôn mấy hơi dài.

Khói thuốc khi bay ngang qua những tia nắng xiên chéo từ khe cửa sổ xuống đất hiện rõ ra những đám mây, rồi một lúc sau lại biến mất vào trong bóng tối gian phòng. Khương đau đớn nghĩ đến cái thời kỳ cường tráng từ năm hai mươi năm đến năm ba mươi tuổi, cái thời kỳ còn chứa chan hy vọng về cuộc đời, lúc nào cũng hoài bão những công cuộc to lớn, bỗng bột chí khí hùng dũng. Học trường Luật được hai năm, Khương bị đuổi, rồi từ đấy, chàng bắt đầu hành động. Vợ chàng, người đàn bà cần cỗi, chua ngoa, ngồi bán gạo ở cửa hàng hồi đó, còn là cô Liên, một thiếu nữ mảnh dẻ dịu dàng, hai con mắt đẹp lúc nào cũng như đương mơ một giấc mơ xuân. Liên lấy chàng chỉ vì phục chàng là người có chí rộng. Nhưng

nay cái chí khí của chàng, cũng như cái sắc đẹp của Liên không khác gì làn khói thuốc lá đã bay qua tia nắng biến vào bóng tối đen.

Từ khi bị chân tê liệt, tuy vẫn nghĩ đến những việc hoài bão cũ nhưng Khương dần dần thấy không tha thiết nữa, cho những việc ấy là không cần. Chàng thờ ơ với mọi việc, thờ ơ với cả vợ chàng là người chàng tưởng yêu đến khi nhắm mắt. Vợ chàng cũng không yêu chàng nữa, và sau bảy năm vất vả, khổ sở, nàng chỉ coi chồng như một cái bao nặng trên vai, muốn vứt đi nhưng không nỡ.

Khương chỉ mong vợ bỏ hẳn mình, vì có thế, chàng mới có can đảm định liệu lại đời chàng. Còn có người nuôi cơm ăn, thì chàng còn như thế này mãi, vì chàng đã hết cả nghị lực, không thể tự mình vùng dậy được.

Khương quán luôn điều thuốc lá thứ hai hút tiếp; trong phòng khói um như có sương mờ. Chàng thấy rúc đầu và rạo rục trong người. Tiếng vợ chàng the thé mắng đầy tớ ở ngoài nhà khiến chàng bịt tai lại. Tuy vậy, chàng cũng vẫn nghe rõ và lần này khác hẳn mọi lần, chàng lại để ý nghe.

- Vừa mới thấy bóng ở đây đã chạy rúc vào buồng ngủ. Ngủ gì mà ngủ lảm thế. Tao nuôi mày để mày ườn thây ra ngủ và ăn hại tao à?

Vợ chàng hứ lên một tiếng dài rồi tiếp theo:

- Sao mà cái số tôi số khổ sở thế này. Những tội, những nợ nặng chình chịch cả người.

Khương xoay mình úp tai xuống gối nằm yên như người không muốn nghĩ ngợi gì cả. Nhưng trí chàng vẫn cứ quanh quẩn nghĩ về mấy tiếng mắng:

- Mình bịt tai thì mình chỉ không nghe thấy. Nhưng những tiếng ấy vẫn có.

Chàng vùng ngồi dậy, máu rục lên làm chàng nóng bừng mặt.

Chàng cất tiếng gọi:

- Nhỏ!

Liên chạy ngay vào, vì thấy tiếng chồng gọi to khác thường, đoán là có việc gì nguy kịch:

- Gì thế, cậu?

- Mợ ngồi xuống đây, tôi nói câu chuyện.

Liên nhìn quanh quẩn biết là không xảy ra việc gì, liền gất:

- Cậu làm gì mà rồi lên thế?

- Mợ ngồi xuống đây đã nào?

- Cậu muốn nói gì thì cứ nói ngay đi. Tôi đang giở bạn...

Khương nói như quát:

- Thì tôi bảo mợ ngồi xuống!

Liên cũng quát lại:

- Cậu muốn mắng tôi đấy, có phải không? ồ lạ chưa?

Khương hạ giọng xuống:

- Tôi tưởng khi mợ mắng đầy tớ, thì mợ cũng nên nghĩ đến tôi mà liệu giữ gìn lời nói. Mợ cũng phải có ý tứ một chút chứ?

- Bây giờ cậu lại cấm đoán không cho tôi mắng đầy tớ nữa sao. Tôi giận thì tôi nói cho sướng mồm, tôi không rồi hơi đâu mà nghĩ đến ai cả... Khổ tôi chưa, muốn yên thân mà người ta không cho tôi yên thân. Thế này thì chết đi cho rảnh.

Khương đợi cho vợ im hẳn rồi cố lấy giọng ôn tồn nói:

- Mợ khổ thì tôi cũng không sung sướng gì. Nhưng mợ nên nghĩ lại ngày trước mà thương tôi. Sao vợ chồng mình...

Khương muốn nhắc lại cái thời kỳ hai người yêu nhau ngày xưa, nhưng nhìn vợ thấy nét mặt lạnh lùng, hai con mắt khô khan, chàng biết rằng không bao giờ, không bao giờ nữa, còn mong sống lại được những ngày hạnh phúc đã qua.

Liên không hiểu chồng định nói gì, trước khi quay ra, nàng cười gằn, nói:

- Làm người ta mất cả thì giờ! Chẳng được tích sự gì, chỉ được cái nhắng hão.

Hai tiếng "nhắng hão" khiến Khương uất người lên, vì nhắc Khương nghĩ đến cái tính hăng hái của chàng nay đã nhạt. Chàng muốn ngoài chàng ra không ai được nhận thấy sự trụy lạc của tâm hồn mình. Chàng nghiêng răng, nắm tay giơ lên trước mặt vợ:

- Mợ phải biết, nếu tôi không tàn tật...

Nhưng dáng dấp hùng hổ của Khương chỉ làm cho Liên cười nhạt:

- Cậu không phải dọa. Cậu dọa nhiều lần rồi. Cậu tưởng tôi sợ cậu lắm hay sao...

Nàng đi ra lắm bả:

- Anh hùng rơm!

Khương nắm cái nắp ấm toan ném theo vợ. Nhưng chàng lại hạ tay xuống. Chàng tự bảo:

- Có hơn được gì đâu. Nó cũng đã khổ chán vì mình. Giờ nó thành ra khốn nạn như vậy, đâu phải lỗi tại nó.

Khương chán nản, nằm vật xuống giường. Chàng cố nhắc hai chân lên, nhưng không thể được.

- Mình cũng như thằng chết rồi!

Mắt chàng bỗng để ý đến con dao díp, lưỡi thuôn thuôn nhọn vì đã bị mài nhiều lần. Con dao đó chàng mua từ ngày còn khỏe mạnh, và đã nhiều lần dùng để hộ thân, vì độ ấy chàng có bao nhiêu người thù, người sợ chàng! Nhìn cái mũi dao nhọn hoắt, chàng lại nhớ những hôm hội họp với các bạn ở nhà ả đào dùng mũi dao để mở những hộp thuốc phiện mới mua về. Chàng còn như trông thấy rõ trước mắt bàn tay của cô đào yếu điệu tìm chỗ chích, rồi mũi dao cắm xuống, làm phọt lên một ít thuốc phiện đỏ sẫm như máu đào. Khương bất giác với con dao díp, lấy ngón tay trở vờn lưỡi để thử xem sắc, nhut. Chàng nắm chặt cán dao trong lòng bàn tay, đưa lên gần cổ. Chỉ một cái chích nhẹ vào gáy, một ít máu phọt ra, thế là hết. Văng vẳng bên tai chàng mấy tiếng:

- Anh hùng rơm! Anh hùng rơm!

Chàng sẽ yên lặng không kêu một tiếng nào để tỏ cho vợ biết rằng mình cũng có can đảm, cái can đảm cuối cùng, biết chết một cách lặng lẽ.

Bỗng chàng sợ hãi, hai con mắt mở to chăm chú nhìn bàn tay nắm con dao. Cánh tay tự nhiên ngã dần dần xuống chiếu và

bàn tay mở ra; con dao lăn trên mấy ngón tay rồi rơi khẽ xuống nền đất. Khương lăm bắm bằng tiếng Pháp:

- Không! Ta không thể được.

Cánh cửa sổ hé mở bị một cơn gió đóng sập lại. Trong buồng tối om. Khương thấy lạnh cả người; những câu nhieéc của vợ, sự nhát gan lúc định quyết sinh đã làm cho chàng trông thấy rõ cái chết của tâm hồn chàng. Chàng cảm thấy cái chết ấy ghê sợ bằng mấy mươi cái chết thật, vì nó bắt chàng phải sống mãi, sống để mà biết.

Khương duỗi hai tay, nhìn lên mái nhà. Một tia nắng lọt qua khe lá làm chàng nghĩ đến cảnh vui sống của cuộc đời bên ngoài. Chàng tưởng tượng các ngọn cây đương phấp phới ánh sáng, ngả nghiêng đùa với gió và những đám mây trắng đương nhẹ nhàng trôi trên trời xanh cao...

Mấy cô con gái vừa đi ngang qua vừa nói chuyện. Khương tưởng tượng họ đẹp lắm, người nào cũng khỏe mạnh, má rúm hồng vì nắng, và mắt trong sáng vì phản chiếu ánh trong trẻo của trời thu.

Một tiếng cười giòn sau một câu nói đùa, Khương nghe như là ở trên cõi sống đưa xuống, mà cái buồng tối này chàng tưởng như là một cái áo quan lớn để chôn sống chàng.

*Rút từ tập truyện ngắn Tối tăm,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1936*

THẾ RỒI MỘT BUỔI CHIỀU

I

Dũng bước trên con đường làng. Ban trưa, đường vắng, tiếng gió thổi kéo kẹt trong những rặng tre già lẫn với một vài tiếng gà gáy xa xa đưa lại và tiếng trong trẻo của mấy đứa trẻ nô đùa dưới ánh nắng ấm áp. Dũng cứ cắm đầu bước, tuy chàng vẫn biết rằng lần này khó lòng thoát được; từ nửa đêm đến giờ, chàng đã chôn chân, đi hết làng này sang làng khác, nhưng không có một nơi nào để chàng tạm ẩn.

Bên đường, cạnh vài gốc thông già, mấy người con gái xúm quanh một cái giếng khơi đương kéo gầu lấy nước. Dũng khát ráo cổ, nhưng vẫn không dám dừng lại xin nước uống, sợ người ta nhận biết mặt mình. Chàng cắm đầu đi, văng vẳng nghe sau lưng tiếng gió reo trong rặng thông, tiếng cười nói của mấy cô con gái và tiếng nước chảy từ gầu xuống giếng sâu.

Đi gần hết làng, Dũng trông xa ra: ở giữa tận chân trời, thấp thoáng có mấy nóc nhà gạch. Chàng biết đó là dãy phố huyện V.D., chàng biết rằng chàng đã cùng đường, tiến không được nữa, lùi tất gặp người đuổi mình. Chàng rẽ liều vào một cái ngõ con, đi hết một quãng, gặp một cái cổng chùa, nửa khép nửa mở. Dũng chếp miệng:

- Cứ liều.

Liều, vì chàng biết rằng vào đây chỉ là đợi người ta đến bắt. Dẫu sao, khi đã khép cổng lại rồi, Dũng thở dài, người như nhẹ hẳn. Một dãy hồng nở hoa, thoang thoang đưa hương thơm. Dũng đi qua

một cái vườn rộng, vừa vào đến gần chùa, thì một vị sư bà chạy ra nói:

- Ấy chết mời thầy ra ngay cho, chùa này là chùa sư nữ ở.

Dũng ngần ngừ nhìn sư bà, rồi trả lời ngớ ngẩn:

- Nhưng tôi đã trót vào rồi thì để tôi vãn cảnh chùa đã.

Rồi Dũng nhìn ngang ngửa như một nhà khảo cổ, ngắm nghĩa vẻ đẹp của nếp chùa. Thật ra chàng đương loay hoay tìm cách ẩn thân, ngắm nghĩa mãi rồi sư bà cũng đến mời ra thôi.

Mười lăm phút sau, khi đã xem khắp các nơi để tìm chỗ trốn, Dũng đứng vờ đọc những chữ mà chàng không hiểu trên một tấm bia cổ. Bỗng có tiếng người đẩy cổng chùa. Chàng giật mình, lắng tai nghe, nhưng lại yên tâm ngay vì thấy có tiếng cài then cửa lại. Chắc là có người nào ở trong chùa vừa đi đâu về. Dũng thấy động sau lưng, quay lại: đôi mắt hoa đương đắm đắm nhìn chàng, đôi mắt ngạc nhiên của một cô sư trẻ tuổi.

Dũng như không để ý đến người sư nữ, lại vờ nhìn bia.

Một lát sau, sư bà lên cùng với sư cô trẻ tuổi, vừa cất tiếng mời Dũng ra, thì ngoài cổng có tiếng đập mạnh. Ba người cùng lặng yên, lắng tai. Dũng tiến đến gần sư bà, van lơn:

- Bạch sư bà, tôi sống chết bây giờ là ở tay sư bà, xin sư bà thương mà cứu tôi. Họ sắp vào bắt tôi, tôi... một người...

Tiếng sau cùng chàng nói thật khẽ, nhưng hai nhà sư cùng nghe rõ, và thấu ngay tình cảnh nguy cấp của người khách lạ thăm chùa.

Sư bà đưa mắt nhìn sư cô, còn sư cô vẫn đắm đắm nhìn Dũng không chớp. Tiếng gõ cổng ngoài một lúc một mạnh.

Dũng nói:

- Sư bà cho phép tôi đi trốn... Nhưng ẩn đâu. ẩn đâu bây giờ?

Trong lúc sư bà còn đương lưỡng lự chưa biết xử trí ra sao, thì sư cô điềm nhiên, nói một cách bình tĩnh như không:

- Được, ông vào buồng tôi mà ẩn.

Rồi cô lấy tay chỉ về phía nhà trái, bảo Dũng:

- Ông xuống ngay đi!

Tuy đương lo sợ, hốt hoảng mà Dũng cũng phải lấy làm ngạc nhiên về cử chỉ của cô sư. Chàng thoáng thấy một vẻ đẹp oanh liệt, lạ lùng hiện trên nét mặt dịu dàng của người sư nữ đã điềm tĩnh tìm cách cứu chàng, che chở chàng như một người chị.

Trong lúc Dũng ở trong buồng tối, nép mình sau mấy bức hoành phi và câu đối, thì sư cô lên tiếng hỏi người gõ cổng:

Một lát sau, Dũng thấy có tiếng người đàn ông nói:

- Lạ thật! Có người bảo đi vào ngõ này mà tìm đâu cũng không thấy.

Và tiếng người sư nữ đáp lại:

- Chùa này lúc nào cũng đóng cửa, ai vào được đây.
- Họ trèo tường vào.
- Các ông thử đi xem.

Tiếng sư cô trả lời bình tĩnh như không, im một lát, rồi Dũng thấy tiếng chân đi về phía cổng và tiếng cài then. Chàng vững tâm lại gần cửa nhìn qua khe ra ngoài, thấy hai sư đang đứng ở sân bàn chuyện.

Sư bà nói với sư cô:

- A Di Đà Phật! Bây giờ làm thế nào?
- Bạch sư bà con nghĩ nên để cho người ta ẩn đến chiều.
- Thế ngộ làng nước...
- Bạch sư bà... ai biết được.

Thoát nạn, Dũng bước ra, đến gần hai nhà sư ân cần tạ ơn và xin đi ngay để khỏi phiền lòng hai nhà sư.

- Không sao, ông cứ lánh ở nhà chùa, đợi đến xâm xẩm tối hãy đi. Bây giờ ra ngay thế nào được. Họ biết thì lôi thôi đến cả nhà chùa nữa.

Sư bà gật đầu cho là phải và khi thấy Dũng có vẻ mệt, liền ân cần hỏi:

- Thầy chắc đói lắm.

Rồi quay lại bảo sư cô:

- Sư cô lên lấy ít oản chuối xuống đây để thầy ăn cho đỡ đói.

Sư cô lên chùa rồi đem xuống một đĩa đầy oản chuối, đặt trên bàn, mời:

- Có ít lộc Phật, ông vào xơi nước.

Bây giờ Dũng mới để ý đến giọng thanh tao của vị sư nữ, đến đôi bàn tay xinh xắn, trắng trẻo đương nhẹ nhàng xếp lại mấy phẩm oản, và đôi bàn chân nhỏ nhắn trong dép da mộc mạc.

Chàng đói bụng, nên ăn có dáng ngon lành. Rồi trong khi uống nước, chàng nói chuyện với hai nhà sư về cuộc đi trốn của chàng trước khi đến chùa; thấy hai nhà sư ân cần hỏi han, chàng đem đời mình ra kể qua loa bằng một giọng thành thực và tự nhiên. Chàng sẵn có tài nói, nên dễ cảm động người nghe. Sư bà chốc chốc lại điểm hai tiếng: tội nghiệp. Dần dần, Dũng biết rằng ông cụ thân sinh ra sư bà trước kia cũng đã gặp cảnh ngộ giống như cảnh ngộ của chàng. Bây giờ chàng mới hiểu vì cớ sao sư bà không sợ gì tội lỗi, hiềm nghi, để cho chàng ẩn vào buồng sư cô. Còn sư cô từ nãy đến giờ vẫn ngồi yên, không nói nửa lời, mắt nhìn ra sân vẻ mặt lạnh lùng, bí mật, có dáng nghĩ ngợi.

II

Trời đã xâm xẩm tối. Gió lạnh nổi lên vù vù lọt qua khe đại. Lấm tấm có vài hạt mưa. Dũng biết là đã đến lúc từ biệt hai nhà sư: tuy ra ngoài chưa chắc thoát khỏi những nơi canh phòng, nhưng Dũng biết rằng không thể nào đêm hôm ở lại trong chùa, chỉ có một mình mình với hai sư nữ. Sư bà chắc cũng nghĩ vậy, nên khi Dũng tạ ơn xin đi, không giữ lại, thương hại bảo Dũng:

- Thầy cầm vài phẩm oản để đêm có đói thì ăn.

Sư cô vội can:

- Bạch sư bà,... ông ấy chả dám nhận. Của nhà chùa không nên để ông ấy mang theo mình. Thôi, để con đưa ông ấy ra cổng.

Trời đã tối, lúc ra không dám đem đèn mà Dũng lại không quen đường, nên phải lần từng bước, theo bóng sư cô.

Khi thoang thoang ngửi có hương hoa hồng, chàng mới biết là đã ra gần đến cổng chùa. Gió lạnh thổi mạnh hơn, mưa đã bắt

đầu rơi nặng hạt. Dũng rung mình: nửa vì lạnh, nửa vì nghĩ đến những sự nguy hiểm đợi chàng trên những con đường làng chàng không thuộc lối, đêm hôm canh phòng nghiêm ngặt. Hai người cùng đứng dừng lại dưới mái cổng. Sư cô hình như trù trù chưa muốn mở then cửa, quay lại phía Dũng. Trong bóng tối mờ mờ, Dũng đoán thấy hai con mắt nhà sư đương nhìn chàng. Một lát sau, sư cô nói rất khẽ:

- Này ông...

- Sư cô dạy?

- Tôi ngại cho ông lắm. Đêm hôm...

- Sư cô không ngại, tôi đi được, tôi đã quen đi đêm, đã quen lạnh rồi.

- Thưa ông, tôi không ngại gì đêm lạnh nhưng tôi sợ...

Sư cô ngừng một lúc rồi nói tiếp: - Tôi sợ... ông không thoát được.

Dũng chép miệng:

- Đành liệu vậy? Thôi, xin chào sư cô ở lại. Thật không biết lấy gì tạ ơn sư cô. Suốt đời tôi, còn sống được ngày nào, tôi không dám quên...

Sư cô chừng như cũng hiểu thấu sự cảm động của Dũng:

- Ông tạ ơn giới, Phật. Còn đi... thì bây giờ ông chưa đi được. Vâng, ông không thể nào đi được. Ông nghe tôi... Tôi chắc thế nào ra, họ cũng bắt được ông...

Dũng cứ yên lặng để sư cô nói, chàng cũng chưa hiểu sư cô định ý ra sao.

- Ông...

- Dạ.

- Ông đi theo tôi.

Ngoan ngoãn như đứa trẻ dễ bảo, Dũng lẳng lặng theo sư cô.

Hai người qua một cái vườn rộng, đi vòng ra sau chùa. Dũng chỉ thấy cái bóng trắng lơ mờ của bức tường và nghe tiếng sột soạt của lá khô dưới gót chân hai người. Sư cô đứng dừng lại sẽ bảo Dũng:

- Ông cẩn thận, có mấy bậc gạch.

Rồi hai người trèo lên mười bậc thang gạch vào một cái buồng nhỏ: Dững đoán là một cái gác chuông hay gác khánh bỏ hoang. Sư cô bảo Dững:

- Ông đứng yên ở đây để tôi về qua chùa, kéo sư bà thấy tôi đi lâu người quở.

- Thưa cô... thưa sư cô, sư cô cho biết...

- Ông cứ ở đây, ông hãy tạm lánh ở đây một vài hôm. Ông chờ để sư bà tôi biết. Rồi chúng ta sẽ liệu...

Dững ở lại một mình trong gác tối, còn lấy làm ngạc nhiên về cử chỉ lạ lùng của cô sư. Trên ngọn mấy cây thông gần đấy, gió vẫn thổi rì rào, Dững giơ tay ra ngoài cửa sổ hoa thì thấy mưa chưa tạnh. Chàng định tâm lại mới biết mình đi ngay đêm nay là đại đột không biết ngần nào.

Đương suy nghĩ bối rối, Dững thấy có bóng lửa lập loè dưới chân thang. Sư cô bước lên, tay cầm một cây đèn con, đặt ở bậc gỗ rồi lại xuống ngay. Một lát sau lại lên, lễ mễ cắp một bó chiếu nặng.

Dững vội vàng chạy ra đỡ giúp:

- Sư cô tử tế quá.

Sư cô nhìn bó chiếu:

- Đêm nay mưa lạnh lắm. Thế này chưa chắc đã đủ ấm. Nhưng mà ở chùa chỉ có chiếu thôi.

- Thưa sư cô, xin đủ lắm rồi. Cảm ơn sư cô...

Dững cảm động. Dưới ánh đèn, nét mặt sư cô nhiễm một vẻ đẹp thần tiên: hai con mắt từ bi dịu dàng nhìn Dững thương hại, như an ủi chàng.

- Ông có khát không?

Sư cô bước xuống thang còn quay lại đưa cho Dững một bao diêm:

- Thôi, ông đi nghỉ ngay kéo mệt.

- Ông nên tắt đèn đi, nhớ có người trông thấy.

Dững cầm đèn chiếu xuống cầu thang. Sư cô vội can:

- Thôi, ông nên tắt đèn ngay đi thì hơn. Tối tôi đi cũng được.

III

Sáng hôm sau, khi Dũng thức dậy, ánh nắng đã xiên qua cửa sổ, chiếu vào sân, ngoài gác khánh, tiếng chim buổi sáng ca hót hòa với tiếng lá thông rì rào. Dũng ngồi vào chỗ có ánh nắng để sưởi, vì trong người thấy lạnh buốt.

Qua cửa sổ, chàng trông ra một cái vườn rậm rạp trông toàn ổi và chuối. Dũng toan đứng dậy xuống gác xem xét, bỗng có tiếng chân người bước lên bậc thang. Sư cô tay cầm tích nước và cái chén bước lên, thấy Dũng có vẻ mặt sợ hãi thì mỉm cười nói:

- Ông tha lỗi, tôi làm ông sợ. Nhưng ông cứ yên tâm, sư bà tôi không ra vườn sau này bao giờ. Mời ông xơi chén nước chè nóng. Đêm qua ông nghỉ yên?

Dũng thấy sư cô hỏi han ân cần, có vẻ thân mật hơn hôm trước, nên cũng mỉm cười, đáp lại:

- Đa tạ sư cô, tôi vừa mới dậy được một lát thì sư cô lên. Tôi chưa kịp định liệu việc gì.

- Ông chớ vội vàng, ông cứ tĩnh dưỡng cho khỏe, vì rồi ông còn phải đi nhiều. Để tôi ra ngoài xem tình hình thế nào đã.

Khi nhà sư đi rồi, Dũng ngồi yên một chỗ, chờ đợi tin tức. Đợi lâu, chàng đoán lúc đó vào quãng mười giờ cũng chưa thấy sư cô về. Bụng chàng đã thấy đói, mà ở nhà chùa phải đúng giờ Ngọ mới được ăn cơm. Chàng cũng không hiểu sư cô dọn cơm cho chàng ăn ra làm sao, bằng cách nào. Rồi chàng mỉm cười một mình, lẩm bẩm:

- Chắc là cơm nắm, muối vừng. Ăn cơm nắm và ngồi bó gối trong cái gác nhỏ hẹp này! Có trốn đi để khỏi ở tù thì mình cũng không khác gì ngồi tù.

Rồi mệt quá, chàng dựa lưng vào tường, ngủ thiếp đi. Có tiếng đập vào vai. Dũng thức giấc lơ mơ tưởng thấy một người tiên nữ đương cúi nhìn mình. Chàng mơ màng giơ hai tay lên mỉm cười... bỗng có tiếng:

- Tôi đây mà, mời ông dậy dùng cơm.

Dũng giật mình tỉnh hẳn, hơi thẹn, nói chữa:

- Tôi ngủ mê quá... xin sư cô tha lỗi cho.

Nhà sư hai má đỏ ửng, không trả lời, đặt xuống sàn một cái khay trong có một liễn cơm, một cái bát và một đĩa vùng rang.

Hai người cùng đứng yên một lúc. Dũng nhìn xuống khay cơm, nói pha trò để che sự ngượng nghịu của hai người:

- Khổ, tôi chẳng khác gì đứa trẻ ốm liệt giường, liệt chiếu.

Rồi chàng nghiêm nét mặt hỏi:

- Thưa sư cô, tin tức ở ngoài ra sao, xin sư cô cho biết.

- Ông chưa thể đi được, mà có lẽ còn lâu ông mới có thể đi được.

Rồi sư cô kể cho Dũng nghe rành mạch vì có gì. Dũng lo lắng:

- Làm thế nào bây giờ?

- Làm thế nào? Thì ông hãy cứ lánh thân đã. Ông hay nóng ruột vô ích. Ông có việc gì vội không?

- Tôi thì lúc nào cũng có việc vội. Nhưng bây giờ chỉ có một việc cần nhất: đi trốn.

- Ở đây không là trốn sao?

Dũng cũng vẫn đã nghĩ như vậy rồi, nhưng chàng cho là ở đây không phải nơi trốn. Ngập ngừng, chàng trả lời:

- Thưa sư cô... nhưng...

Không thấy Dũng nói hết câu, sư cô hỏi:

- Ông bảo sao?

- Thưa cô... sư cô tha lỗi cho, tôi mang ơn sư cô, nhưng đời tôi, tôi có kể làm gì, tôi rất ngại cho sư cô. Tôi biết rằng tôi ở đây được yên thân không sợ gì, nhưng tôi vẫn ngại. Sư cô là người tu hành, tôi là một người... một người trần tục...

Chàng không dám nói hết câu. Sư cô ôn tồn đáp lại:

- Tôi cũng đã nghĩ đến điều đó, nhưng đã là kẻ tu hành, thì cốt có lòng thương người, xin ông đừng quan tâm gì cả. Việc này chỉ

có trời, Phật và ông với tôi biết mà thôi, can gì ông phải nghĩ ngợi. Vậy xin ông cứ an tâm và xin ông dùng tạm bữa cơm chay.

Hai người nhìn nhau; sư cô vội vàng quay mặt đi, và lật đặt bước xuống thang về chùa.

IV

Đã ba hôm rỗng rã, Dũng ở luôn trong gác khánh, chưa đi được mà cũng không dám bước xuống vườn. Hết đứng lại ngồi, và mỗi ngày mấy lần sư cô vào thăm chàng đưa cơm nước.

Vẫn biết rằng ngồi một mình buồn bã, ắt là mong có người vào thăm, nhất là khi nào người đến thăm đó lại là một người sư nữ vừa dịu dàng, xinh đẹp, lại vừa lạnh lẽo, vui tính. Đó là một sự thường lắm. Nhưng dần dần Dũng thấy sự mong mỏi của mình vượt ra ngoài sự thường đó; chàng tha thiết được gặp mặt sư cô như người khát mong được uống nước suối trong. Mỗi lần sư cô bước lên thang gác, chàng ngồi đếm từng bước chân, và khi trông thấy mặt sư cô, Dũng cảm thấy trong lòng êm ả, quên hẳn cái thân trốn tránh, tưởng tượng như người đương đi nắng thấy thoang thoảng có hương sen theo ngọn gió mát ở đâu đưa lại.

Khi Dũng nhìn sư cô và thấy vẻ mặt sư cô nhìn lại mình, Dũng biết rằng sư cô cũng có một cảm tưởng như chàng. Dần dần hai người trông thấy nhau có vẻ thẹn thùng, ngượng ngịu như kẻ lẩn lút làm một việc gì không chính đáng. Có lần Dũng buột miệng, nói:

- Nhớ sư bà biết!

Dũng lấy làm lạ sao mình chỉ nghĩ đến việc sợ sư bà biết mà không nghĩ đến việc trốn. Dũng lại lấy làm lạ rằng mỗi lần chàng ngỏ ý với sư cô muốn đi khỏi chùa thì sư cô tìm được những chứng cứ chắc chắn, rõ rệt để khuyên chàng không nên đi vội. Mà lần nào chàng nghe sư cô nói cũng thuận tai, cho là phải. Chàng chép miệng như người thất vọng:

- Biết bao giờ mới được đi!

Nhưng nói xong Dũng lại ngượng với mình, vì chàng thấy sư cô nhìn chàng như đã hiểu rằng chàng vừa nói một câu không đúng với ý nghĩ.

Thế rồi một buổi chiều...

Một buổi chiều yên tĩnh. Sư cô một mình thơ thẩn dạo giờ thỉnh chuông. Gió bắc nhẹ nhàng thổi như đem theo với cái lạnh lẽo của buổi chiều đông những nỗi buồn xa xôi, không duyên cớ. Tiếng rì rào của mấy cây thông già lọt vào chùa nghe phiêu diêu như tiếng than vãn của không trung.

Sư cô thấy tâm hồn mình lạnh lẽo với gió hiu hiu, rung động với lá thông reo rì rào. Hương thơm từ trên Phật tòa theo gió đưa xuống phảng phất, bao bọc lấy người sư cô, chiều hôm ấy, đem lại cho sư cô những cảm giác mới lạ, gợi trí sư cô nghĩ tới những nỗi ái ân, yêu thương của quãng đời mà sư cô tưởng đã xóa mờ trong trí nhớ. Nàng quên cả những nỗi đau đớn về sự thất vọng nó đã bắt nàng, giục nàng lánh đời ba năm nay, mà chỉ nhớ tới những ngày đầm ấm của tuổi xuân như còn để trong tâm hồn, trong da thịt nàng cái dư vị không bao giờ phai của những sự yêu thương cũ.

Sư cô vùng người thở dài một cái như để xua đuổi những ý nghĩ nó đến ám ảnh, rồi vội vàng lên gác thỉnh chuông.

Tuy miệng đọc chú, tay đánh chuông nhưng trí nghĩ của sư cô chập chờn theo tiếng chuông ngân nga, lẫn xa ra mãi...

Thỉnh chuông xong, sư cô lặng yên một lát rồi uể oải bước xuống thang gác. Nàng lững thững lần theo dãy hành lang qua cửa vườn sau, không để ý đến những hạt mưa rơi lấm tấm, rồi như người không ý nghĩ đi lần về phía gác khánh bỏ hoang. Thấy trên gác có ánh sáng, nàng bước lên hỏi:

- Ông còn thức sao?

Dũng vui vẻ hỏi lại:

- Sư cô phải không? Vâng tôi còn thức đây, có việc gì thế, sư cô?

- Không.

Rồi hai người yên lặng. Một lát có tiếng sư cô:

- Người ta mới biếu nhà chùa bao chè ngon, để mời ông xơi nước.

Dũng giờ đèn soi đường cho sư cô:

- Vâng, tôi đang khát, xin mời sư cô lên.

Dưới ánh đèn, Dũng thấy hai con mắt sư cô long lanh sáng như hai ngôi sao. Sư cô mỉm cười, nói một cách thân mật:

- Nhưng ông hãy thông thả, để tôi về đun nước đã.

- Vậy tôi xin đợi. Sư bà bây giờ...

Sư cô vội đáp:

- Sư bà hôm nay mệt, đã đi nghỉ...

Hai người đều có một cảm tưởng như nhau: lẫn lút hẹn hò một cuộc gặp gỡ.

Nửa giờ sau, sư cô đem khay chè và siêu nước lên.

Trong căn gác nhỏ ấm áp, dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn con, hai người ngồi đối diện bên mấy chén trà nóng, hơi lên nghi ngút. Bên ngoài bắt đầu mưa to. Dũng cất tiếng nói trước:

- Đã mười hôm nay mới được uống chén nước ngon! Lúc này thật quên những nỗi khó nhọc, vất vả vừa qua.

Chàng khoan khoái không muốn nghĩ đến những sự nguy hiểm đương đợi chàng ngoài kia, giam mình chốc lát trong một cảnh đời như thực như hư.

Dũng thấy sư cô ngồi yên lặng, nhìn chàng đắm đắm như nghĩ ngợi điều gì, chàng hơi ngượng phải cúi mặt xuống. Một lát Dũng thờ thẩn hỏi:

- Sư cô vì sao lại đi tu?

Câu hỏi tình cờ, đột ngột, thốt nhiên nói ra làm cho sư cô luống cuống, ngừng nhìn Dũng:

- Tôi cũng không biết.

- Sư cô không biết... nhưng tôi, tôi trông người sư cô tôi biết không phải vô cớ, không phải tự nhiên mà sư cô đi tu.

Dũng thấy đôi mắt sư cô luôn luôn chớp như cảm động, chàng nói tiếp:

- Chắc là sư cô có một nỗi khổ ngấm ngấm, một điều gì thất vọng.

Câu nói của Dũng nhắc sư cô nhớ lại những ngày đau đớn của quãng đời tọc lụy ba năm về trước đây, hồi còn là một thiếu nữ mười chín, hai mươi tuổi. Một sự thất vọng về tình ái đã làm cho sư

cô chán nản đến tuyệt vọng, đành đem thân nương cửa Phật để quên... Nhưng nào có quên được. Ba năm ròng rã, tiếng chuông chiều với mùi nhang thơm chỉ như gọi cho nàng nghĩ đến sự lạnh lẽo của một đời cô độc, khô khan, gọi cho nàng mơ ước những sự yêu thương vợ vắn, những tình ái băng khuâng.

Quên đời, nàng vẫn biết là không sao quên được, nàng càng muốn lánh xa sự đau khổ thì sự đau khổ lại càng như ác nghiệt đuổi theo. Trong lúc tâm hồn như vậy, thì sự tình cờ đã run rủi cho nàng gặp Dũng, một thiếu niên có chí khí mà ngay lúc buổi đầu khi tìm cách che chở, nàng đã đem lòng ái mộ. Xúi giục Dũng ở lại chùa, tìm cách giúp đỡ cho Dũng trốn tránh, đó không phải là lòng thương mà chính vì lòng yêu, yêu người mình đã cứu giúp. Nàng lấy làm sung sướng đã mười hôm nay, lần này là lần đầu, Dũng hỏi đến chuyện đời riêng của nàng. Nàng cảm động, thở dài sẽ nói:

- Đó là chuyện cũ, chuyện ngày xưa. Tôi không muốn nhớ tới nữa, không muốn nhắc đến nữa, tôi ao ước được quên hẳn...

- Thế nghĩa là bây giờ sư cô chưa quên...

Tiếng rì rào trong rừng cây thông như âm thầm hòa nhịp với tiếng thở dài của hai người. Dũng nói tiếp:

- Tôi thì tôi cho là khó lòng quên được, đi tu không phải là dễ quên, nhất là để quên những thất vọng về đường tình ái. Tôi nghiệm như tôi, bận bịu nhiều việc, lòng tôi như đã khô héo, không bao giờ nghĩ đến những sự yêu, sự thương, thế mà mới đến chùa này ít lâu, những khi ngồi một mình, nghe tiếng chuông, tiếng mõ... tôi thấy...

Nói đến đây, chàng đưa mắt nhìn sư cô:

- Xin sư cô tha lỗi cho.. tôi thấy... tôi thành ra khát khao yêu đương, tôi thấy tôi dễ yêu vợ vắn. Nếu sư cô muốn lánh xa tình ái mà vào đây thì thực là nhầm. Sư cô tưởng tìm được con đường đi tới sự quên, con đường ấy chỉ đưa người ta đến sự nhớ mà thôi.

Dũng bỗng ngừng bật, chàng nghiệm ra rằng chàng vừa nói nhiều quá, nói những câu mà có lẽ sư cô không sao hiểu được. Chàng có biết đâu sư cô đang dăm dăm ngồi nghe như người khát được uống nước. Những câu của Dũng nói ra, sư cô cho là rất phải, rất hợp với tâm hồn sư cô. Nàng thật đã cảm thấy như vậy, nhưng cảm thấy một cách lờ mờ, nay lấy làm lạ rằng Dũng đã tìm được lời

để diễn những ý nghĩ ngấm ngấm của mình đúng được đến thế. Nàng nói:

- Ông nói rất phải. Trước, tôi cũng tưởng rằng tôi sẽ quên đi.

Nàng chép miệng:

- Tuy vậy cũng còn hay, vì khi người ta gặp sự đau khổ quá thì chỉ có hai cách: một là quyên sinh, hai là nương thân cửa Phật, hai cách khác nhau nhưng chỉ là một. Cửa Phật tuy không an ủi hẳn được tôi, nhưng đã giúp tôi không đến nỗi quá liều mà đến hủy thân mình đi. Tôi nghĩ không còn cách nào nữa.

Dũng đáp:

- Sư cô tưởng vậy... nhưng hình như cũng còn nhiều cách khác để mình quên được. Tôi thiết nghĩ không những chỉ có hai cách như sư cô tưởng, sư cô nghĩ xem.

Dũng biết chàng định nói gì rồi, nhưng chưa vội nói ra. Sư cô thì trong lòng sung sướng, không muốn nghĩ ngợi gì, ngồi lặng yên chờ đợi. Nàng tưởng rằng lời Dũng nói ra sẽ là lời mà nàng khao khát muốn nghe. Nàng gọi trước:

- Người ta ở đời không gì khổ bằng muốn quên mà không sao quên được, không có gì có thể giúp cho mình quên...

Dũng đáp lại:

- Thưa sư cô, sư cô muốn quên... như ý tôi nghĩ...

Lúc đó, Dũng thấy sư cô nhìn mình một cách nồng nàn, chàng ngập ngừng nói tiếp:

- Sư cô là người tu hành. Tôi nói ra sợ làm ngăn trở sự tu hành của sư cô. Nhưng tôi cần nói rõ để tùy ý sư cô suy nghĩ. Theo ý tôi tưởng, người ta muốn quên.. không gì hơn là quên mình trong sự hành động. Vâng, chỉ có sự hành động làm cho người ta quên hẳn những nỗi khổ riêng. Cái đời yên tĩnh ở chùa không sao giúp mình quên được, muốn quên phải dấn thân vào một cuộc đời náo động...

Rồi Dũng đem đời riêng của mình kể cho sư cô nghe, chàng kể lại những sự đau khổ của đời chàng. Trước kia, chàng cũng tưởng những vết thương đó không bao giờ mất được, nhưng từ ngày chàng dấn thân vào một cuộc đời hoạt động, một cuộc đời sống vì người khác, chàng đã quên hẳn được những vết thương cũ, đời chàng tuy vất vả nhưng tâm hồn chàng lúc nào cũng thư thái.

- Thừa sư cô, tôi vì chán đời mà hành động, ngờ đâu chính sự hành động đó đã đem lại cho tôi cái vui vẻ, cái hăng hái sống ở đời... cho đến bây giờ... cũng vì thế mới được cái vui mừng gặp sư cô ở đây...

Trời đã bắt đầu đổ mưa to, gió nổi lên thổi mạnh ào ào, ngọn đèn lập loè muốn tắt. Sư cô không để ý đến ngoại vật, lẳng lặng ngồi nghe; lời Dũng nói như đưa tâm hồn nàng đến một mảnh đời khác hẳn cảnh đời lạnh lẽo ở nơi am vắng này, một cảnh đời tươi tốt mà tiếng đàn, tiếng sáo thay vào tiếng chuông tiếng mõ mà hương thơm nồng nàn của trăm thức hoa thay vào hương trầm, hương nhang thanh đạm. Ngoài tiếng nói du dương của Dũng, tiếng gió rì rào trong vườn rậm, nàng mơ màng nghe thấy một tiếng khác thiết tha hơn: đó là tiếng gọi của tình thương yêu không thể dập tắt trong lòng, tiếng gọi của đời tục lụy, đời ái ân mà trước kia nàng muốn lánh xa.

Nhớ tới mối tình thất vọng thuở trước, nhớ tới những ngày buồn nản, quạnh hiu, liên tiếp nhau đã ba năm nay, lại nghĩ đến cuộc đời mới sắp đem lại cho nàng biết bao hy vọng, nàng thấy trong người êm ái, băng khuâng, nàng cảm động quá; hai giọt nước mắt long lanh từ từ rơi trên má, hai giọt nước mắt sung sướng của một người đã trở lại với đời, đã trở lại với tình yêu.

Dũng vội nói:

- Tôi làm phiền lòng sư cô...

Nhưng chàng ngừng bật ngay vì chàng vừa nhận thấy một cách rõ ràng rằng người ngồi trước mặt chàng lúc đó không phải là một người tu hành nữa, mà chỉ là một cô thiếu nữ nồng nàn tình yêu. Chàng vừa sung sướng vừa lo sợ.

Một cơn gió mạnh thổi tạt vào gác khảm làm ngọn đèn suýt tắt; sau một tiếng chớp lóe, một tiếng sét dữ dội làm vang trời đất. Mưa đổ như trút, qua cửa sổ nước mưa hắt cả vào hai người. Sư cô đứng dậy toan bước xuống gác, Dũng can:

- Sư cô...

Nhưng sư cô không quay lại, vội vã bước xuống bậc thang.

Dũng cầm đèn bước theo xuống:

- Mưa ướt hết.. sư cô nghe tôi ... sư cô điên hay sao...?

Sư cô luống cuống chưa biết mình lùi hay tiến; nàng thấy Dũng xuống theo mình, vội đứng né ra một bên, ép lưng vào tường và hai bàn tay bám chặt lấy tường. Dũng vừa xuống tới nơi.

Nàng ngừng mặt lên nhìn Dũng: hai con mắt sáng quắc, đôi má đỏ bừng và cặp môi hé mở. Se sẽ nàng nói như van lơn:

- Ông để mặc tôi... về chùa... Tôi van ông...

Thốt nhiên Dũng hiểu, Dũng biết rằng người con gái đắm đuối đứng trước mặt chàng lúc đó chỉ còn đợi chàng tiến lên một bước, nói lên một câu... Nhưng câu ấy chàng không dám nói.

Trong khi chàng lùi lại sau thì sư cô đâm đầu bước vội xuống như người đi trốn, rồi vụt biến vào trong bóng tối đen.

Dũng tay còn cầm cái đèn đứng yên như bức tượng... ngoài vườn tối, tiếng chân dẫm trên lá khô mỗi lúc một xa.

V

Dũng đi đi lại lại trên gác khánh không biết bao nhiêu lần. Lúc ấy vào quãng bốn giờ chiều; Dũng chỉ định xâm xẩm tối là đi khỏi chùa, từ biệt nơi yên tĩnh, nơi mà chàng tạm dừng bước nghỉ đã hơn mười hôm nay, để lại dấn thân vào cuộc đời hoạt động, cuộc đời mà chàng đã chịu nhận sống cho đến hai tay buông xuôi. Bỗng chàng chép miệng thở dài... chàng chợt nghĩ đến sư cô, đến cái đêm mưa gió mấy hôm trước. Chàng lẩm bẩm:

- Làm thế nào bây giờ?

Chàng chưa biết xử trí ra sao. Đã lâu lắm, chàng luyện cho lòng chàng khô khan và tránh xa những sự tình ái, yêu thương, những sự mà giữa lúc non sông mờ cát bụi, chàng đâu dám nghĩ đến. Nhưng lần này... chàng thấy tâm tính chàng đối với sư nữ không phải chỉ là một thứ tình có thể theo thời gian mà phai lạt được.

Chàng chép miệng nhắc lại:

- Làm thế nào bây giờ?

Không tìm được câu trả lời, chàng lại tự nhủ chàng rằng dầu sao cũng đã cứu được một tâm hồn chán nản mà đạo Phật

không thể yên ỷ được. Rồi sau này, câu chuyện xoay ra làm sao, chàng không nghĩ tới, mà cũng không muốn nghĩ tới. Chàng cho rằng sư cô vì chán sự sống mà đi tu nghĩa là đã muốn đi tìm cái chết trong đạo Phật thì còn sợ gì những sự xảy ra sau này.

Chàng có cảm tưởng rằng chốc nữa không phải chỉ là một mình trốn khỏi chùa, vì sau đêm ấy, chàng thấy sư cô không những không tìm cách giữ chàng ở lại mà còn xúi giục chàng trốn đi như ngầm bảo: "Hai ta cùng trốn".

Cùng trốn! Hai tiếng đó đối với chàng có một âm hưởng réo rất lạ lòng. Chàng không nghĩ ngợi gì nữa. Chàng mê man như người liều. Chàng thoáng thấy hiện ra trước mắt chàng một con đường đầy gió bụi, xa lắc xa lơ, mà trên con đường đó có hai bóng người ra bước cùng đi, hai người mà trước kia sự chán nản ở đời đã làm cho tâm hồn khô héo, rỗng không, nhưng nay lại trở về với cái đời đầy đủ, cùng đem theo hai tấm tình yêu và hai tấm lòng hăng hái ham sống và ưa hành động.

*
* *

Chiều hôm ấy, sư bà không thấy sư cô đâu, cặm cụi lên gác thỉnh chuông. Mỗi tiếng chuông nổi lên rung động vắng vắng như ở cõi hư vô đưa lại, rền rĩ, tha thiết như tiếng gọi...

Nhưng ngoài cánh đồng làng, trên con đường lờ mờ trắng, hai bóng người ra bước cùng đi như không nghe thấy tiếng chuông gọi. Họ đi... đi xa chốn hư không tịch mịch, không đoái nhìn lại, dăm dăm như theo một tiếng gọi khác réo rất hơn ở tận phía trước xa xa đưa đến: tiếng gọi của đời tục lụy, đời ân ái.

Sau lưng hai người, tiếng chuông chùa liên tiếp nhau mỗi lúc một nhỏ, rồi như đua nhau, theo nhau dần dần tan vào quăng hư vô...

*Rút từ tập truyện ngắn Tối tăm,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1936*

LÒNG TỬ TẾ

Hai cảnh ngoài phố

Trời vừa mưa xong, đường phố lầy lội. Bên cạnh những cửa hàng đầy tơ lụa màu rực rỡ, Sửu cúi đầu đi thông thả, hai con mắt đỏ ngầu và đầy rử nhìn thẳng ra trước, không để ý đến một vật gì. Trông hình dáng chỉ biết đó là một người nghèo khổ, chứ không hiểu thuộc về hạng nào. Có lẽ người đó đã làm đủ nghề: đi ở, kéo xe... nhưng hiện nay chắc không có nghề gì, vì người bần thủ và ốm yếu quá. Hai con mắt nhìn một cách dại dột, mồm bao giờ cũng há hốc và hai bàn tay lúc nào cũng run run bảo cho ta biết rằng người đó chỉ còn có việc là đi hành khất để chờ ngày vào nhà điên.

Một cơn gió thổi mạnh, Sửu vội giơ tay lên giữ lấy cái mũ đội trên đầu, một cái mũ dạ màu xám rộng thênh thang đội úp xuống che gần khuất hai con mắt. Muốn tránh một người quét hè, Sửu đi rẽ xuống đường. Vừa lúc đó một người mặc âu phục rất sang, đầu tóc chải mượt và đôi giày bóng loáng, đi vội ở trong một hiệu thợ cạo ra, giơ tay vẫy một cái xe cao su. Vì hai bên cùng vội cả, nên người ăn mặc sang trọng và người ăn mặc rách rưới đụng vào nhau một cái thật mạnh. Người vận âu phục kêu lên một tiếng to, đẩy Sửu ra, mắng mấy câu theo lệ thường, rồi toan bước lên xe. Nhưng đến lúc nhìn xuống thấy mũi giày của mình bị bàn chân đầy bùn của người kia làm bẩn be bét, thì chàng ta không giữ nổi giận được nữa. Chàng giơ thẳng tay bóp tai người nghèo kia một cái, làm cho chiếc mũ dạ tung ra, rơi ngay vào cái xe tay, trên tấm thảm cao su để chân. Chàng cho thế là đủ giận bèn phủi tay, nhắc hai ống quần cho khỏi mất nếp, và ngồi lên giục phu kéo đi. Thấy cái mũ ngay dưới chân, chàng toan hất xuống trả, nhưng không biết nghĩ được một điều gì hay hay, chàng mỉm cười lấy cái mũi giày còn sạch thọc vào mũ rồi đặt lên cái mũi giày lấm bùn cọ đi cọ lại như người đánh giày.

Chàng lấy làm khoan khoái, ngấm nghĩa mũi giày bóng trở lại gần như trước. Nhìn cái mũ dạ dùm đó, bản thủ, chàng hơi hồi hận, nhưng vội tặc lưỡi nói một câu để tự an ủi:

- Chắc thằng cha mới ăn cắp được của ai... Đáng kiếp!

Rồi chàng bảo người kéo xe:

- Cho anh cái mũ này.

Sử bị cái tát tai đứng lạng hồi lâu cho khỏi choáng váng, rồi lắc lư cái đầu tìm xem mũ mình rơi đâu. Một người tài xế thương hại bảo:

- Mũ rơi vào xe ông ta rồi còn đâu.

Sử nhìn theo cái xe chạy đã xa, không hiểu và lẩm bẩm tự hỏi:

- Thầy ấy lấy mũ của tôi?

Rồi Sử lại cầm đầu đi, mắt nhìn thẳng ra trước một cách dại dột, mồm há hốc và hai tay run run... Trong lúc đó thì ở đầu phố một thầy đội xếp thông thả đi lại phía Sử, cầm cái gậy lỏng lẻo bằng hai ngón tay và nghịch đưa đi đưa lại như một quả lắc đồng hồ. Đó là cử chỉ thông thường của thầy mỗi khi thầy sắp có dịp ra oai. Đứng xa, tuy thầy đội không nhìn rõ, nhưng thầy đã "đoán" ra được hết. Thầy đoán rằng người ăn mặc rất sang kia vào hiệu mua hàng, lúc ra bắt gặp tên này ăn cắp mũ, liền bộp tai giằng lại cái mũ kia rồi tha... Nhưng thầy thì thầy không tha. Thầy không tha không phải vì bốn phận bắt buộc, nhưng thầy muốn tỏ cho mọi người biết rằng mình tinh mắt. Đến lúc nhìn rõ Sử thì thầy không còn nghi ngờ gì nữa: những điều phỏng đoán của thầy đã hiển nhiên biến thành sự thực, sự thực có một không hai.

Sử thấy thầy đội xếp đến gần mình, theo thói quen, đi khép nép tránh sang một bên. Thầy đội chạy sầm lại nắm lấy tay Sử và nghiền răng bóp thật chặt. Thầy nhìn mặt Sử thấy đáng ghét một cách lạ lùng và bóp chặt thêm một tí nữa cho bỏ ghét.

- Về bóp! Hừ, quân bay bạo gan thực, dám giở thói ăn cắp ra trước mắt ông.

Sử hốt hoảng, lúng túng nói:

- Thầy ấy lấy mũ của con...

Thầy đội trợn mắt, vụt một cái ngang lưng Sửu và nhếch mép cười nhạt:

- À, ra thầy ấy ăn cắp mũ của mày. Quân này to gan thật!

Cái trí khôn lu mờ của Sửu báo cho Sửu biết rằng phân trần không có lợi. Sửu bèn van lơn:

- Con lạy thầy, thầy tha cho con.

Thầy đội cười một cách đắc chí:

- Tha thế nào được, con ơi!

Người tài xế lúc này tiến đến gần nói:

- Ông đội tha cho nó, nó oan. Nó đâm phải giầy ông kia, ông ấy cho nó cái tát cũng đã đáng đời lắm rồi. Nó lại mất thêm cái mũ... cái mũ khổ ấy mà...

Một vài người đứng gần đó cũng xin hộ.

Nghe mọi người nói, thầy đội lấy làm khó chịu vì mình đoán sai cả và thấy nhìn mặt Sửu càng thấy đáng ghét hơn trước. Thầy lấy ngón tay trở hất cằm Sửu lên và nói:

- Cái mặt gian chưa. Ngừ này thì thế nào cũng có ngày ông cho tù một.

Thầy đội quay ra nói với mọi người, vẻ mặt vui tươi để tỏ rằng mình sẵn lòng khoan dung:

- Lần này các ông các bà xin hộ thì tôi tha cho nó. Lần sau nó phải liệu mà chữa đi.

Bỗng thầy nhìn cái đầu bù tóc của Sửu, nghĩ ngay được một câu để che ngượng:

- Cái mũ ấy mà không ăn cắp của ai thì tao cứ đi đăng đầu. Cũng may phúc cho mày khi lấy cái mũ ấy lại không gặp tao... Bây giờ thì rút đi ngay.

Nói xong, thầy cầm gậy gõ mạnh vào đốt ngón tay Sửu hai cái. Sửu đau quá, nhưng không dám nhăn mặt, không dám kêu, vì Sửu sợ rằng biết đâu không vì một tiếng kêu mà thầy lại đổi ý kiến không tha nữa.

Thấy thầy đội quay lưng đi, Sửu mừng quá...

Yên lặng như một cái bóng, Sửu cầm đầu đi, mồm há hốc và hai tay run run, nhưng lần này hai con mắt Sửu không đại đột nữa... lại sáng lên một cách khác thường. Trong lúc mừng, Sửu luôn mồm lẩm bẩm:

- Suýt nữa thì vào bóp, may quá, gặp được thầy đội tử tế.

S Sửu quên cả đau tay, quên cả mất mũ, chỉ nghĩ đến cái mừng được thoát khỏi bóp. Thấy có cái ngõ con, Sửu vội vàng rẽ vào, yên tâm rằng đã đi khuất mắt thầy đội. Sửu cười và nói một mình:

- Sao lại gặp được thầy đội tử tế đến thế!

Câu ấy vì nhắc đi nhắc lại mãi, dần dần biến ra:

- Sao người ta lại tử tế đến thế.

Lúc đó cái óc tối tăm của Sửu như có ánh sáng chiếu rọi làm cho Sửu lần đầu tiên trong cuộc đời khốn nạn của mình nhận thấy một cách rõ ràng cái lòng tử tế của người đời!

- Suýt nữa thì vào bóp!

Nghĩ đến đó, Sửu vô tình quay nhìn lại...

Mấy hôm sau, Sửu bị bắt vì không có chỗ ở và nghề nghiệp nhất định. Ở nhà pha được ít lâu, thầy thuốc khám nghiệm bảo Sửu có bệnh điên. Thầy thuốc chỉ biết rằng Sửu có bệnh điên là tại cha mẹ trước kia mắc bệnh giang mai. Không ai biết Sửu điên hẳn vì cái bóp tai của người mặc quần áo sang trọng làm cho khối óc đã yếu sẵn bị rung chuyển mạnh quá... hay nói cho đúng, chỉ vì đôi giấy bông bị lấm bùn.

Được cái bệnh điên của Sửu rất lành, không hại đến ai. Cả ngày, Sửu lúc nào cũng mỉm cười sung sướng và thỉnh thoảng lại lẩm bẩm nói một mình:

- Sao người ta lại tử tế đến thế!

Còn như người ta có tử tế như Sửu tưởng hay không thì đó lại là câu chuyện khác.

May quá

Nhiều Tích ra tỉnh chơi, đương ngơ ngác ở một đầu phố thì có một người vận âu phục đi xe đạp phóng thật nhanh đâm sầm

ngay phải. Cả Nhiêu Tích và người kia đều ngã lăn ra đường. Người hàng phố xúm lại xem đông.

Nhiêu Tích ngồi nhồm dậy, sờ đùi, sờ vế chỉ thấy hơi đau vài chỗ. Nhưng Nhiêu Tích lo sợ phấp phỏng, thầm hỏi:

- Người ta đi xe đạp chắc là phải thạo luật đi đường lắm, nếu họ đụng vào mình thì tất là mình có lỗi. Xe đạp của họ gãy thì mình bán gia tài đi mà đền.

Nhiêu Tích vừa nắn đùi vừa đưa mắt nhìn trộm người kia, dò la ý tứ. Nếu Tích thấy người kia không nói gì, hay nhìn mình mỉm cười thì tất người kia có lỗi; lúc đó Tích sẽ nằm lăn ra đường và kêu thật to rằng què chân không đứng dậy được. Nếu nhờ xe người kia có gãy thì mình không phải đền, vì mình đã bị gãy mất chân.

Trong lúc những ý tưởng phức tạp ấy lộn xộn trong đầu Nhiêu Tích, thì những ý tưởng cũng phức tạp như thế lộn xộn trong đầu người vận âu phục. Chàng nhìn Nhiêu Tích ngẫm nghĩ:

- Trái thì lẽ cố nhiên mình trái, vì họ đi bên tay phải, mà mình thì quên không bóp chuông. Nhưng nếu giờ ta yên lặng thì lão này biết là ta trái, tất sinh sự...

Nghĩ vậy, chàng liền đứng lên, vẻ mặt hăm hăm tiến lại gần Nhiêu Tích, dang thẳng cánh tát cho Nhiêu Tích một cái thật mạnh. Không thấy người kia nói gì, tiện tay chàng tát luôn cái nữa.

Thấy vậy Nhiêu Tích biết ngay là mình trái, vội vã đứng lên, quên cả chân đau. Tích quăn lại khăn rồi cúi đầu đi thẳng. Đi được một quãng, Tích quay cổ lại và lấy làm mừng rằng người kia không đuổi theo. Tích lắm bả sung sướng:

- May quá, xe thầy ấy lại không gãy cái gì.

Người vận âu phục vẻ mặt hầy còn hăm hăm tức giận. Chàng vừa nhấc xe đạp lên xem xét vừa nói thật to:

- Rõ thật nhà què lên tỉnh. Đi thì nghênh nghênh ngáo ngáo, có hai mắt cũng như không.

Tuy ngoài mặt giận dữ, nhưng chàng không khỏi cười thầm với mình.

*Rút từ tập truyện ngắn Tối tăm,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1936*

HAI CHỊ EM

Bà xã Vực có hai cô gái đầu lòng: Bìm và Lạch. Bìm hơn Lạch hai tuổi, nhưng trông già hơn nhiều: người nàng béo chắc, chân tay to, mắt nhỏ và hơi toét. Hai mí mắt hùm hụp, đôi má bánh đúc và cặp môi dày làm cho nét mặt Bìm có vẻ nặng nề, đần độn. Bìm suốt ngày làm lụng vất vả, thức khuya dậy sớm, ăn uống kham khổ nhưng cứ một ngày một béo đen ra. Bìm không hay nói, không cãi lại ai bao giờ, lúc nào cũng lì lì, vui buồn không lộ ra nét mặt. Bà Xã rất yêu Bìm, và tuy Bìm mới hai mươi tuổi bà đã cho là con ế chồng, ngày đêm lấy làm buồn và thương con. Bà tự an ủi rằng con mình tuy xấu, nhưng được cái tính nết tốt, đứng đắn và chăm chỉ công ăn việc làm.

Cùng xóm có ông lý Thịnh, nhà giàu, cây cầy trên hai mươi mẫu. Ông Lý, bà Lý hiếm hoi chỉ có một người con trai, năm ấy mười ba tuổi. Bà xã Vực biết rằng ông Lý cần người làm nên rất hy vọng Bìm được về làm dâu nhà ấy. Bà Lý cũng đã để mắt tới Bìm và dò tính nết Bìm rất cẩn thận; chỉ có một con nên bà thận trọng trong việc kén chọn nàng dâu. Có người chê Bìm chậm chạp. Bà đáp:

- Chậm nhưng mà chắc chắn. Tương người như thế được việc.

Trong lúc nói câu ấy, bất giác bà nghĩ đến mấy con trâu ở chuồng nhà bà.

Hôm mới sang hỏi, bà Xã xin khất để còn dò ý con. Thật ra bà không cần hỏi, vì bà biết chắc rằng thế nào Bìm cũng bằng lòng. Bìm nghe người ta nói chuyện nên biết tin. Nàng không hề nghĩ đến người chồng mới mười ba tuổi của nàng; cậu bé con ấy không kể đến. Việc chính là việc nàng về làm dâu nhà bà Lý. Làm dâu một nhà giàu ấy, Bìm cho là rất hân hạnh.

Hôm đón dâu vì một việc hiểu lầm suýt xảy ra sự lòi thòi.

Sau khi mặc cả hai, ba phen, bà Xã yên trí rằng nhà trai sẽ nộp cưới đủ tám chục bạc. Nhà trai lại tưởng bà Xã bằng lòng sáu chục.

Trước mặt hai họ đông đủ, ông Xã phàn nàn về việc đó và xin hoãn ngày cho dâu về. Sau một hồi bàn tán thương lượng, ông Xã bằng lòng vậy vì nhà trai có hứa sau sẽ nộp đủ số bạc.

- Xin ông bà nghĩ tình cho trẻ, cho chúng thành vợ thành chồng là điều cần nhất. Đợi mãi mới chọn được ngày tốt, để xin đón dâu. Sau sẽ xin chu tất.

Vợ chồng ông Xã biết trước rằng con đi thì tiền không về nữa, và tự cho là mắc lừa. Bà Xã thương con, sợ hỏng việc nên đành chịu mất số hai chục bạc. Bà bảo thăm chồng:

- Thôi thầy nó ạ. Già néo đứt dây.

Vì thế dây không đứt. Chỉ đứt những dây chằng ngang trên đường làng từ nhà ông Xã đến nhà ông Lý để mở lối cho Bìm về nhà chồng, cho Bìm lấy một cậu bé mười ba tuổi sau khi đã bán thân bằng một số tiền sáu chục bạc.

Bà Xã chỉ cốt lo xong việc cho con gái lớn; đối với Lạch, biết rằng không sao răn bảo được, bà đã coi như một đứa con bỏ đi. Bìm đứng đắn bao nhiêu thì Lạch lẳng lơ bấy nhiêu. Lạch không biết nghe lời ai cả. Lạch như con chim vành khuyên đẹp mã, nhảy nhót luôn chân, ai trông cũng muốn yêu. Hai con mắt nàng trông ai cũng hình như đưa tình và đôi môi nàng nói với ai cũng như trao đổi những lời ân ái. Lạch hát rất hay; những đêm thu trăng sáng, không nơi nào là không có tiếng nàng. Nàng đứng lẫn trong bóng cây, những quãng đường vắng, hát ghẹo trai làng đi qua, rồi cười khúc khích, lấy làm sung sướng. Nàng không có tính nết đứng đắn, nên gặp người đàn ông nào nàng cũng coi thường. Thấy chị sắp lấy Ngẫu, con ông Lý, nàng ôm bụng cười lăn. Có lần gặp Ngẫu, Lạch ẩn vào một bụi cây, đợi Ngẫu đi quá gọi:

- Em Ngẫu ơi, vào đây chị bảo tí ti.

Rồi nàng kéo cậu bé vào, lấy hai tay xoa đầu một lúc, lại thả cho đi.

Không phải nàng biết nghĩ cho việc lấy chồng như vậy là vô lý; nàng vốn có bản tính ngang tàng nên thấy việc ấy buồn cười quá, như nàng, nàng không sao kham nổi. Bà Xã vẫn bảo:

- Con này ngày sau chỉ đi làm đi... Chị mày còn cho tao được mấy chục bạc, chứ mày rồi thì tao mất nhờ lại mang tiếng xấu lây.

Cách đó ít lâu, Lạch theo một phường hát chèo đi lang thang hết làng này đến làng khác. Kiếm không đủ tiền, Lạch bỏ nghề hát chèo. Nhờ có nhan sắc và giọng hát hay, Lạch trở nên một danh ca của một xóm bình khang gần Hải Phòng.

Trong lúc đó, Bìm vẫn sống yên lặng ở nhà ông Lý. Nàng giữ đủ bốn phận một cô nàng dâu, nghĩa là suốt ngày làm vất vả để hầu hạ nhà chồng.

Bốn giờ sáng, Bìm đã dậy để băm bèo, đun cám cho lợn ăn và thổi cơm cho những người đi làm. Rồi cả ngày trông nom những việc trong nhà, hầu hạ cơm nước bố chồng, hầu chồng và các em gái bé. Những khi nhà có việc, ngày giỗ ngày tết, một mình nàng, con dâu trưởng, phải cáng đáng mọi việc; đầu tóc đầy tro bụi, mặt mày nhem nhuốc, mình mặc chiếc áo vá và chiếc váy đụp không bao giờ giặt, Bìm hết ngồi trước bếp lửa nóng vẫn cơm, lại chạy bưng các món ăn hầu những cô lão đến uống rượu, mắt đỏ gay. Quanh năm suốt tháng, công việc của nàng không bao giờ thay đổi. Nàng không bao giờ được nghỉ ngơi và cũng không bao giờ cần phải nghỉ.

Sau ngày cưới mấy tháng, nửa vì Ngẫu đã quen Bìm không sợ hãi như trước, nửa vì bố mẹ chồng bắt buộc nên hai vợ chồng đã ngủ chung một buồng. Nhưng Bìm làm việc suốt ngày mệt mỏi, vào đến giường chưa đặt mình đã ngáy; Ngẫu sợ lạnh ngủ rúc vào nách vợ để tìm hơi nóng như một đứa bé nằm trong lòng mẹ.

Một lần trên quãng đường vắng, Bìm gặp một người đàn ông. Nàng không hối hận, nàng chỉ sợ thôi, và khi về đến nhà thấy sự nguy hiểm đã qua, chắc rằng không ai hay, và nếu có con cũng là con của Ngẫu, nên Bìm coi như là một việc thường đã xảy ra. Nàng không hề áy náy trong lương tâm.

Như một con gà trống thiến, như một con lợn không tư tưởng lẫn lộn trong nơi bán thịt mà vẫn béo tốt, Bìm một ngày một béo hơn, mắt Bìm một ngày một toét thêm ra.

Ông Lý có nuôi trong nhà một ông đồ để dạy dăm ba đứa trẻ trong làng học chữ nho. Ngẫu cũng có học, học để biết dăm ba chữ xem nổi văn tự và gia phả.

Nhiều khi trong lúc vợ Ngẫu đứng cho lợn ăn, mặt mũi chân tay bẩn thỉu không kém gì những con lợn trong chuồng, mà đời nàng với đời những con lợn kia biết chẳng nào có giá hơn, đáng sống hơn, thì trên nhà tiếng Ngẫu ê a như tiếng ở thời cổ đưa lại:

- Đại học chi đạo... đại học chi đạo, đại học chi đạo, a... Tại mình mình đức, tại tân dân, đại học chi đạo ư a... tại tân dân... âm a...

Rồi Ngẫu vừa đọc vừa dịch ra tiếng An Nam:

- Đại học chi đạo ư... a... tại tân dân... ở mới dân, tại tân dân,... ở mới dân.

Bim không còn nghĩ gì tới người em gái đón mặt đã bỏ nhà đi. Có ai nhắc tới thì nàng thầm mắng em:

- Con đi!

Nàng coi như là không có người em ấy nữa.

Lạch không những chỉ làm nghề ả đào. Khách làng chơi đêm nào cũng rủ nàng đến các tiệm khiêu vũ; ít lâu nhờ có bạn trai dạy nhảy nàng bỏ nghề cũ làm một vũ nữ cho một tiệm nhảy ở Hải Phòng. Đêm đến, trong lúc Bim ở nhà quê nằm ngáy bên cạnh một đứa bé bẩn thỉu, mình đắp một mảnh chiếu rách, thì dưới ánh đèn xanh đỏ, Lạch tươi đẹp như bông hoa, ôm một chị em bạn cùng nghề nhảy lượn theo điệu đàn du dương, đợi khách chơi đêm. Quặt tay ra sau vai, Lạch vừa nhảy vừa đùa, nhí nhảnh. Thỉnh thoảng thích chí, nàng ngả nghiêng đầu theo dịp đàn, chân đạp mạnh xuống nền gạch, rồi ôm bạn quay vòng mấy lượt. Nàng cất tiếng hát theo bài đàn, rồi bất giác nhớ lại những đêm trăng ở nhà quê, nhớ lại những bụi tre khóm ổi, cảnh cũ của đời ngây thơ nay đã xa lắc; nàng cảm động se se ngâm:

Khi đi trúc chưa mọc măng,

Khi về trúc đã cao bằng ngọn tre.

Một ngày kia tình cờ có người nhân tình đưa nàng đi chơi ô tô về qua làng; Lạch xin phép bạn về thăm nhà và dặn bạn khi quay về đón ở quán nước đầu xóm. Bà Xả thấy con về, ôm mặt khóc:

- Sao mày không chết đường chết chợ ở đâu cho rảnh, còn bén mảng về đây làm gì cho tao thêm nhục.

Thấy Lạch, bà lại nghĩ đến Bìm và tự an ủi rằng hồng em, nhưng được chị. Lạch nói:

- Con xin phép u sang thăm chị con và anh con... xem đã nhón được tí nào chưa. Anh gì nhỉ, u nhỉ?

Lạch cất tiếng cười rồi nói tiếp:

- À, con nhớ ra rồi... Anh Ngẫu, Ngẫu!

Bà Xả vội can:

- Thôi, mày đừng sang đấy bêu xấu tao, bêu xấu chị mày.

Lạch không nghe lời mẹ. Lúc sang tới nhà ông Lý, Bìm đang ngồi bắt chấy cho mẹ chồng cạnh đồng rơm. Lạch vén áo, ngồi trên bức tường thấp bao bọc khu vườn cảnh. Dưới ánh nắng, chiếc áo lụa màu vàng và chiếc quần cẩm nhung của nàng bóng loáng. Mùi nước hoa bay thoảng.

Bìm hỏi gọn một câu lãnh đạm:

- Cô về chơi.

Bìm ngượng quá, cúi mặt, bới tóc mẹ chồng một lúc rồi rút trứng chấy đưa lên miệng cắn: - Gớm! Đầu bu lắm chấy quá.

Ngẫu đương ngồi ở trước hiên nghêu ngao đọc "đạo thánh hiền là rộng,... đạo thánh hiền là rộng", thấy người lạ mặc áo đẹp, vội chạy ra, rồi sợ hãi đứng ở xa, bên cạnh một đàn lợn con thả rong vừa mút ngón tay, vừa trở mắt nhìn. Lạch trông thấy Ngẫu, mỉm cười, nhắm một bên mắt lại, nháy mắt chế giễu quen như độ còn ở nhà. Nàng toan cất tiếng cười, nhưng phải cố giữ lại.

Lâu không thấy bà Lý và chị mời vào trong nhà, Lạch đứng lên cáo từ.

Bìm đưa mắt nhìn theo dáng đi ông ọ của Lạch, bĩu môi. Nàng hết sức ngượng mặt với mẹ chồng vì có người em làm đi. May quá, lúc đó nàng bắt được con chấy to, liền đặt vào lòng bàn tay mẹ chồng, nói để che ngượng:

- Bu này! Con chấy kênh đó nà.

*

* *

Bạn tôi kể xong câu chuyện, kết luận:

- Lẽ cố nhiên là Bìm được trọng vọng và Lạch bị khinh rẻ. Nhưng đời một người bán thân bằng số tiền mấy chục bạc để về làm nô lệ một đứa bé hỉ mũi chưa sạch, đời một người vẫn được tiếng là con hiền, dâu thảo, đứng đắn, nết na, cái đời lương thiện ấy khốn nạn quá, bản thủ quá đến nỗi tôi lưỡng lự không biết có thể đặt lên trên đời Lạch, một con đĩ, được không? Đời Lạch tuy xấu xa nhưng còn là đời một người, và Lạch tuy làm đĩ, nhưng còn biết mình làm đĩ, không u lì như một con trâu người ta trả tiền lôi đi vì nó được việc. Bìm khinh Lạch, nhưng thật ra Bìm không có quyền ví mình với Lạch, một người đã có hơn ngàn cái giá trị làm một người.

- Nhưng đó là chuyện thật?

- Không hẳn là chuyện thật. Song như Lạch rất ít mà như Bìm, ở xã hội quê ta thiếu gì. Tôi kể anh nghe câu chuyện này vì tôi vừa thấy một cậu bé toét mắt, trọc đầu, ước độ mười tuổi mà có vợ hơn ba năm, và mới đây vào tiệm khiêu vũ ở Hải Phòng tôi đã được thấy một cô cắt cỏ lẳng lơ ôm một bạn gái nhảy lượn dưới ánh đèn như hai con thiêu thân. Cô cắt cỏ - tôi tạm gọi là cô Lạch - có hai con mắt đẹp nhưng nhiễm đầy vẻ buồn ảo não hình như đương nhớ tới quê hương, mong mỗi một cảnh đời khác mà không sao được. Tôi tưởng nghe thấy tiếng cô ta bảo tôi, đau đớn tuyệt vọng:

- Em thế này để khỏi phải sống như chị em!

*Rút từ tập truyện ngắn Tối tăm,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1936*

CÁI TẮY

Nếu không có một việc cần bất ngờ, thì có lẽ cả đời không bao giờ Vượng đi tới con đường quê hẻo lánh ấy. Đã thế ô tô đương đi tự nhiên ngừng hẳn lại. Thấy gần đấy có một cái chợ và mấy lớp nhà, Vượng để mặc tài xế chữa xe, đi rẽ xuống một con đường nhỏ tìm quán uống nước.

Chàng vào một cửa hàng tạp hóa, đưa mắt nhìn xem có chai nước chanh nào không. Bỗng chàng ngạc nhiên, kêu:

- Anh!

Một người mặc áo cộc trắng đương ngồi cặm cụi cho lạc rang vào chai, ngừng nhìn Vượng một hồi lâu, rồi đứng thẳng dậy như cái máy, reo một tiếng thật to, và cũng kêu như Vượng:

- Anh!

Vượng còn đương đứng ngẩn người nhìn bạn từ đầu đến chân, thì người bạn đã nhảy xuống đất rồi cứ chân không chạy ra kéo tay Vượng vào:

- Phải, tôi đây. Huy đây! "Huy địa dư" đây!

Vượng không ngờ đâu người bạn học cùng một trường với chàng đã hai lần đi thi tú tài, nay đương ngồi cho lạc vào chai ở một cửa hàng tạp hóa nhỏ, cạnh một chợ quê tiêu tụy.

Huy gọi với vào trong nhà bảo pha nước, hỏi chuyện rồi rít, làm Vượng không kịp trả lời: tuy vậy, Huy vẫn không quên cho nốt chỗ lạc rang còn thừa vào chai. Chàng lấy một cuốn sổ mỏng gấp đôi lại rồi thả lạc trôi dần dần vào chai, và phồng má thổi mạnh cho vỏ lạc bay ra ngoài.

Vượng chưa kịp nói câu gì, vì chưa biết bắt đầu ra sao. Vừa mới nói được một tiếng "anh" thì bạn đã gật lấy gật để đáp ngay:

- Phải tôi.

Vượng gắt:

- Ai chẳng biết là anh. Nhưng anh làm gì ở đây?

Huy đáp:

- Nhà tôi đây... Anh chưa biết à?... Mà anh biết làm sao được. Anh ở Tây về bao giờ?

- Tôi về đã hai năm nay.

- Đồ gì rồi?

- Đồ kỹ sư.

- Khá đấy!

Huy khen bạn một cách thản nhiên không mấy may lộ chút thèm muốn, hình như đã lâu lắm chàng không nghĩ đến những sự thi cử, học hành...

Một người đàn bà không đẹp không xấu, mặc áo nâu cài khuy, chân đi guốc ở trong nhà bước ra. Huy nói khẽ:

- Nhà tôi...

Rồi chàng chỉ Vượng giới thiệu với vợ:

- Đây là bác ký Vượng ở trên Thái xuống chơi. Mình bảo nó làm cơm bác xơi.

Vượng lấy làm lạ không hiểu tại sao Huy lại tự tiện cho mình là một ông ký. Chàng mỉm cười ngẫm nghĩ:

- Có lẽ vì trong kỹ sư có chữ kỹ, đổi một cái dấu thì thành ký ngay.

Vượng không hỏi bạn vì lẽ gì, đành tạm cho mình là một ông ký vậy. Chàng từ chối không nhận ăn cơm, lấy cớ chỉ đợi tài xế chữa xe xong, lại phải đi ngay. Huy hỏi khẽ:

- Bác đi ô tô... Ô tô của bác? Thế thì bác bảo tài xế ở ngoài xe đừng vào đây, sợ nhà tôi biết. Rồi tôi sẽ cho bác hiểu vì sao.

Thấy có người vào mua hàng, Huy vội đứng lên:

- Xin lỗi bác...

Chàng tươi cười hỏi khách:

- Chè đầu xuân mới về, tôi vẫn để dành ông một bao đấy.

Chàng rút ra một bao, mở nắp để mũi vào hít ngửi mấy cái, rồi cẩn thận gói đưa cho khách, vừa đưa vừa thân mật hỏi:

- Thế nào, ông đã lo được tiền đăng cai cho cháu chưa?

Vượng để ý nhìn bạn vẫn thấy bình tĩnh như thường, không lộ vẻ khó chịu vì phải nói một câu đai bôi, trái với ý tưởng. Chàng ngẫm nghĩ:

- Cái học trong bấy lâu thật vất đi cả... Hay là anh đã đổi cả tâm tính đi rồi.

Vượng lắc đầu chán nản, vì chàng nghĩ rằng sự nghèo khổ không nguy hiểm cho người ta bằng sự truy lạc về tinh thần.

*
* *

Người nhà bưng mâm cơm lên và đặt ngay ở giữa giường.

Đồ ăn tuy nhiều nhưng vì để trong những cái đĩa đàn trên một cái mâm gỗ đã bong sơn, nên trông không có vẻ ngon lành.

Vượng quay mặt cho bạn khỏi ngượng, vì chàng đoán chắc bạn cũng ngượng như chàng. Huy ngồi vào mâm so đĩa nhìn mâm cơm, nói với Vượng:

- Hôm nay không phải phiên chợ, bác xoi tạm bữa cơm dưa muối. Thức ăn đã chẳng có gì, mà người nhà lại vụng về.

Nói vậy, nhưng Vượng thấy bạn có vẻ mặt khoái trá của người sắp được dự một bữa tiệc rất sang; chàng thấy bạn so những chiếc đĩa sơn cong queo một cách âu yếm, và gượng nhẹ đặt ngay ngắn bên cạnh mâm.

Vượng thấy nét mặt và cử chỉ của bạn có vẻ tự nhiên, là những nét mặt và cử chỉ vẫn thường có hàng ngày chứ không phải tô tạo ra để cốt làm vui lòng một người bạn.

Ăn cơm xong thì trời vừa chiều. Huy rủ Vượng ra hiên sau ngồi uống nước.

Bên cạnh một giàn mướp đầy hoa vàng có để một cái bàn cũ và cái ghế tre dài. Vượng vừa hút thuốc lá vừa nhìn ra: cái cảnh khu cánh đồng bùn lầy, nước đọng phẳng lì đến tận chân trời gieo vào tâm trí chàng một nỗi buồn mênh mang, với những ý tưởng chán nản về cuộc đời sống ở những chốn quê hẻo lánh.

Bên một cái giậu nửa đã đổ nghiêng dưới sức nặng của những cây mồng tơi, một con lợn sề gầy gò, ve vẩy đuôi, lê bụng đi từ từ giữa một đàn lợn con chạy loăng quăng.

Huy ngả người vào lưng ghế, giang thẳng hai tay có vẻ khoan khoái bảo Vượng:

- Cái hiên này, mùa hè đến, mát lắm.

Vượng thấy bạn có vẻ hồn nhiên lạ lùng, hình như từ thừa bé chàng vẫn sống trong cái cảnh này, và chàng còn muốn sống trong cái cảnh đó cho hết đời. Lúc ấy Vượng mới nhận ra rằng mình buồn, mình thương bạn, không phải vì thấy bạn gặp cảnh nghèo, mà thật ra vì thấy bạn không thể nào thoát khỏi cảnh nghèo được, không có sức để cất đầu lên được nữa. Chàng lẩm bẩm một câu bằng tiếng Pháp:

- Thật là hết!

Chàng toan nói cho Huy rõ ý tưởng đó, nhưng chàng biết là vô ích, nên lại thôi. Huy không sao hiểu được nữa.

Hai người ngồi yên lặng một lúc lâu. Bỗng Huy quay lại phía Vượng hỏi đột ngột như đã đoán được ý nghĩ vẫn vương trong óc bạn:

- Anh thấy tôi đổi khác trước nhiều có phải không? Bảy tám năm rồi còn gì?

Trời tối hẳn; Vượng và Huy không nhìn rõ mặt nhau, nhưng tiếng nói của Huy vẫn đều đều lọt vào tai Vượng; lúc nói chuyện, hai người cùng sống trở lại những ngày vô tư lự của cái đời học trò chín năm trước. Có tiếng vợ Huy ở trong nhà hỏi:

- Sao mình không thắp đèn lên?

Huy vội ngắt lời vợ:

- Thôi, không cần.

Rồi chàng lại bắt đầu kể chuyện cho Vượng nghe:

- ... Thế là tôi rút về địa dư và lịch sử, mặc dầu anh em đã gọi tôi là "Huy địa dư".

Vượng nói:

- Anh rút, có lẽ vì tại anh học thuộc quá, thuộc cả chấm câu, chấm phẩy và số trang.

Huy cười:

- Anh không nhớ có lần làm bài về địa dư, tôi bắt đầu ngay bằng một câu: "Như tôi đã nói ở trang 45, mục 7..." nghĩa là tôi cứ viết theo nguyên văn trong sách. Của đáng tội, trí học của tôi không lấy gì làm sáng suốt cho lắm, tôi chỉ được một cái chăm và học thuộc lòng. Mà chăm như thế, chỉ vì cốt thi đỗ để lấy Liên. Chắc anh đã biết Liên?

- Lạ gì, Liên con cụ Tuần Đạo.

- Chính đó. Nhưng năm đầu tôi rút, Liên và nhà Liên đành lòng đợi tôi năm sau. Cái mộng được làm một ông tham, lại được lấy một người đẹp, con nhà giàu, cái mộng to lớn nhất trong đời tôi lúc đó, vì thế vẫn còn. Tôi chăm học bằng hai năm trước và học thuộc lòng cũng gấp hai trước... Thế rồi chỉ vì một cái tẩy...

Nói đến đây, Huy cười khẽ một cái, với điệu thuốc lá, đánh diêm châm hút.

- Kỳ thi năm sau, tôi trả lời các bài trôi chảy cả. Chỉ còn địa dư và lịch sử, tôi để lại sau cùng. Lúc vào phòng thi, tôi lo sợ phấp phồng. Ông giáo chấm thi hỏi tôi câu đầu, tôi đáp ngay được. Ông bằng lòng lắm. Ông tươi cười toan cho nốt, nhưng gió quạt máy cứ chực lật tờ giấy chấm thi. Sẵn có cái tẩy, ông lấy chặn lên một góc giấy. Nhưng cái tẩy không chịu được sức gió, lăn ra ngoài, giấy cuộn cong chạm vào bút; ông hất ra mấy lần không được, đập tay xuống tỏ vẻ khó chịu và bảo tôi ra tắt quạt máy đi.

Ông hỏi sang địa dư... Thấy trán ông lấm tấm mồ hôi, sợ ông vì nóng quá đâm ra gắt gỏng nên tôi ra vịn quạt cho chạy. Ông mỉm cười khen:

- Tốt lắm, con ạ. (Très bien, mon enfant).

"Con" sung sướng lắm, hỏi đâu đáp đấy, trôi như nước chảy.

Ông cầm bút cho nốt và tiện tay lấy cái tẩy chặn lên góc giấy. Tôi lo lắng, chỉ lo tẩy nhẹ quá, gió lại hất giấy vào bút làm ông phát bần không cho nốt cao. Hai mắt tôi nhìn chăm chăm vào cái tẩy như bị thôi miên. Cái tẩy khẽ rung động. Tôi lẩm nhẩm:

- Nay nó sắp lặn... nó sắp lặn.

Cái tẩy lặn đi một vòng. Tôi nín hơi đợi, nhưng vì lúc đó sức gió yếu, nên nó đứng lại ngay. Cái tẩy lại rung động, tờ giấy lật mạnh; thấy cái tẩy bị hất ra ngoài, sắp lặn xuống đất, tôi nghiêng người toan chạy lại; ông giáo vừa cho xong nốt, nhưng bị tờ giấy hất vào bút, mực dây cả ra tay.

Ông ngừng nhìn tôi, và thấy tôi đương nghiêng người về đằng trước, chăm chú vào tờ giấy cho nốt, có vẻ khả nghi. Ông đập bàn:

- Được lắm, anh muốn nhìn nốt, tôi sẽ dạy cho anh cách nhìn nốt... Anh vừa gan vừa khéo nịnh... à, tôi nhớ ra... lúc này anh vịn quạt máy cốt để giấy lật, anh nhìn nốt cho rõ.

Ông liền xóa nốt cũ đi, cho tôi một con số khác, không phải hình quả trứng thì cũng hình cái gậy.

Lẽ cố nhiên là tôi rớt. Nhà cô Liên và cô Liên lẽ cố nhiên là không đợi tôi và đợi chúc tham biện với số lương hơn trăm đồng mong ước kia. Tôi đau, tôi khổ, tôi kêu trời, kêu đất mất gần nửa tháng. Trĩ tôi không lúc nào không nghĩ đến cái tẩy. Nếu cái tẩy ấy nó nặng hơn một tí, một tí nữa thôi, thì tôi đã đỗ, cô Liên đã lấy tôi, tôi đã sung sướng...

Huy ngừng lại một lúc lâu, rồi nói tiếp một cách chậm rãi như cân nhắc từng tiếng:

- Bỗng một hôm tôi nghĩ ra. Tôi sực tỉnh. Tôi tự bảo: nếu bao nhiêu điều mình mơ ước, nếu hy vọng của cả đời mình chỉ dựa vào cái tẩy bé con, một cái tẩy khốn nạn, vô lý, thì hạnh phúc ở đời mình không thể nào chắc được. Đi đuổi tốn công. Phải làm thế nào cho hạnh phúc ở đời phải ở mình, chỉ ở mình thôi.

Huy nhắc lại:

- Hạnh phúc chỉ ở lòng mình, hạnh phúc chỉ ở sự yên tĩnh của tâm hồn. Khi mình đã có cái bình tĩnh đó, thì không cái tẩy nào làm mất được, thật là chắc chắn, kiên cố. Thế là từ hôm đó, tôi khỏi

buồn, người tôi đổi khác hẳn. Tôi lăn lộn rất nhiều nơi, có lúc làm lụng vất vả trong các nhà máy, các hầm mỏ, có lúc giàu, có lúc nghèo... Ngồi bán chè ở cái chốn quê xơ xác này, nhưng chỉ cảnh ngộ đổi khác, còn ở trong vẫn không thay đổi. Nếu cái tẩy làm tôi vất vả thì trái lại nó đã cho tôi thấy hạnh phúc trong tám năm nay.

Một hôm lang thang đến đây tôi gặp nhà tôi, tính ra đến nay đã được hơn một năm. Tôi chưa biết là ở tạm, hay là ở hẳn vì đằng nào cũng vậy. Nhà tôi không rõ quăng đời trước của tôi, tôi phải tự tiện cho anh là một ông ký, vì tôi làm gì có một người bạn kỹ sư, sang trọng, có ô tô nhà như anh.

Huy cười nói thật khê:

- Nhà tôi cứ tưởng là tôi cũng dốt như nhà tôi vậy.

Mặt trăng từ từ lên sau mấy thân cau viền trắng; ánh trăng chiếu vào in rõ lên quần áo Huy những bông lá mướp gió lay động. Vượng lại nhìn rõ nét mặt bạn. Nhưng bây giờ chàng thấy bao nhiêu những ý tưởng buồn bã, chán nản về bạn tự nhiên tiêu tan hết.

*Rút trong tập truyện ngắn Tối tăm,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1936*

LAN RỪNG

Quang xuống xe rồi vào một cái nhà ở đầu phố để hỏi thăm đường đi Bản Lang và để thuê ngựa. Người cho thuê ngựa hỏi:

- Ông vào nhà ai trong đó?

- Vào nhà ông Vi Văn Hoài. Đường vào đấy có xa lắm không?

- Độ mười cây số thôi. Nhưng ông phải đi ngay kéo trời tối mất. Để tôi lấy con ngựa thật khỏe ông đi cho chóng. Ông vào trong ông Hoài thì tôi không cần cho người đi theo dắt ngựa về, khi nào ra, ông đem ngựa lại trả tôi cũng được.

Rồi người cho thuê ngựa chỉ tay về phía một con đường lên dốc, bảo Quang:

- Ông cứ đi theo con đường đó. Đến một cái chùa đã đổ nát, thì ông rẽ sang bên tay phải, rồi đi thẳng, khi nào đến một cái cầu gỗ là đến Bản Lang.

Lên hết chỗ dốc, Quang cho ngựa chạy phóng để kịp đến trước khi tối trời.

*

* *

Đi vài cây số gặp một cái chùa đổ nát, chàng theo lời người cho thuê ngựa rẽ về bên tay phải, rồi lại cho ngựa phóng. Nhưng đi được ít lâu, chàng có cảm cái tưởng là lạ rằng con đường đang theo không phải là đường về Bản Lang, tuy chưa lần nào chàng về Bản Lang cả. Chàng tự cho mình nghĩ thế là vô lý, rồi cứ cầm đầu quát ngựa.

Đi đã lâu lắm, đáng lẽ phải tới nơi rồi, mà vẫn chưa thấy cái cầu gỗ. Chàng nhìn ra không có một cái nhà nào để có thể hỏi thăm được. Chung quanh chỉ toàn rừng già; những cây cao vót, ngọn nghiêng ngả, rào rào trước ngọn gió chiều vừa bắt đầu nổi lên. Chàng thấy rợn rợn, sợ hãi trước cảnh non cao rừng cả, nhưng vẫn quất ngựa cho phóng nước đại, tiến lên.

Đường thấy khó đi dần. Hai bên toàn một thứ cỏ cao, hoa trắng như bạc, lá nhọn và sắc. Sương chiều dần dần tỏa xuống, Quang phải cho ngựa đi từ từ, vì cách năm thước không nom thấy rõ đường.

Bỗng chàng ghì ngựa lại, lắng tai, mừng rỡ. Trong sương, chàng vừa nghe rõ có tiếng người, tiếng thanh thanh của một người con gái:

- Có ai cưỡi ngựa trắng đi trên đường. Quang cất tiếng hỏi:
- Ai đấy?

Thấy có tiếng động ở sau lưng, Quang quay nhìn lại. Một người con gái Thổ vai gánh hai cái giỏ, đi với một đứa bé con tiến đến phía chàng.

- Đến Bản Lang còn xa không, cô?

Quang vừa hỏi vừa nhìn cô gái Thổ và để ý đến nước da trắng và đôi mắt đen của cô bé. Chàng lấy làm lạ rằng cái sợ hãi lúc nãy đã biến đâu mất và tủi thẹn rằng mình được yên tâm như thế là nhờ ở một cô con gái yếu ớt.

Quang nhắc lại câu hỏi:

- Đến Bản Lang còn xa không, cô?

Người con gái thản nhiên đáp:

- Ông đi nhầm đường rồi.

Quang buột mồm kêu:

- Bây giờ làm thế nào?

Chàng toan quay ngựa thì cô gái Thổ như đoán được ý chàng, nói:

- Ông không quay về được nữa đâu.
- Nhưng mà đêm nay có trăng.

- Có trăng, nhưng nhiều sương không nom thấy rõ đường.

Thấy Quang lưỡng lự, cô gái Thổ nói tiếp:

- Vả lại ông phải đi qua một cái rừng có nhiều hổ.

Cô con gái quay lại vẫy đứa em:

- Chúng mình về đi thôi, kéo ở nhà mong.

Quang không muốn quay lại nữa, hỏi cô bé:

- Nhà cô ở gần hay xa?

- Gần đây.

- Tôi muốn về nhà cô có được không?

Cô gái Thổ vừa đi vừa nói:

- Ông cứ về.

Quang nhảy xuống ngựa, rồi yên lặng rẽ cỏ đi theo hai chị em cô Thổ.

Chàng tưởng mình đi trong một thế giới huyền ảo vì chung quanh chàng chỉ có một màu sương trắng mờ dưới ánh trăng.

Đi khỏi mấy khóm cây, bỗng chàng nghe thấy một tiếng gì ở xa, ồn ào như tiếng họp chợ.

- Tiếng gì thế cô?

- Tiếng thác. Thác Linh Hai ở gần nhà em.

*

* *

Vì trời không lạnh lắm, nên Quang bảo cô gái Thổ cho mượn cái chiếu để chàng nằm ngủ ngoài sân sà. Chàng vừa ăn cơm no, và uống ít rượu nên thấy trong người dễ chịu, khoan khoái. Bữa cơm chỉ có một đĩa chả trứng và một bát canh măng mai, nhưng chàng ăn rất ngon miệng; xưa nay chàng không thích rượu, mà bữa cơm ấy chàng cũng uống nổi hai chén, vì rượu đó chàng thấy có một hương riêng phảng phất như hương lan. Cha mẹ cô gái Thổ đối với chàng rất là ân cần. Chàng mừng rằng lỡ đường lại gặp được một gia đình tử tế như vậy, và nhất là được gặp một cô gái Thổ xinh

đẹp. Chàng mỉm cười, sung sướng, đánh diêm châm thuốc lá hút và đợi cô gái Thổ mang chiếu ra để được nhìn lại nét mặt cô dưới bóng trăng. Giải chiếu xong, chàng nằm một lát rồi ngủ thiếp đi.

Lúc Quang thức tỉnh thì trăng đã lên cao, sương đã tan hết. Trời trong lắm, nên những ngọn núi trông như ở sát ngay cạnh nhà, mấy giải rừng đen trên ngọn núi in rõ nền trời đầy sao.

Nghe có tiếng dột vải sau nhà, Quang tìm đến chỗ dột vải định xin nước uống và nhất là để gặp mặt cô gái Thổ, vì chàng chắc rằng chính cô đang ngồi dột vải.

Cô gái Thổ ngừng thoi, mỉm cười, nhìn Quang hỏi:

- Ông chưa đi ngủ?

Quang hỏi lại:

- Thế cô cũng chưa đi ngủ.

- Em còn dột vải.

- Còn tôi thì khát nước, nên không ngủ được.

Cô gái Thổ lại cúi xuống bắt đầu dột.

- Ông ra suối mà uống.

- Tôi sợ lắm, sợ hổ nó ăn thịt.

Cô gái Thổ bật cười. Quang thấy hết cả ngượng nghịu, chàng tiến lại đứng sát bên khung dột, hỏi:

- Tên cô em là gì?

- Tên em là Sao.

Quang mỉm cười nói:

- Thảo nào mà cô đẹp như sao trên trời.

Cô Sao ngây thơ đáp:

- Em chẳng đẹp.

Nhưng câu đó cô ta nói bằng một thứ giọng cố làm ra nũng nịu, và vừa nói vừa đưa mắt nhìn Quang một cách tinh nghịch.

Bỗng Quang thấy thoảng qua một cơn gió thơm ngát mùi hoa, và ngay lúc đó Quang nhận thấy nét mặt cô gái Thổ tươi lên bội phần. Nàng nói:

- Nửa đêm rồi.

Quang lấy đồng hồ xem thì kim chỉ đúng mười hai giờ. Chàng ngạc nhiên hỏi:

- Sao cô biết đúng thế?

- Vì hoa lan nở. Ông không ngửi thấy mùi thơm à?

- Có, nhưng mà lan gì vậy?

- Hoa lan rừng, nở đúng nửa đêm.

Cô Sao đặt thoi xuống, rồi nhìn thẳng vào mặt Quang, nói:

- Ông có đi chơi rừng không... đi xem lan nở, và nhân tiện em đưa ông ra suối uống nước.

Quang thấy một cô gái rủ mình đi chơi rừng đêm, lấy làm ngạc nhiên vô cùng, song chàng nghĩ rằng người đường rừng có tính tự nhiên, chất phác, nên sự đó, họ cho là thường chẳng.

Quang để cô Thổ đi trước mình một ít. Qua mấy thửa ruộng ngô non, hai người đến một cái khe suối, nước chảy lấp lánh như bạc sau những ngọn cỏ đen.

Quang hỏi:

- Nước này uống có sợ sốt rét không cô?

- Không sao. Ngày nào em cũng uống. Anh trông người em tươi tắn thế này thì đủ biết.

Quang bạo dạn tiến lên trước rồi quay lại cúi nhìn vào tận mặt cô Thổ, mỉm cười nói đùa:

- Thử xem mặt cô Sao có tươi tắn thật không nào.

Chàng đứng lặng nhìn không chớp mắt: màu da cô Thổ dưới bóng trăng, chàng trông trắng mát như màu một cành hoa phong lan và đôi mắt đen phảng phất như hai chấm đen trên cành hoa. Bỗng Quang thấy một thứ hương thơm thoảng qua, cũng một thứ hương thơm như ban nãy.

Cô Sao nói:

- Ở bên suối đây có một cây lan. Cây này ít khi có hoa lắm. Nếu có thì chỉ nở một cái hoa là cùng. Ông muốn xem?

Quang lấy làm lạ; chàng vừa ví mặt cô Thổ với hoa lan thì cô ấy đột nhiên nói đến hoa lan như đã đọc được ý nghĩ của chàng.

Nhìn theo phía ngón tay trở của cô Thổ, Quang thấy một bông hoa trắng na ná như một bông huệ to, nhưng hai cánh phía trên có hai chấm đen như mực. Thật là một thứ hoa lạ, chàng chưa được thấy bao giờ.

Quang tiến lên toan ngắt, thì cô Thổ vẻ mặt sợ hãi giờ hai tay giữ lấy tay Quang:

- Em xin ông. Chỉ có mỗi một cây này gần nhà, em quý lắm. Chốc nữa vào rừng vô số, ông tha hồ bẻ... Ông uống nước, rồi ta đi.

Quang cúi rạp xuống mặt suối uống nước và tưởng mình lúc đó như một con hổ đang uống bóng trăng.

Lúc ngừng lên, chàng để ý đến một vật gì trắng trắng ở giữa dòng suối. Nhìn kỹ thì là một hòn đá. Hòn đá ấy, kỳ dị thay, Quang thấy phẳng phất giống hình một cái vai của một người con gái trắng trẻo nằm dưới làn nước. Chàng bảo cô Thổ:

- Trông hòn đá như vai người con gái, cô Sao ạ.

Cô Thổ cười bảo đùa Quang:

- Sao ông không đánh thức cô ta dậy để cùng vào rừng chơi... Nhưng mà cô ta còn mãi tắm, chúng mình đi thôi.

Chữ "chúng mình" Quang thấy cô Thổ nói một cách thân mật, âu yếm. Lúc đó chàng cũng bắt đầu coi cô Thổ như một người tình nhân quen biết đã từ lâu. Chàng nắm lấy tay cô Thổ, nói:

- Chúng mình cùng nhảy qua suối nào.

Lúc qua bên kia bờ suối, Quang hỏi cô bạn:

- Sao tay em lạnh thế em?

- Lúc nãy em vừa rửa tay ở nước suối.

Quang không để ý nên không biết là cô Thổ vừa nói dối chàng.

Hai người đi qua một bãi cỏ, rồi vào một cái rừng thưa. Bóng cành cây in trên đất, trên áo hai người lại càng tăng vẻ sáng của đêm trăng. Cô Thổ nói:

- Qua một cái rừng nữa thì đến chỗ lan nở.

Hai người đi vào bóng tối đen của rừng già. Quang có cảm tưởng như người vừa ở ngoài nắng vào trong rợp, chàng hơi sợ, nắm chặt lấy tay cô Thổ.

Đi khỏi một cái dốc, chàng thấy hiện ra ở trước mặt một mảng trắng xóa dưới bóng trăng.

- Rừng lan.

Cô Sao mừng rỡ vừa nói vừa kéo tay Quang chạy vào trong đám hoa. Hương thơm ngát, Quang thấy đầu óc choáng váng; chàng mơ màng thấy cô Thổ kéo mình ngồi xuống giữa rừng lan. Chàng lắc đầu dụi mắt để cố nhìn cho rõ, nhưng không thể được. Trong lúc bàng hoàng, chàng thấy hình như tất cả những bông hoa trong rừng đều ngả cả về phía chàng, những bông hoa mềm và mát rung rinh bên má chàng như mơn man, ve vuốt...

... Lúc chàng mở mắt ra chàng thấy mình nằm ở trên cỏ, chung quanh chỗ nằm, những bông lan đều ngả dẹp xuống đất. Chàng thấy có bóng đen che khuất ánh trăng, liền quay đầu nhìn lại: cô Thổ đứng bên cạnh chàng, tay cầm bó lá to, mỉm cười:

- Sao ông ngủ say thế. Em đánh thức mãi, ông mới tỉnh.

Quang ngạc nhiên:

- Tôi vừa ngủ? Thế mà tôi không biết đấy.

Ngẫm nghĩ một lát, chàng nói tiếp:

- Có lẽ không phải tôi ngủ đâu, vì say hương lan, nên thiếp đi một lúc đấy.

Quang nhìn cô Thổ một lúc rồi trong lòng sinh ra một mối nghi: hay cô con gái này không phải là người. Chàng vừa sợ vừa hỏi:

- Sao đầu tóc cô rối bời thế?

- Vì em phải chui qua bụi rậm để bẻ trộm ngô.

Cô Thổ vút xuống bên cạnh Quang một bó ngô.

- Ông có diêm không để nướng ngô ăn?

- Không, tôi không mang diêm theo.

- Thế thì đi về đi, ông đi. Về nhà ăn ngô, em đói lắm.

Nghe tiếng cô Thổ nói, và trông điệu bộ, Quang lại thấy hết cả nghi ngờ.

Lạ nhất là đêm khuya ở giữa rừng có mỗi một mình mình với một cô con gái yếu ớt mà chàng không thấy có cái ham muốn của một người con trai khi gần người con gái. Chàng lại có cảm

tưởng mà chàng cho là vô lý là người con gái ấy đã thuộc về chàng rồi.

Cô Thổ bảo Quang:

- Bây giờ ông muốn hái hoa thì tha hồ hái. Em không cấm nữa đâu.

Quang đứng dậy thấy trong người mỗi mệt lạ thường. Chàng không thiết hái hoa nữa; chàng chỉ muốn về ngay vì không chịu nổi hương lan thơm một cách hắc quá.

- Về đi, cô Sao.

*
* *

Sáng hôm sau thức dậy, Quang nhìn phong cảnh chung quanh không thấy có vẻ huyền ảo như đêm qua nữa. Cô Thổ bưng ra một bát cháo nóng mời chàng một cách thân mật:

- Ông xơi cháo.

Quang đắm đắm nhìn cô Thổ. Dưới ánh sáng mặt trời, chàng thấy cô Thổ có cái vẻ đẹp hồng hào của một người con gái khỏe mạnh.

Ăn cháo xong Quang xin đi một cách vội vàng. Chàng chỉ mong đến nhà ông Vi Văn Hoài thu xếp cho chóng xong công việc, khi về chàng sẽ rẽ qua đây.

Quang nhìn cô Thổ:

- Đến mai xong công việc, đi qua đây tôi sẽ rẽ vào thăm cô.

Cô Thổ gật:

- Để em tiễn ông ra khỏi rừng, sợ ông lạc đường.

Quang dắt ngựa đi theo cô Thổ. Đi qua một cái suối, Quang hỏi:

- Hòn đá trắng đêm qua đâu mất rồi.

Cô Thổ đáp:

- Ở về phía sau nhà em cơ. Rừng lan cũng ở về phía ấy.

Bỗng Quang thấy trước mặt sương dày đặc như khói. Cô Thổ bảo:

- Đây là khe núi, sáng nào cũng có sương. Phải quen đường mới đi qua được... Vì thế em mới phải tiễn ông ra tận đây.

Ra khỏi chỗ sương, Quang nhẩy lên ngựa từ biệt cô Thổ.

Ngựa đi được mười bước, Quang quay đầu nhìn lại vẫn thấy cô Thổ đứng trong sương mù nhìn theo. Quang giơ tay nói to.

- Đến mai...

Lúc lên tới đường cái, Quang để ý đến hai cây chò lên cao vút như hai cái cột quét vôi trắng.

*
* *

Hôm trước, Quang đã lầm đường vì người cho thuê ngựa quên không nói rõ cho chàng biết rằng: dọc đường, trước khi đến cái chùa đồ, có một cái miếu cũng đồ nát.

Quang mới đến cái miếu đã rẽ về bên tay phải. Chàng không trách gì người cho thuê ngựa, vì sự lầm đường ấy đã cho chàng được biết một cảnh thú vị.

Chiều hôm sau ở nhà ông Hoài ra, chàng cho ngựa phóng hết sức mau, vì chàng nóng lòng được gặp mặt cô Thổ. Đến cái miếu đồ nát, chàng rẽ về tay trái, rồi cứ đi mãi vào trong. Gặp hai cây chò, chàng cho ngựa đi rẽ xuống. Chàng lần theo vết cũ, rẽ cỏ đi được ít lâu thì đến cái thung lũng có nhà cô Thổ. Chàng cho ngựa nhẩy qua cái suối hôm nọ, nhưng lúc ngừng lên nhìn thì, bỗng chàng biến sắc mặt, nắm chặt lấy dây cương, mắt mở to nhìn thẳng về phía trước: ở chỗ đất mà chàng chắc là có cái nhà của cô Thổ, thì không có cái nhà nào cả. Đây chỉ là một bãi cỏ.

Chàng nghĩ mình lầm đường và cho rằng tại cảnh đường rừng phần nhiều hay giống nhau. Chàng tiến ngựa lên trên bãi cỏ không thấy một dấu vết gì có thể chứng rằng ở chỗ ấy mới hôm qua đây còn có người ở, còn có nhà cửa.

Chàng lắng tai nghe: xa xa có tiếng thác chảy. Chàng lăm bắm:

- Rõ tiếng thác Linh Hai!

Chàng cho ngựa xuống và đi men theo dòng suối. Bỗng chàng ghì cương ngựa lại: sau đám cỏ chàng trông thoáng thấy một vật trắng trắng. Chàng nhảy xuống ngựa đến gần xem thì đó là một hòn đá trắng; chàng kinh ngạc thấy hòn đá đó trông phẳng phất giống hòn đá gần nhà cô Thổ, nghĩa là cũng giống hình như một cái vai của một người con gái trắng trẻo nằm dưới làn nước.

Quang lúc đó tưởng mình đang mê ngủ. Chàng muốn định thần trí lại để cố nghĩ cho hiểu sự lạ lùng ấy, nhưng không thể được. Hòn đá chàng thấy như có vẻ sống và dưới ánh sáng mặt trời chàng trông rõ một tia đỏ chạy ngang hòn đá như một tia máu.

Chàng cúi xuống giơ hai tay múc nước để rửa mặt cho tỉnh. Nước suối lạnh làm chàng rùng cả mình mẩy. Bỗng chàng thấy - rõ ràng chàng thấy - bên cạnh bóng mặt chàng in xuống đáy nước có bóng mặt một người khác nữa, mặt một người con gái Thổ chàng trông phẳng phất giống cô Sao.

Chàng rợn người, đứng thẳng lên, nhìn quay lại thì không có ai cả. Chỉ có con ngựa của chàng đứng sau đang rút cỏ ăn. Thoảng thấy hương lan, chàng nhìn quanh quẩn. Lúc ngừng lên, chàng thấy ở ngay trên đầu có một bông lan, hoa trắng nuột, cành điểm hai chấm đen... Bông lan rừng.

Quang toan giơ tay hái bông hoa, nhưng có một nỗi sợ vô cơ làm ngừng tay chàng lại. Văng vẳng bên tai chàng tưởng như nghe thấy tiếng cô Sao nói với chàng đêm hôm trước:

- Em xin ông, chỉ có mỗi một cây này gần nhà, em quý lắm.

*

* *

Lúc ra đến ngoài đường cái, Quang đợi mãi mới gặp được một người Thổ kiếm củi đi qua. Chàng gọi lại hỏi:

- Ở trong kia có nhà ai ở không?

Người Thổ đáp:

- Quanh đây không có nhà ai cả. Ai dám ở đây. Nhiều hổ lắm.

Quang bảo người Thổ lắng tai nghe tiếng thác rồi hỏi:

- Có phải thác Linh Hai đó không?

Người Thổ ngạc nhiên không hiểu:

- Thác Linh Hai? Linh Hai?... Không phải, đấy là thác Na Panh. ở khắp châu này không có thác Linh Hai.

*

* *

Mấy hôm sau, người cho thuê ngựa thấy Quang sáng nào cũng đến thuê ngựa rồi cứ chiều tối mới đem ngựa về trả.

Bẵng đi mấy tháng, người cho thuê ngựa lại thấy Quang đến, nhưng lần này chiều không thấy đem ngựa về. Ngày hôm sau cũng không thấy bóng ông khách thuê ngựa đâu. Nửa đêm nghe tiếng động ở cửa, người cho thuê ngựa đem đèn ra soi thì thấy con ngựa của mình đứng bên giậu, hực hực tìm lối vào.

Trên lưng ngựa, yên còn đóng nguyên, mà người thuê không thấy đâu cả.

*Rút từ tập truyện ngắn Hai buổi chiều vàng,
Nxb. Đời nay, Hà Nội, 1937*